

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

I

PHẨM TỰ

Thứ nhứt

(*) Như vậy, tôi nghe : Một lúc nọ, đức Thích Ca Mâu Ni Phật ở tại rừng Ta La Song Thọ nơi thành Câu Thi Na, ⁽¹⁾ cùng với tám mươi ức trăm ngàn vị đại Tỳ Kheo.

Bấy giờ nhằm ngày rằm tháng hai vào lúc sáng sớm sắp nhập Niết Bàn, đức Phật dùng thần lực vang ra tiếng lớn thấu khắp các nơi, suốt đến trời Hữu Đảnh⁽²⁾ theo từng ngôn ngữ của mỗi loài mà bảo rằng : "Đức Như Lai Vô Thượng Đẳng, Chánh Giác thương mến che chở chúng sanh, là ngôi nhà to rộng cho chúng sanh về nương, xem chúng sanh đồng như La Hầu La.

Đấng Đại Giác Thế Tôn sắp nhập Niết Bàn, tất cả chúng sanh nếu có chỗ nghi nay đều nên bạch hỏi, cũng là lần hỏi cuối cùng !".

(*) Hán bộ quyển thứ 1

Từ mắt, mũi, miệng, đức Thế Tôn phóng ra các thứ ánh sáng. Những ánh sáng ấy có nhiều màu : xanh, vàng, đỏ, trắng, màu pha lê, màu mã não, chiếu khắp cõi đại thiên ⁽³⁾, cũng lại chiếu suốt cả mười phương. Lục đạo chúng sanh ⁽⁴⁾, ai gặp được ánh sáng này chiếu đến mình thời tất cả tội cấu phiền não đều tiêu trừ. Những chúng sanh này thấy ánh sáng cùng nghe lời tuyên bố trên đây, tất cả đều rầu lo, buồn khóc nức nở : "Than ôi ! Còn gì đáng Từ Phụ ! Thương thay, khổ thay !".

Lúc đó khắp đại địa, núi non biển cả thảy đều chấn động.

Các chúng sanh bảo nhau rằng : "Chúng ta gắng dằn lòng chớ quá buồn khổ. Phải kíp đến thành Câu Thi Na, nơi rừng Ta La, đánh lễ Phật, cầu thỉnh đức Như Lai trụ thế thêm một thời gian".

Mọi người lại nắm tay nhau mà nói rằng : "Chúng sanh hết phước, thế gian trống rỗng, những ác nghiệp thêm nhiều.

Đức Như Lai sắp nhập Niết Bàn. Các Ngài mau đến hầu Phật".

Rồi lại cùng than rằng : "Thế gian trống rỗng ! Thế gian trống rỗng ! Chúng ta từ nay không chỗ phụng thờ, không ai cứu hộ, cõi cút nghèo cùng. Một mai xa lìa đấng Vô Thượng Giác, nếu có chỗ nghi lẫn, chúng ta sẽ bạch hỏi với ai ?".

Bấy giờ các vị đại Tỳ Kheo ⁽⁵⁾ : Tôn giả Ma Ha Ca Chiên Diên, Tôn giả Bạc Câu La, Tôn giả Ưu Ba Nan Đà v.v..., chạm phải ánh sáng của Phật, thân của các Ngài liền run giật, tâm tưởng mê loạn, hốt hoảng kêu la.

Lại có tám trăm vạn vị Tỳ Kheo đều là bực vô lậu A La Hán, tâm được tự tại, chỗ làm đã xong, rời các phiền não, điều phục các căn, có oai đức lớn, thành tựu không huệ, đã khỏi sanh tử, tất cả đều là chơn Phật tử. Sáng hôm ấy, lúc mặt trời vừa mọc, các Ngài đang nhẩn nhành dương, thấy ánh sáng của Phật chiếu đến, các Ngài hồi nhau súc miệng, rửa tay. Toàn thân của các Ngài đều rờn ớn, máu nổi đỏ như bông ba la xa, hai mắt đầy lệ, lòng rất buồn khổ. Vì muốn lợi lạc cho chúng sanh, thành tựu hạnh đệ nhất không của Đại thừa, cùng muốn hiển phát giáo pháp phương tiện bí mật của Như Lai, để các cuộc thuyết pháp chẳng đoạn tuyệt, và cũng vì muốn làm nhơn duyên điều phục chúng sanh, nên các Ngài vội đến trước Phật, cúi đầu lạy chơn Phật, nhiễu Phật trăm ngàn vòng, rồi chấp tay cung kính ngồi qua một bên.

Lại có sáu mươi ức vị Tỳ Kheo Ni như Thiện Hiền Tỳ Kheo Ni, Ưu Ba Nan Đà Tỳ Kheo Ni, Hải Ý Tỳ Kheo Ni v.v..., đều là bực đại A La Hán, đã sạch phiền não, tâm được tự tại, chỗ làm đã xong, các căn điều phục có oai đức lớn, thành tựu không huệ.

Các Tỳ Kheo Ni ấy cũng vào buổi sáng sớm, lúc mặt trời vừa mọc, toàn thân rớn ốc, máu nổi đỏ như bông ba la xa, đôi mắt đầy lệ, lòng rất buồn khổ, cũng vì muốn lợi lạc cho chúng sanh, và làm nhơn duyên điều phục, nên các Tỳ Kheo Ni ấy vội đến chỗ Phật, cúi đầu lạy chơn Phật, nhiễu Phật trăm ngàn vòng, rồi chấp tay cung kính ngồi qua một bên. Trong chúng Tỳ Kheo Ni này, có những vị Bồ Tát đến bực Thập địa an trụ bất động. Vì hóa độ chúng sanh nên hiện thân phụ nữ, nhưng thường tu tập, bốn tâm vô lượng ⁽⁶⁾, đặng sức tự tại có thể biến hóa làm Phật.

Bấy giờ lại có một hàng hà sa đại Bồ Tát⁽⁷⁾, chứng bực Thập địa an trụ bất động, phương tiện hiện thân. Danh hiệu của các vị Thượng thủ là : Hải Đức Bồ Tát, Vô Tận Ý Bồ Tát v.v.... Các Ngài thấy đều kính trọng Đại thừa, an trụ Đại thừa, hiểu sâu Đại thừa, ưa thích Đại thừa, gìn giữ Đại thừa. Các Ngài khéo tùy thuận được tất cả thế gian mà lập thế rằng : "Những ai chưa giải thoát, sẽ làm cho được giải thoát". Các Ngài từ vô lượng kiếp về quá khứ tu trì giới pháp thanh tịnh, khéo đem chỗ đã làm dạy lại cho người chưa hiểu, nổi thanh ngời Tam Bảo ⁽⁸⁾ làm cho chẳng đoạn tuyệt, sau này sẽ chuyển pháp luân, dùng đại trang nghiêm mà tự trang nghiêm, thành tựu vô lượng công đức như thế, xem chúng sanh đồng như con một. Các vị đại Bồ Tát này cũng vào

lúc sáng sớm gặp ánh sáng của Phật chiếu đến, cả mình rờn ốc, máu đỏ nổi lên như bông Ba La Xa, đôi mắt tràn lệ, lòng rất đau xót, vì muốn lợi lạc cho chúng sanh, thành tựu hạnh đệ nhất không của Đại thừa, hiển phát giáo pháp phương tiện bí mật của Như Lai, cho các cuộc thuyết pháp chẳng đoạn tuyệt, cùng làm nhơn duyên điều phục cho chúng sanh, nên các Ngài vội đến chỗ Phật, cúi đầu lạy chơn Phật, đi nhiễu Phật trăm ngàn vòng, chấp tay cung kính ngồi qua một bên.

Bấy giờ lại có hai hăng hà sa vị Ưu Bà Tắc ⁽⁹⁾ thọ trì ngũ giới ⁽¹⁰⁾ đầy đủ oai nghi, các ông Oai Đức Ưu Bà Tắc, Thiện Đức Ưu Bà Tắc. v.v... làm thượng thủ trong số ấy. Tất cả đều thích quan sát sâu kỹ các môn đối trị như các môn khổ vui, thường vô thường, tịnh bất tịnh, ngã vô ngã, thiệt bất thiệt, y phi quy y, chúng sanh phi chúng sanh, hăng phi hăng, an phi an, vi vô vi, đoạn bất đoạn, Niết Bàn phi Niết Bàn, tăng thượng phi tăng thượng, v.v... Cũng thích muốn nghe vô thượng Đại thừa, nghe rồi có thể giảng lại cho người khác, khéo giữ gìn giới luật thanh tịnh, khát ngưỡng Đại Thừa, đã tự đầy đủ lại có thể làm đầy đủ kẻ khác, khéo nhiếp thủ trí huệ vô thượng, ưa thích và gìn giữ Đại thừa. Khéo tùy thuận tất cả thế gian, độ người chưa được độ, dạy người chưa được hiểu, nối giống Tam Bảo cho khỏi đoạn tuyệt, sau này sẽ chuyển pháp luân,

dùng đại trang nghiêm mà tự trang nghiêm, tâm các vị ấy luôn say sưa nơi giới hạnh thanh tịnh, thành tựu những công đức như thế, đối với chúng sanh phát tâm đại bi bình đẳng xem như con một.

Sáng sớm hôm ấy, vì muốn làm lễ trà tỳ⁽¹¹⁾ thân của Như Lai, nên mỗi người đem vạn bó gỗ thơm : gỗ chiên đàn trầm thủy, gỗ ngưu đầu chiên đàn, gỗ thiên mộc hương v.v... Do thần lực của Phật nên các bó gỗ thơm ấy chiếu ra nhiều màu xanh vàng đỏ trắng rất sáng đẹp. Gỗ thơm ấy đều ướp bằng các thứ dầu thơm. Các thứ hoa sen đơm trên những bó gỗ, cùng treo những lá phan năm màu mịn đẹp. Chở gỗ là các thứ xe bằng loại thất bảo⁽¹²⁾ thặng bốn ngựa hùng tráng. Trên xe tàn lọng che giăng, rữ những tràng hoa sen đẹp đủ màu, làm bằng vàng ròng và kim cương, các loại ong đen vui vẻ bu hợp trong hoa vang ra tiếng diển nói những pháp vô thường, khổ, không, vô ngã và thuật đạo hạnh của Bồ Tát tu tập ngày trước. Lại có các thứ âm nhạc hòa tấu thành tiếng buồn than : "Khổ thay ! Khổ thay ! Thế gian trống rỗng !". Trước mỗi xe có Ưu Bà Tắc bung hương án bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, trên án xông các thứ hương thơm thượng hảo, cùng chung các thứ hoa sen đẹp đủ màu. Các vị Ưu Bà Tắc này muốn cúng dường Phật cùng chư Tăng, nên đã dự sắm các thứ thực phẩm nấu bằng củi chiên đàn trầm thủy. Những thực phẩm ấy thơm ngon đủ sáu vị : mặn,

ngọt, chua, cay, đắng, lạt, cùng đủ ba đức : mềm dẻo, sạch sẽ, đúng pháp. Khi đến rừng Ta La, họ lấy mặt vàng ròng rải khắp các nơi, rồi trải gấm lụa lên trên rộng đến mười hai do tuần. Họ thiết tòa sư tử cao lớn bằng bảy báu để thỉnh Phật và chư Tăng ngồi. Họ đem dầu thơm quý thoa vào thân cây trong rừng rồi treo các lá phan, các tàn lọng xinh đẹp, họ rải những thứ hoa đẹp thơm vào các khoảng giữa cây cách nhau. Các Ưu Bà Tắc này đều suy nghĩ rằng : "Tất cả chúng sanh nếu ai có chỗ thiếu hụt : cần thức ăn, tôi sẽ cho ăn; cần uống cho uống; cần dầu cho dầu; cần mắt cho mắt; bất luận là cần dùng thứ gì, tôi sẽ cho thứ ấy. Lúc bố thí như thế, tôi sẽ không có lòng tham sân ác độc như nhớp. Tôi không hề móng niệm cầu phước lộc thế gian mà chỉ nhứt tâm cầu quả Vô Thượng Bồ Đề".

Các vị Ưu Bà Tắc này đều đã an trụ nơi đạo Bồ Đề. Các ông nghĩ thầm : "Hôm nay đức Như Lai thọ thực của chúng tôi xong sẽ nhập Niết bàn". Vừa nghĩ đến đây, cả mình các ông đều rớn ốc, máu đỏ nổi lên như bông Ba La Xa, đôi mắt tràn lệ, lòng rất buồn khổ. Các ông lật đật đem những đồ cúng dường dâng lên đức Phật, cúi đầu lạy chơn Phật, đi nhiều trăm ngàn vòng, khóc lóc nức nở, tiếng động trời đất, nước mắt như mưa. Các ông than với nhau rằng : "Thế gian sẽ trống rỗng, thế gian sẽ trống rỗng". Rồi các ông lại nhào lặn trước

Phật, vừa khóc vừa bạch Phật : "Cúi xin đức Như Lai xót thương chúng con mà nhận lễ cúng dường cuối cùng này".

Đức Thế Tôn biết giờ nên yên lặng không nhận. Các ông yêu cầu ba phen mà Phật vẫn không hứa nhận. Không được đức Phật nhận, các ông rất đau khổ như người có con một phải bệnh chết vừa mới chôn xong. Các ông đem những đồ cúng an trí một nơi rồi cùng nhau ngồi qua một bên.

Bấy giờ lại có ba hằng hà sa Ưu Bà Di thọ trì ngũ giới đầy đủ oai nghi, trong số đó có tám vạn bốn ngàn vị thượng thủ, như các bà Thọ Đức Ưu Bà Di, Đức Man Ưu Bà Di, Tỳ Xá Khư Ưu Bà Di v.v... Chư Ưu Bà Di này đều kham hộ trì chánh pháp, vì độ chúng sanh mà hiện thân phụ nữ. Thường chê trách gia pháp. Tự xem thân mình như bốn rắn độc : Thân này thường là món ăn của vô số vi trùng; thân này hôi thúi bị ràng trong ngục tham dục; thân này đáng ghét dường như thân chó chết; thân này như nhóp, chín lỗ chảy luôn. Thân này như thành trì : da mỏng bọc trên máu thịt gân xương, tay chân là gậy gộc ngăn địch, đôi mắt là lỗ hở, đầu là cung điện chỗ của tâm vương ngự. Những ác quỷ gian tham, dâm dục, sân hận, thù ghét, si mê, tà kiến cư ngụ trong thành này. Đây là chỗ vất bỏ của chư Phật Thế Tôn, mà phạm phu ngu si lại mê say. Thân này là vật không bền chắc khác nào bọt nước, cây chuối,

cọng lau. Thân này vô thường niệm niệm không dừng như làn chớp, nước dốc, như ảo thuật, ngọn lửa, lặn vế trên nước. Thân này dễ hư rã như cây bên bờ sông lở. Thân này không mấy chốc sẽ là thức ăn của sói, chồn, quạ, kên, chó đói. Có ai là người trí mà lại ưa thích thân này. Đem hết nước biển đựng trong chậu chân trâu còn không khó bằng kể cho đủ những sự vô thường, như chớp hôi thúi của thân này. Vô quả địa cầu làm cho nhỏ lại bằng trái táo, bằng hạt đĩnh lịch, bằng hạt bụi, là việc dễ hơn kể hết những tội lỗi tai hại của thân này. Thế nên phải nhàm bỏ thân này như nhàm bỏ đám mũi. Vì những nhơn duyên ấy, các Ưu Bà Di đây thường tu pháp không, vô tướng, vô nguyện. Các bà rất thích học hỏi kinh điển Đại thừa, thủ hộ Đại thừa và cũng có thể giảng dạy lại người khác. Dầu là hiện thân nữ mà các bà đều là Bồ Tát, khéo hay tùy thuận tất cả thế gian, độ người chưa được độ, dạy người chưa được hiểu. Các bà nổi giống Tam Bảo khiến chẳng đoạn tuyệt, sẽ chuyển pháp luân nơi đời vị lai, dùng đại trang nghiêm để tự trang nghiêm. Đối với chúng sanh phát tâm đại bi bình đẳng, xem như con một. Sáng sớm hôm ấy, các bà bảo nhau đến rừng Ta La. Các bà đem rất nhiều đồ cúng dường cùng đến trước Phật, cúi đầu lễ chơn Phật, đi nhiễu trăm ngàn vòng rồi bạch Phật rằng : "Thế Tôn ! Hôm nay chúng con sắm sửa đồ cúng dường kính dung lên đức Thế Tôn và

chư Tăng. Ngõa mong Đức Như Lai thương xót nhận cho". Các bà ba phen khẩn cầu mà đức Phật yên lặng không nhận. Các bà than thở ngồi qua một bên.

Bấy giờ nơi thành Tỳ Gia Ly, các quyền thuộc trai gái già trẻ của dòng Ly Xa và những quyền thuộc của vua chúa ở các nước, vì cầu chánh pháp nên khéo tu giới hạnh, đầy đủ oai nghi, trừ dẹp các môn dị học làm tổn hại chánh pháp. Họ thường bảo nhau rằng : "Chúng ta phải dùng vàng bạc kho đụn làm cho tạng chánh pháp thâm áo còn mãi nơi đời. Nguyện cho chúng ta thường được tu học. Nếu có ai khinh chê chánh pháp của Phật thời phải cắt lưỡi người đó". Họ lại nguyện rằng : "Người xuất gia nếu phá hư giới cấm, chúng ta phải bắt thôi tu, hườn tục, để làm tội mọi. Còn bậc hộ trì chánh pháp giới đức tinh nghiêm, chúng ta phải kính trọng phụng thờ như cha mẹ. Nếu chư Tăng có thể tu theo chánh pháp, chúng ta phải tùy hỷ tán trợ cho những vị ấy được thế lực". Những hoàng tộc này rất thích nghe kinh điển Đại thừa, và cũng có thể giảng giải lại cho người khác những pháp Đại thừa mà họ đã được nghe. Tất cả đều thành tựu những công đức như vậy. Danh hiệu của họ là : Tịnh Vô Cấu Tạng Ly Xa Tử, Tịnh Bát Phóng Dật Ly Xa Tử, Vô Cấu Tịnh Đức Ly Xa Tử, v.v... Họ bảo nhau kíp đến chỗ Phật cùng đem vô số đồ cúng dường với vô số châu minh nguyệt, gỗ trầm, chiên đàn, chớ bằng những thớt

tượng lớn và những cỗ xe báu tứ mã. Trên xe trang hoàng vô số phan lọng. Lúc đến trước Phật, họ cúi đầu lạy chơn Phật, đi nhiều trăm ngàn vòng, rồi bạch rằng : "Thế Tôn ! Hôm nay chúng con sắm các phẩm vật cúng dường đức Phật và chư Tăng. Ngừa mong đức Như Lai thương xót nhận cho".

Đức Phật yên lặng không hứa nhận. Các hoàng tộc chẳng được toại nguyện, lòng rất buồn khổ, do thần lực của Phật, họ bay lên cao cách đất bảy cây đa la rồi yên lặng mà trụ giữa hư không.

Bấy giờ lại có vô số Đại Thần Trưởng Giả kính trọng Đại thừa, ủng hộ Đại thừa, dẹp trừ các phái dị học, như mưa đá tuôn nát cỏ cây. Các ông Nhựt Quang Trưởng Giả, Hộ Thế Trưởng Giả, Hộ Pháp Trưởng Giả, v.v... là bậc thượng thủ trong hàng người ấy. Họ sắm vô số đồ cúng dường cùng đem nhau đến trước Phật, cúi đầu lạy chơn Phật, đi nhiều trăm ngàn vòng rồi bạch rằng : "Thế Tôn ! Hôm nay chúng con sắm các phẩm vật cúng dường đức Phật và chư Tăng. Ngừa mong đức Như Lai thương xót nhận cho".

Đức Phật yên lặng chẳng hứa nhận. Các vị Trưởng Giả không được toại nguyện lòng rất buồn khổ. Do thần lực của Phật, họ bay lên cao cách đất bảy cây đa la rồi yên lặng trụ giữa hư không.

Bấy giờ Vua thành Tỳ Xá Ly và Vua các nước, trừ vua A Xà Thế và phu nhơn, mỗi vua cùng với

các bà phu nhơn và thân dân đem theo vô số cúng phẩm đến rừng Ta La. Các vua và phu nhơn đây đều đã an trụ nơi chánh pháp, kính trọng và rất mến Đại thừa, thương chúng sanh đồng như con một. Lúc đến trước Phật, các vua và phu nhơn bạch rằng : "Bạch đức Thế Tôn ! Hôm nay chúng con sắm phẩm vật dung cúng đức Phật và chư Tăng. Ngừa mong đức Như Lai thương xót nhận cho".

Đức Phật tự biết chưa phải lúc, nên cũng chẳng hứa nhận. Các vua và phu nhơn không được toại nguyện, lòng rất buồn khổ, ngồi qua một bên.

Bấy giờ có vô số Thiên Nữ. Thượng thủ Quảng Mục Thiên Nữ bảo rằng : "Chị em xem kia ! Đại chúng sắm phẩm vật muốn cúng dường Phật và chư Tăng. Chúng ta cũng nên đem phẩm vật dung lên đức Phật, đức Phật thọ xong sẽ nhập Niết bàn. Chị em nên biết, Phật xuất thế rất khó, được cúng dường Phật lần cuối cùng càng khó hơn. Nếu Phật nhập Niết Bàn thời thế gian sẽ trống rỗng".

Hàng Thiên Nữ này đều giữ gìn giới hạnh, đầy đủ oai nghi, rất thích tu học và hộ trì Đại thừa, khéo hay tùy thuận tất cả thế gian, độ người chưa được độ, dạy người chưa được hiểu, sẽ chuyển pháp luân ở vị lai, dùng đại trang nghiêm để tự trang nghiêm bình đẳng thương chúng sanh đồng như con một. Vì muốn lợi lạc cho chúng sanh, thành tựu hạnh đệ nhất nghĩa không của Đại thừa, hiển phát

giáo pháp phương tiện bí mật của Như Lai, mà cũng muốn các sự thuyết pháp không đoạn tuyệt, nên các Thiên Nữ sắm vô số đồ cúng dường ở cõi trời và vô số thứ hương trời, chớ trên những xe báu trần thiết vô số lọng báu, phan báu, bửu châu, kỹ nhạc, rải vô số hoa trời, cùng nhau đến trước Phật, khóc lóc lạy chơn Phật, đi nhiều trăm ngàn vòng rồi bạch rằng : "Ngũs mong đức Như Lai thương xót nhận phần cúng dường cuối cùng của chúng con".

Đức Phật yên lặng chẳng nhận. Các Thiên Nữ chẳng được toại nguyện, lòng rất buồn khổ, ngồi qua một bên.

Bấy giờ có vô số chư Thiên Tử, Thiên Vương, Tứ Thiên Vương, vô số Thiên Thần, Tỳ Sa Môn Thiên Vương làm thượng thủ; vô số Long Vương, Hòa Tu Kiệt Long Vương, Nar Đà Long Vương, Bạt Nan Đà Long Vương làm thượng thủ; vô số Kim Sí Điều Vương, Hàng Oán Điều Vương làm thượng thủ; vô số Càn Thát Bà Vương, Na La Đạt Vương làm thượng thủ; vô số Khẩn Na La Vương, Thiện Kiến Vương làm thượng thủ; vô số Ma Hầu La Già Vương, Đại Thiên Kiến Vương làm thượng thủ; vô số A Tu La Vương, Viêm Bà Lợi Vương làm thượng thủ; vô số Đà Na Bà Vương, Vô Cấu Hà Thủy Vương, Bạt Đề Đạt Đa Vương làm thượng thủ; vô số La Sát Vương, Khả Úy Vương làm thượng thủ;

vô số Thọ Lâm Thần Vương, Lạc Hương Vương làm thượng thủ; vô số Hải Thần, Hà Thần, vô số Trì Chú Vương, Đại Huyền Vương làm thượng thủ; vô số Quý Mỹ, Thiện Kiến Vương làm thượng thủ; vô số Quý Vương, Bạch Tháp Vương làm thượng thủ; vô số Tượng Vương; vô số Sư Tử Vương; vô số Điều Vương; vô số Ngưu Vương; vô số Phong Vương; vô số Vân Vũ Vương; vô số Thần Tiên v.v... Đại chúng trên đây đều đem vô số phẩm vật, vô số hương hoa, vô số nhũ mật hảo hạng đến lễ Phật cúng dường.

Đức Như Lai đều chẳng hứa nhận. Họ rất buồn khổ ngồi qua một bên.

Chư Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni thấy đều họp đủ, chỉ thiếu mặt hai chúng Ma Ha Ca Diếp và A Nan Đà.

Hôm ấy toàn rừng Ta La bỗng đổi màu trắng như lông bạch hạc. Trên hư không tự nhiên có tòa nhà thất báu, dưới tòa nhà có ao suối mọc đầy hoa sen xinh đẹp, như vườn hoan hỉ ở Thiên cung Đạo Lợi. Cả rừng Ta La cũng biến thành trang nghiêm xinh đẹp khác thường.

Trời Đế Thích, cũng như Tứ Thiên Vương, và Chư Thiên trung Dục giới đều đem phẩm vật thượng hảo dâng lên đức Phật, mong Phật nhận phần cúng dường cuối cùng của mình hầu được sớm thành tựu pháp Bồ thí Ba la mật, nhưng đức Phật vẫn

không hứa nhận. Chư Thiên Dục giới không được toại nguyện, lòng rất buồn khổ, ngồi qua một bên.

Đại Phạm Thiên Vương cùng Chư Thiên Sắc giới đến lễ Phật, tha thiết dâng phẩm vật cõi sắc. Phật không hứa nhận. Đại Phạm Thiên và Chư Thiên Sắc giới không được toại nguyện, lòng rất buồn khổ, ngồi qua một bên.

Bấy giờ Ma Vương Ba Tuần cùng quyền thuộc vô lượng đại chúng mở cửa địa ngục ban nước thanh tịnh, như đó bảo đại chúng rằng : Nay đây các người không làm gì được, chỉ nên chuyên niệm Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, trần thiết lễ tỳ hỷ cúng dường cuối cùng, các người sẽ được an vui mãi mãi". Liền đó, Ma Ba Tuần dẹp bỏ dao gươm v.v..., những độc cụ trong địa ngục, cùng làm mưa to dập tắt ngọn lửa đang cháy hừng. Do thần lực của Phật, Ma Vương lại phát tâm lành truyền lệnh cho toàn thể quyền thuộc ma đều bỏ hết binh khí, rồi mang vô số cúng phẩm cùng nhau đến chỗ Phật, cúi đầu lạy chơn Phật mà bạch rằng : "Chúng con từ nay ưa thích và gìn giữ Đại thừa. Bạch Thế Tôn ! Nếu Thiên nam tử, Thiên nữ như, vì cúng dường, vì sợ hãi, vì phỉnh người, vì tiền của, vì tùy theo người v.v... mà thọ lấy pháp Đại thừa này, hoặc chơn hoặc ngụy, chúng con nói chú này để trừ diệt sợ hãi của người đó : "Sá chỉ, trá trá la sá chỉ, lô ha lệ, ma ha lô ha lệ, a la, giá la, đa la, tóa ha".

Bài chú này có thể làm cho người điên cuồng, người kinh sợ, người thuyết pháp, người chẳng dứt chánh pháp đều được an ổn. Vì hàng phục ngoại đạo, vì gìn giữ thân mình, vì hộ trì chánh pháp, vì hộ trì Đại thừa, mà chúng con nói bài chú này. Nếu người nào thọ trì chú này thời không còn sợ voi dữ làm hại; hoặc đi đến rừng hoang, đầm trống, những nơi nguy hiểm chẳng sanh sự kinh sợ; cũng không có những tai nạn nước, lửa, sư tử, cọp, sói, trộm, cướp, vua, quan. Bạch đức Thế Tôn ! Nay đây, chúng con không vì đua nịnh mà nói những việc này. Ai thọ trì bài chú này thời con sẽ chí thành ủng hộ làm cho thêm thế lực. Ngõa mong đức Như Lai thương xót nhận phần cúng dường cuối cùng của chúng con".

Đức Phật bảo Ma Vương Ba Tuần rằng : "Như Lai không nhận thực phẩm của nhà người dưng, mà chỉ nhận lấy thần chú của người nói, vì Như Lai muốn cho chúng sanh và bốn bộ chúng được an vui".

Ma Vương cầu thỉnh ba lần, mà đức Phật vẫn không hứa nhận. Ma Ba Tuần không được toại nguyện, lòng rất buồn khổ, ngồi qua một bên.

Đại Tự Tại Thiên Vương cùng vô lượng chư Thiên sắm những cúng phẩm tội hơn tất cả thứ phẩm vật của các đại chúng trời người đã thuật ở trước, cho đến phẩm vật của Phạm Thiên Đế Thích sánh với những cúng phẩm này thời như khối mực đen sánh với đồng châu ngọc, một cây lọng báu

nhỏ nhút giương ra có thể che trùm cả cõi đại thiên. Đại Tự Tại Thiên Vương cùng chư Thiên đem những cúng phẩm ấy đến chỗ Phật, cúi đầu lạy chơn Phật, đi nhiễu trăm ngàn vòng rồi bạch rằng : "Thế Tôn ! Cúng phẩm của chúng con dung lên đây rất hèn mọn, khác nào con muỗi dung cho chư Thiên. Lại cũng như đem một bụm nước đổ vào biển lớn, thắp một cây đèn nhỏ giúp sáng cho trăm ngàn mặt trời, cầm một cái bông thêm vào vườn bông giữa mùa xuân muôn hoa đua nở, đặt một hạt đing lịch thêm lớn cho núi Tu Di. Nào có ích gì cho biển rộng, mặt trời, vườn hoa, núi lớn. Cúng phẩm của chúng con đối với đức Phật cũng như thế.

Dầu mang cả hương hoa, kỹ nhạc, phan lọng đầy khắp cõi đại thiên đến cúng dường Như Lai còn không đáng kể. Vì sao vậy ? Vì đức Như Lai thường ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh trong các ác thú thọ nhiều sự khổ để cứu vớt mọi loài. Xin đức Thế Tôn thương xót nhận phần cúng dường của chúng con".

Đức Phật yên lặng không hứa nhận. Đại Tự Tại Thiên Vương cùng chư Thiên không được toại nguyện lòng rất buồn khổ, ngồi qua một bên.

Bấy giờ phương Đông cách đây vô lượng vô số a tăng kỳ hằng hà sa vi trần thế giới, nơi cõi Ý Lạc Mỹ Âm, có Phật hiệu Hư Không Đẳng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, ThiệThệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng

Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn, bảo vị đệ tử lớn nhất là Vô Biên Thân Bồ Tát rằng : "Thiện nam tử nên qua Tây phương Ta Bà thế giới. Cõi ấy có Phật Thích Ca Mâu Ni đủ mười đức hiệu sắp nhập Niết Bàn. Ông đem cơm thơm ăn vào an ổn nơi cõi này qua đưng lên Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật thọ rồi sẽ nhập Niết Bàn. Nhơn đó ông có thể lễ kính Phật cầu giải quyết những điều nghi".

Vô Biên Thân Bồ Tát tuân lời Phật dạy, liền cùng vô lượng chúng Bồ Tát đồng đến cõi Ta Bà. Lúc ấy toàn cõi Ta Bà chấn động sáu cách. Đại chúng nơi rừng Ta La : Phạm Thiên, Đế Thích, Tứ Thiên Vương, Ma Vương Ba Tuần, Đại Tự Tại Thiên v.v... thấy đất rung động, cả mình rợn ốc, cổ lươi khô khan, tự thấy thân mình không còn ánh sáng, mất cả oai đức, kinh hãi run rẩy đều muốn giải tán.

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát liền đứng dậy bảo đại chúng rằng : "Mọi người chớ sợ ! Cách đây về phương Đông vô lượng vô số a tăng kỳ hằng hà sa vi trần thế giới⁽¹³⁾ có cõi Ý Lạc Mỹ Âm, Phật Hư Không Đẳng đủ cả mười đức hiệu. Nơi cõi đó có đại Bồ Tát tên Vô Biên Thân cùng vô lượng Bồ Tát sắp đến đây. Bởi oai đức của đại Bồ Tát ấy làm oai quang của mọi người phải ẩn đi. Mọi người nên vui mừng đừng kinh sợ".

Liền đó mọi người đều thấy rõ chúng đại Bồ Tát nơi cõi Mỹ Âm, như nhìn trong gương tự thấy thân mình.

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát lại bảo đại chúng : "Nay đây, mọi người thấy chúng đại Bồ Tát đó như thấy đức Phật Thích Ca. Do thần lực của Phật sẽ được thấy vô lượng chư Phật ở chín phương".

Bấy giờ đại chúng đều thấy Vô Biên Thân Bồ Tát cùng quyến thuộc của Ngài. Nơi mỗi lỗ chơn lông của Vô Biên Thân Bồ Tát đều xuất sanh một hoa sen lớn, mỗi hoa sen đều có bảy muôn tám ngàn thành ấp rộng như thành Tỳ Gia Ly. Vách thành hào thành toàn bằng thất bảo, cây báu hàng liệt bông trái sum sê. Gió nhẹ thổi động vang ra tiếng hòa nhã như tiếng nhạc trời. Nhơn dân trong những thành ấy nghe tiếng gió reo liền đặng hưởng thọ nhiều sự vui vẻ. Nước trong hào thành trong sạch thơm tho như chơn lưu ly, trên mặt nước có thuyền thất bảo, chúng nhơn ngồi thuyền dạo chơi tắm gội rất mực vui sướng. Trong hào lại có vô lượng hoa sen đủ màu : xanh, vàng, đỏ, trắng, lớn như bánh xe. Trên bờ hào lại có vườn rừng, trong mỗi vườn có năm ao suối đầy hoa sen bốn màu, hương thơm ngào ngạt. Nước ao sạch trong có các loài chim bơi lội. Trong vườn lại có nhiều lâu đài, mỗi tòa lâu đài rộng bốn do tuần, vách cột mặt đất toàn bằng các chất báu : vàng, bạc, lưu ly, pha lê, trong ấy có nhiều ao suối thất bảo, bậc thang bằng vàng ròng, vàng Diêm Phù Đà làm cây, không khác vườn Hoan Hỉ ở cung trời Đao Lợi. Nơi mỗi thành ấp ấy có vô số dân chúng luôn luôn

vui sướng. Dân chúng này chỉ nghe tiếng pháp vô thượng Đại thừa, không nghe danh từ gì khác. Có vị quốc vương ngự trên tòa sư tử ⁽¹⁴⁾ dùng pháp Đại thừa giáo hóa nhơn dân. Và nhơn dân biên chép đọc tụng, tu hành theo kinh điển Đại thừa. Nhờ thần lực của Bồ Tát mà đại chúng được thấy các sự biến hóa ấy. Thân của Bồ Tát này cao lớn vô lượng vô biên đồng hư không, trừ Phật, không ai có thể thấy gần mé thân của Ngài. Vô Biên Thân Bồ Tát cùng vô lượng Bồ Tát thị hiện thần thông như thế rồi đem vô lượng cúng phẩm và thức ăn thơm ngon đến chỗ Phật, ai nghĩ đến mùi thơm của thức ăn này thời phiền não đều tiêu diệt, đánh lễ chơn Phật mà bạch rằng : "Ngũs mong đức Thế Tôn thương xót nhận đồ cúng dường của chúng con". Các Bồ Tát ba phen dựng bạch, đức Phật biết chưa phải lúc nên không hứa nhận. Vô Biên Thân Bồ Tát cùng chúng Bồ Tát ngồi qua một bên.

Các cõi Phật ở Nam phương, Tây phương, Bắc phương, cũng có vô lượng Vô Biên Thân Bồ Tát và vô lượng đại Bồ Tát ở mười phương đều đến rừng Ta La. Bốn hộ chúng ở Diêm Phù Đề ⁽¹⁵⁾ hội về đông đủ, trừ Ma Ha Ca Diếp, A Nan Đà, vua A Xà Thế và quyến thuộc của vua này. Thần Đà Na Bà, A Tu La nhẫn đến mười sáu loài ác độc, rắn, rít, bò cạp, bọ hung v.v... đều bỏ ác niệm mà sanh lòng nhân từ xem nhau như cha mẹ, chị em. Tất cả chúng sanh

trong cõi Đại Thiên sanh lòng nhân từ đối với nhau cũng như thế, trừ hạng nhứt xiển đề.

Hôm ấy, cả Đại Thiên thế giới, do thần lực của Phật, biến thành trang nghiêm đẹp sáng như cõi Cực Lạc của Đức Vô Lượng Thọ Phật ở phương Tây ⁽¹⁶⁾. Đại chúng trong pháp hội Ta La đều thấy rõ các thế giới của chư Phật ở mười phương, như thấy hình mình trong gương sáng.

Lúc ấy ánh sáng năm màu từ mặt Phật phóng ra bao trùm đại hội rồi thấu vào miệng Phật. Cả chúng hội trời, A tu la v.v... thấy ánh sáng thấu vào miệng Phật, thời cả kinh mà nói rằng : "Đức Phật phóng ánh sáng rồi thấu vào nơi miệng, chắc có duyên cớ. Hay chính là tướng sắp nhập Niết Bàn. Khổ thay ! Khổ thay ! Sao đức Thế Tôn lại rời bỏ bốn tâm vô lượng, chẳng nhận sự cúng dường của Trời, của người. Mặt trời Thánh huệ từ nay sắp tắt hẳn, thuyền pháp vô thượng từ nay sắp chìm mất. Thế gian rất khổ. Than ôi ! Đau lòng lắm thay !". Than xong đại chúng nhào lặn kêu khóc, nước mắt hòa máu rơi đầy nơi đất.



THÍCH NGHĨA

- (1) Rừng cây Ta La, cũng đọc là Sa La, vì chỗ Phật ngự, bốn phía có tám cây Ta La chia làm bốn cặp nên gọi là Ta La Song thọ.
- (2) HỮU ĐẢNH gọi đủ là "Tam Hữu chi đảnh" - Cõi trời cao nhất trong tam giới, tức là Sắc Cứu Cánh Thiên.
- (3) CỖI ĐẠI THIÊN, nói đủ là Tam Thiên Đại Thiên Thế giới : Một thái dương hệ gọi là một tiểu thế giới, gồm một tầng trời Sơ thiên và một cõi Dục.

Một ngàn tiểu thế giới hiệp lại cùng một tầng trời Nhị Thiên, gọi là một Tiểu Thiên Thế giới ($1 \text{ T.TH.G.} \times 10000 = 1 \text{ Tiểu Thiên}$).

Một ngàn Tiểu Thiên hiệp lại cùng một tầng trời Tam Thiên gọi là một Trung Thiên Thế giới ($1 \text{ T.TH.G.} \times 1000 = 1 \text{ Trung Thiên}$).

Một ngàn Trung Thiên hiệp lại gồm một tầng trời Tứ Thiên, gọi là một Đại Thiên Thế giới ($1 \text{ T.TH.G.} \times 10000 = 1 \text{ T.TH.} \times 100 = 1 \text{ TR.TH.} \times 1000 = 1 \text{ Đại Thiên}$).

Từ một Thái Dương Hệ hay một Tiểu Thế giới phải ba lần hơn ngàn chống lên mới thành một Đại Thiên Thế giới, tức là 1.000.000.000 Tiểu thế giới cùng 1.000.000 trời Nhị Thiên, 1.000 trời Tam Thiên và một tầng trời Tứ Thiên, nên cũng có chỗ gọi là Tam Thiên Đại Thiên Thế giới.

- (4) Trong toàn cõi ĐẠI THIÊN có vô số loài hữu tình chúng sanh, đại khái chia làm 6 : Trời, Người, A Tu La, Quỷ, Súc sanh,

và Địa ngục. Có chỗ thêm Tiên thành bảy loài. Có chỗ lược A Tu La thành năm loài gọi là "Ngũ Thú".

- (5) TỖ KHEO có ba nghĩa : Khất sĩ, Phá ác, và Bố ma, có ba trường hợp thành Tỳ kheo :
- I- Người chứng Thánh quả vô lậu gọi là Pháp tánh Tỳ Kheo.
 - II- Được Phật hiện diện gọi Thiệt Lai Tỳ Kheo, thời thành Tỳ Kheo, gọi là Thiệt Lai Tỳ kheo.
 - III- Chư Tăng hòa hợp đúng pháp, bạch tứ yết ma trao giới Tỳ Kheo, đây gọi là Tác pháp Tỳ Kheo.
- (6) TỬ VÔ LƯỢNG TÂM : Tử, Bi, Hỉ, Xả. Vận dụng bốn tâm trên đây bủa khắp vô lượng chúng sanh trong vô lượng thế giới, nên gọi là bốn tâm vô lượng.
- (7) Nói đủ là BỐ ĐỂ TẮT ĐOÀ có nghĩa là Hữu tình đã giác ngộ và giác ngộ các hữu tình khác. Bắt đầu từ khi mới phát tâm Bồ Đế Vô thượng : "Nguyện thành Phật độ muôn loài", tu lục độ vạn hạnh, phá hai chướng, chứng pháp thân, tất cả có 57 bậc Bồ Tát : những bậc Thập Địa đã chứng Pháp thân gọi là Đại Bồ Tát (Bồ Tát Ma Ha Tát).
- (8) TAM BẢO : Ba ngôi báu quý nhứt ở thế gian : Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo.
- (9) ƯU BÀ TẮC : Cận sự nam. ƯU BÀ DI : Cận sự nữ. Hai phái tại gia thường gán gửi hộ trì Tam Bảo. Bắt đầu quy y Tam Bảo thời được danh hiệu này.
- (10) NGŨ GIỚI : năm điều giới của hàng tại gia : không được sát sanh, không được trộm cắp, không được tà dâm, không được uống rượu say, không được uống rượu say.
- (11) TRÀ TỖ : Lễ thiêu thi hài lấy tro để thờ.
- (12) THẮT BẢO : vàng, bạc, lưu ly, ngọc xà cừ, ngọc mã não, ngọc san hô, ngọc hổ phách, trân châu.

(13) A TĂNG KỲ : vô số.

HẰNG HÀ SA : Sông Hằng (Gange) là con sông to, nguồn từ Hy Mã Lạp Sơn (Himalaya) chảy qua trung châu Ấn Độ đổ ra Ấn Độ Dương. Bờ sông và đáy sông này có nhiều cát mịn. Khi thuyết pháp, Phật thường dùng số hạt cát của sông Hằng để thay một số lớn.

VI TRẦN : Bụi nhỏ. Số nhiều như bụi nhỏ, không thể tính đếm được.

THẾ GIỚI : Mỗi thế giới là cả một Đại thiên, phạm vi giáo hóa của một Đức Phật.

(14) TÒA SƯ TỬ : Chỗ ngồi chạm hình sư tử, tiêu biểu oai đức tự tại đối với đại chúng, như sư tử oai khiếp quần thú.

(15) DIÊM PHỦ ĐẾ cũng gọi là Nam Thiệm Bộ Châu, tức là quả địa cầu này.

(16) A Di Đà Phật, Phạm âm, Tàu dịch là Vô Lượng Thọ Phật, hoặc Vô Lượng Quang Phật, giáo chủ cõi Cực Lạc, cũng gọi cõi An Lạc, cõi An Dưỡng. Cõi này cách cõi Ta Bà đây mười muôn ức cõi về phương Tây.



II

PHẨM THUẦN ĐÀ

Thứ hai

(*) Bấy giờ trong đại hội có vị Ưu Bà Tắc, con nhà thợ thuyền trong thành Câu Thi Na, tên là Thuần Đà cùng với mười lăm bạn đồng nghiệp, vì muốn đem quả lành đến cho người đời nên đến trước Phật, quỳ gối chấp tay cúi lạy chơn Phật, buồn khóc rơi lệ, bạch rằng : “Ngũs mong đức Thế Tôn và Tỳ Kheo Tăng thương xót nhận phần cúng dường cuối cùng của chúng con, cho vô lượng chúng sanh được độ.

Bạch Thế Tôn ! Chúng con từ nay nghèo cùng đói khổ không ai cứu giúp, không nơi nương nhờ, muốn xin phước lộc tương lai ở đức Thế Tôn (17). Cúi xin xót thương nhận chút lễ mọn rồi sẽ nhập Niết Bàn. Bạch Thế Tôn ! Ví như có người nghèo cùng đến xứ xa lạ ra sức làm ruộng, đặt trâu cày giỏi, ruộng đất tốt màu, bằng phẳng sạch cỏ, chỉ còn chờ trời mưa. Trâu giỏi dụ cho bảy nghiệp của thân

(*) Hán bộ quyển thứ 2

và miệng, ruộng tốt bằng phẳng dụ cho trí huệ, sạch cỏ dụ cho trừ sạch phiền não. Bạch Thế Tôn ! Nay đây con đã có trâu giỏi ruộng tốt sạch cỏ, chỉ còn trông chờ trận mưa pháp cam lồ của Như Lai. Người nghèo kia chính là con đây, nghèo nơi của báu pháp bảo vô thượng. Ngửa mong xót thương dứt trừ sự nghèo cùng khốn khổ của chúng con và cả vô lượng chúng sanh. Cúng phẩm của con dầu kém mọn, cũng mong đức Như Lai và chư Tăng dùng được đủ. Ngày nay con không nơi nương nhờ, không ai nâng đỡ, xin đức Thế Tôn rủ lòng thương xót coi con như La Hầu La" (18).

Đức Thế Tôn, bực Nhứt thiết Chúng trí Vô thượng Điều ngự, bảo Thuần Đà rằng : "Lành thay ! Lành thay ! Hôm nay Như Lai trừ sự nghèo cùng ông, mưa pháp vô thượng xuống cho ruộng thân tâm ông mọc mầm pháp. Ông muốn cầu thọ mạng, sắc, lực, an lạc, vô ngại, biện tài nơi Như Lai. Như Lai sẽ ban cho ông các thứ ấy.

"Thuần Đà ! Thí thực có hai, đồng một quả báo; một là thọ xong liền chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hai là thọ xong liền nhập Niết Bàn. Hôm nay Như Lai nhận phân cúng dường cuối cùng của ông, cho ông đầy đủ bố thí Ba la mật" (19).

Thuần Đà liền bạch Phật rằng : "Như đức Thế Tôn vừa dạy rằng hai lúc cúng thí quả báo đồng nhau, theo ý con nghĩ, e rằng không đúng nghĩa. Vì vị thọ thí

trước là bực chưa sạch phiền não, chưa chứng Nhứt thiết chủng trí ⁽²⁰⁾ cũng chưa có thể làm cho chúng sanh đầy đủ Bồ thí Ba la mật. Còn vị thọ thí sau là bực Nhứt thiết chủng trí, đã sạch phiền não, có thể làm cho khắp chúng sanh đầy đủ Bồ thí Ba la mật.

Vị thọ thí trước còn là chúng sanh, vị thọ thí sau là bực trời trong các trời. Vị thọ thí trước là thân tạp thực, thân phiền não, thân vô thường cuối cùng; vị thọ thí sau là thân kim cang không phiền não, là Pháp thân chơn thường vô cùng. Sao lại cho rằng hai sự cúng thí quả báo đồng như nhau ?

Vị thọ thí trước chưa được đầy đủ Đàn Ba la mật nhân đến Bát nhã Ba la mật, chỉ có nhục nhãn chưa có huệ nhãn nhân đến Phật nhãn ⁽²¹⁾. Vị thọ thí sau đã được đầy đủ cả sáu Ba la mật nhân đến Phật nhãn. Sao lại cho rằng hai sự cúng thí được quả báo đồng nhau ?

Bạch đức Thế Tôn ! Vị thọ thí trước, thọ xong ăn nuốt vào bụng tiêu hóa đặng sống còn, đặng sức khỏe, xinh đẹp, an vui, vô ngại biện. Vị thọ thí sau chẳng ăn chẳng tiêu, không năm sự quả. Sao lại cho rằng hai sự cúng thí được quả báo đồng nhau ?"

Đức Phật phán : "Thuần Đà ! Như Lai đã từ vô lượng vô biên vô số kiếp ⁽²²⁾ không có những thân ăn uống, thân phiền não, thân sau cùng, mà là thân chân thường, thân kim cang, là Pháp thân.

Thuần Đà ! Người chưa thấy Phật tánh gọi là thân tạp thực, phiền não, cuối cùng. Lúc đó Bồ Tát thọ đồ ăn uống rồi nhập kim cang tam muội, đồ ăn tiêu hóa xong liền thấy Phật tánh, chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì lẽ ấy nên Như Lai nói hai sự cúng thí được quả báo đồng nhau.

Lúc thành đạo, Bồ Tát phá hoại bốn ma⁽²³⁾, nay nhập Niết Bàn cũng phá hoại bốn ma, nên Như Lai nói hai quả báo không sai khác.

Lúc trước đầu Bồ Tát chẳng rộng giảng diễn mười hai bộ kinh nhưng đã thông đạt rồi, nay nhập Niết Bàn rộng vì chúng sanh phân biệt giảng dạy. Vì thế nên Như Lai nói hai quả báo đồng nhau.

Thuần Đà ! Thân của Như Lai đã từ vô lượng vô số kiếp chẳng thọ sự ăn uống. Vì hàng Thanh Văn mà nói rằng trước thọ cháo sữa của hai nàng chăn bò là Nan Đà và Nan Đà Ba La, rồi sau mới chứng quả Vô thượng Chánh giác, nhưng chính thiệt Như Lai không ăn. Hôm nay vì đại chúng trong hội này, mà Như Lai nhận sự cúng dường cuối cùng của ông dâng. Thiệt ra Như Lai không ăn".

Đại chúng nghe đức Thế Tôn khắp vì đại hội mà nhận sự cúng dường cuối cùng của Thuần Đà, đều vui mừng hơn hở. Đồng rập tiếng khen rằng : "Lành thay ! Lành thay ! Hi hữu thay cho Thuần Đà ! Thiệt ông không uống tên là Thuần Đà. Vì hai chữ Thuần

Đà là "hiếu diệu nghĩa". Ông nay kiến lập diệu nghĩa như thế, cứ nghĩa đặt tên gọi là Thuần Đà. Hiện đời đây ông được đầy đủ cả danh tiếng, tài lợi, đức hạnh, chí nguyện. Rất lạ cho ông Thuần Đà ! Sinh trong loài người lại được quả lành vô thượng rất khó được. Lành thay cho Thuần Đà ! Trong đời khó có người thứ hai. Khác nào hoa Ưu Đàm. Đức Phật ra đời là rất khó. Gặp Phật sanh lòng tin, được nghe chánh pháp, lại là rất khó. Đức Phật sắp nhập Niết Bàn, thỉnh được đức Phật nhận phần cúng dường cuối cùng lại càng khó hơn.

Nam mô Thuần Đà ! Nam mô Thuần Đà ! Nay ông đã đầy đủ Bồ thí Ba la mật. Đại chúng liền nói kệ rằng :

Ông dẫu sanh nhơn đạo
 Đã siêu trời thứ sáu
 Tôi cùng tất cả chúng
 Nay xin yêu cầu ông :
 Đấng tối thắng trong người
 Nay sẽ nhập Niết Bàn,
 Ông nên thương chúng tôi
 Xin kíp thỉnh đức Phật
 Ở lâu lại thế gian
 Diễn thuyết pháp vô thượng
 Mà bực trí tán thán

Hầu lợi ích chúng sanh.
 Nếu ông không thỉnh Phật
 Mạng tôi ắt khó toàn
 Ông nên vì chúng tôi
 Đánh lễ đức Điều Ngự.

Thuần Đà vui mừng hơn hở như người có cha mẹ vừa chết bỗng sống lại. Ông đánh lễ Phật mà nói kệ rằng :

Vui thay được lợi mình !
 Khéo thọ nơi thân người
 Đẹp trừ tham sân si
 Thoát hẳn ba ác đạo. ⁽²⁴⁾
 Thích thay được lợi mình !
 Được gặp kho vàng báu
 Gặp gỡ đức Điều Ngự
 Chẳng sợ đọa súc sanh.
 Phật như hoa Ưu Đàm ⁽²⁵⁾
 Khó gặp gỡ tín kính
 Gặp rồi trồng căn lành
 Dứt hẳn khổ ngã quý,
 Lại cũng hay tổn giảm
 Chúng loại A tu la.
 Hộet cái ghim đầu kim ⁽²⁶⁾
 Phật ra đời khó hơn,

Tôi đã đủ đàn độ ⁽²⁷⁾
Độ thiên hơn sanh tử.
Phật chẳng nhiệm việc đời
Như hoa sen ở nước
Khéo dứt giống tam giới ⁽²⁸⁾
Thoát hẳn dòng sanh tử.
Sanh làm người là khó
Gặp đời Phật cũng khó
Dường như trong biển lớn
Rùa mù gặp bọng cây.
Nay tôi dâng thực phẩm
Nguyện dâng báo vô thượng
Xô phá phiền não kiết
Tất cả không bền chắc.
Nay tôi ở nơi đây
Chẳng cầu thân hơn thiên
Dầu có được thân ấy
Cũng không lòng ham thích.
Được Phật nhận cúng phẩm
Con vui sướng không lường
Khác nào bông Y lan ⁽²⁹⁾
Ngát mùi hương chiêm đàn.
Thân tôi như Y lan
Thế Tôn nhận cúng phẩm

Như ngát hương chiên đàn
 Vì thế tôi vui mừng.
 Tôi nay được hiện báo
 Chỗ tôi thắng thượng diệu
 Đệ Thích cùng Phạm Thiên ⁽³⁰⁾
 Đều đến cúng dường tôi,
 Tất cả các thế gian
 Đều sanh lòng buồn khổ
 Vì biết Phật Thế Tôn
 Muốn nhập Đại Niết Bàn,

Đồng cất tiếng xưng to :

Đồi sẽ không Điều Ngự
 Chẳng nên bỏ chúng sanh
 Phải xem như con một.
 Phật ở giữa chư Tăng
 Diễn thuyết pháp vô thượng
 Như núi báu Tu Di
 Cao vọi giữa biển cả.
 Trí Phật hay khéo dứt
 Tôi vô minh của tôi
 Dường như giữa hư không
 Mây nổi đặng mát mẻ.
 Như Lai khéo dứt trừ
 Tất cả các phiền não ⁽³¹⁾

Như mặt trời mọc lên
 Tan mây sáng khắp soi.
 Các loài chúng sanh đây
 Khóc than sừng cả mắt
 Đều bị dòng sanh tử
 Đầy trôi rất khốn khổ.
 Đức Thế Tôn cần phải
 Thêm căn lành chúng sanh
 Vì dứt khổ sanh tử
 Ở nán lại thế gian.

Phật bảo Thuần Đà : "Đúng như lời người nói. Phật ra đời là khó như hoa Ưu đàm. Gặp Phật sanh lòng tin lại khó hơn. Phật sắp nhập Niết Bàn, được cúng dường lần cuối cùng đầy đủ Bồ thí Ba la mật, lại là việc rất khó gặp bội.

Nay ông chớ buồn khổ, nên phải vui mừng vì đã được dịp cúng dường Như Lai lần cuối cùng, do đây thành tựu Bồ thí Ba la mật. Ông chẳng nên thỉnh Phật ở lại nơi đời, mà phải quan sát cảnh giới của chư Phật thấy đều vô thường, tánh và tướng của các hành pháp cũng như vậy".

Đức Phật liền vì Thuần Đà mà nói kệ rằng :

Tất cả các thế gian
 Có sanh đều có tử,
 Dầu thọ mạng vô lượng

Tất có kỳ phải hết.
Có thành tất có suy,
Sum hiệp có biệt ly,
Tuổi trẻ chẳng dừng lâu
Khỏe mạnh bị bệnh xâm,
Sự chết nuốt mạng người
Không có gì thường còn.
Bực vua chúa tự tại
Thế lực không ai bằng
Tất cả đều đời đời
Mạng sống cũng như vậy.
Sự khổ xoay không ngăn
Lưu chuyển không thôi dừng
Ba cõi đều vô thường
Mọi loài không có vui.
Tánh tướng của pháp có
Tất cả đều trống không,
Pháp sanh diệt lưu chuyển
Luôn có những lo khổ,
Sợ sệt, các lỗi ác,
Già, bệnh, chết, buồn rầu.
Những khổ ấy không ngăn
Hư rã nhiều tai hại,
Phiền não bao gói kín

Khác nào tầm ở kén,
Là người có trí huệ
Đâu nên thích chốn này.
Các khổ nhóm nơi thân
Tất cả đều như nhớp,
Tai nạn, ghê nhọt thảy
Cội gốc của khổ đau,
Dầu là thân chư Thiên
Đều cũng giống như vậy.
Dục ái đều vô thường
Nên Phật chẳng tham ưa,
Ly dục khéo tư duy
Đặng chứng quả chơn thiệt
Rốt ráo dứt sanh tử
Nay sẽ vào Niết Bàn.
Phật đã vượt bờ kia
Đã thoát hẳn các khổ
Vì thế nên hiện nay
Thuần hưởng những diệu lạc,
Do các nhơn duyên ấy
Chứng quả vị chơn thiệt
Dứt hẳn những triền phược
Hôm nay vào Niết Bàn.
Phật không già, bệnh, chết,

Thọ mạng vô cùng tận,
 Phật nay vào Niết Bàn
 Như ngọn lửa lớn tắt.
 Thuần Đà ! Ông chẳng nên
 Suy lường nghĩa Như Lai,
 Nên xét tánh Như Lai
 Dường như núi Tu Di.
 Phật nay vào Niết Bàn
 Thọ trì đệ nhất lạc,
 Pháp chư Phật như vậy
 Các ông chớ nên khóc.

Thuần Đà bạch Phật rằng : "Bạch đức Thế Tôn !
 Đúng như lời Phật dạy. Trí huệ của con kém nhỏ
 như muỗi mòng, đâu có thể nghĩ bàn được nghĩa
 Niết Bàn sâu kính của Như Lai.

Bạch Thế Tôn ! Ví như người tuổi thơ ấu mới
 xuất gia, dầu chưa thọ giới cụ túc, mà đã được dự
 vào số chúng Tăng. Con nay cũng vậy, nhờ thần lực
 của Phật và Bồ Tát, mà con được dự vào số đại Bồ
 Tát, đã được cùng hàng với các bậc Đại Long
 Tượng⁽³²⁾ dứt phiền não, như ngài Văn Thù Sư Lợi
 Pháp Vương Tử v.v...

Thế nên hôm nay con muốn đức Như Lai thường
 ở nơi đời mà chẳng vào Niết Bàn".

Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử ⁽³³⁾ bảo Thuần Đà rằng : "Ông chẳng nên nói rằng muốn đức Như Lai thường ở nơi đời mà chẳng vào Niết Bàn. Ông phải quan sát tánh tướng của hành pháp, quan sát như thế đặng "không" tam muội. Muốn cầu chánh pháp nên học pháp quan sát như vậy.

Thuần Đà nói : "Thưa Ngài Văn Thù Sư Lợi ! Đức Như Lai là bực cao cả nhứt trong người trên trời. Đức Như Lai như thế há lại là hành pháp sao ? ⁽³⁴⁾ Nếu là hành pháp thì là pháp sanh diệt. Ví như bóng nước chóng nổi chóng tan, qua lại xoay vần như bánh xe lăn, các hành pháp cũng thế. Tôi nghe chư Thiên sống rất lâu, tại sao đức Thế Tôn là bực trời trong các trời mà lại sống chẳng đầy trăm tuổi.

Các hành pháp là pháp sanh tử, nếu đức Như Lai nhập diệt thời đồng với hành pháp, đâu được gọi là bực trời trong các trời, là Pháp Vương tự tại. Vì thế chẳng nên xem đức Như Lai đồng với hành pháp.

Đức Như Lai hàng phục phiền não ma, ngũ ấm ma, thiên ma, tử ma, do nhơn duyên ấy mà thành tựu đầy đủ vô lượng công đức chơn thiệt, nên hiệu là Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, hiệu là Tam Giới Tôn.

Thưa Ngài Văn Thù Sư Lợi ! Chẳng nên ỨC TƯỚNG PHÂN BIỆT mà đem pháp Như Lai cho đồng

với các hành pháp. Ví như phú ông sanh con trai, nhà tướng số xem trẻ ấy có tướng đoản mạng. Phú ông biết rằng trẻ ấy không thể nối lấy gia nghiệp, nên chẳng ái trọng. Và kẻ đoản thọ thời chẳng được mọi người kính trọng. Nếu đức Như Lai đồng với các hành pháp, ắt chẳng được Sa Môn, Bà La Môn tất cả trời người kính thờ, mà pháp chơn thiết bất biến bất dị của Như Lai dạy ra cũng không ai tín thọ. Vì lẽ ấy, Ngài chẳng nên nói rằng Như Lai đồng với các hành pháp.

Thưa Ngài Văn Thù Sư Lợi ! Như bản nữ đang có mang mà lại đói khát không nhà cửa, để nhờ dưới mái nhà kia, chủ nhà xưa đuổi, bản nữ bỗng con muốn đến xứ khác để mưu sinh. Dọc đường phải lội qua con sông, ra giữa dòng bị nước chảy, xoáy mạnh, không nỡ buông con nên mẹ con đồng bị chết đuối. Vì tấm lòng từ ái ấy, bản nữ được sanh lên cõi Phạm Thiên.

Nếu có Thiện nam tử muốn hộ trì chánh pháp, chớ nói Như Lai đồng với các hành pháp hay chẳng đồng với các hành pháp. Chỉ nên tự trách mình ngu si không có huệ nhãn, chánh pháp của Như Lai không thể nghĩ bàn, không nên tuyên nói Như Lai quyết định là hữu vi, hay vô vi. Nếu là người chánh kiến nên nói Như Lai quyết định là vô vi. Vì sao thế ? Vì nói Như Lai là vô vi thời có thể sanh pháp lành cho chúng sanh.

Thiện nam tử ! Hộ trì chánh pháp thà chết chớ chẳng nói Như Lai đồng với pháp hữu vi, mà chỉ nên nói Như Lai đồng với pháp vô vi. Nhon vì hộ trì chánh pháp nói Như Lai đồng với pháp vô vi mà đặng quả Vô thượng Chánh giác. Như bản nữ thà chết đuối giữa dòng chớ không chịu buông con, nhon đó mà được sanh lên cõi Phạm Thiên. Thiện nam tử này chẳng cầu giải thoát mà giải thoát tự đến. Khác nào bản nữ kia chẳng cầu sanh Phạm Thiên mà quả Phạm Thiên tự đến.

Thưa Ngài Văn Thù Sư Lợi ! Như người đi xa giữa đường mỗi mệt, nghỉ nhờ nhà người. Giữa lúc ngủ, nhà ấy bỗng bốc lửa to. Người ấy choàng dậy biết chắc phải chết, lòng hổ thẹn sợ thân thể lỏa lồ bèn lấy y áo vắn thân mà chết, liền được sanh lên cõi trời Đạo Lợi. Sau đó tám mươi đời làm Đại Phạm Vương, trăm ngàn đời làm Chuyển Luân Vương, người ấy mãi hưởng phước lành như vậy, hẳn không bị đọa vào ác đạo. Vì duyên có ấy, nếu là người có tâm tâm quý chẳng nên xem Như Lai đồng với các hành pháp.

Bọn ngoại đạo tà kiến mới được nói Như Lai đồng với pháp hữu vi.

Là Tỳ Kheo trì giới đâu nên có quan niệm rằng Như Lai là pháp hữu vi.

Nếu nói Như Lai là pháp hữu vi, đó chính là vọng ngữ. Phải biết người này sẽ đọa địa ngục.

Thưa Ngài Văn Thù Sư Lợi ! Như Lai chơn thiệt, chính là pháp vô vi, chẳng nên lại nói là hữu vi. Từ nay ở trong đường sanh tử, Ngài nên bỏ vô trí mà cầu nơi chánh trí. Phải biết Như Lai chính là vô vi. Được chánh quán như thế, sẽ đầy đủ ba mươi hai tướng, chóng thành tựu quả Vô Thượng Bồ đề".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát khen Thuần Đà rằng : "Lành thay ! Lành thay ! Nay ông đã tạo nhưn duyên trường thọ, ông biết được Như Lai là pháp thường trụ, là pháp chẳng biến dị, là pháp vô vi. Nay ông khéo che đậy tướng hữu vi của Như Lai, sau này ông sẽ đặng đầy đủ ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình, mười tám pháp bất cộng, thọ mạng vô lượng, luôn được an vui, không còn sanh tử, sẽ thành bậc Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Như người lữ khách bị lửa thiêu mà có lòng hổ thẹn lấy y áo vấn thân, nhờ tâm lành ấy nên được sanh lên cõi Đao Lợi, lại nhiều đời làm Phạm Vương, Chuyển Luân Vương luôn được an vui chẳng sa ác đạo.

Tôi cùng ông đều nên che đậy tướng hữu vi của Như Lai. Lát nữa đức Thế Tôn sẽ giảng rộng về ý nghĩa ấy.

Nên để hữu vi vô vi lại đó. Ông nên kíp lo cúng dường cơm nước cho kịp giờ, và cũng nên sắm sửa đồ cần thiết cho hàng tứ chúng từ xa hội về đang mỗi một. Cúng dường như thế chính là đầy đủ chúng tử căn bản của Đàn Ba la mật.

Thuần Đà ! Nếu cúng dường đức Phật và chư Tăng lần cuối cùng, hoặc nhiều hay ít, đủ hay thiếu, đều phải sớm lo cho kịp giờ. Đức Như Lai sẽ nhập Niết Bàn".

Thuần Đà nói : "Thưa ngài Văn Thù Sư Lợi ! Sao Ngài lại tham chút uống ăn mà nói hoặc ít hoặc nhiều, đủ hay chẳng đủ, rồi bảo tôi lo cho kịp giờ ? Xưa kia đức Như Lai khổ hạnh trọn sáu năm còn chịu nổi, huống là giây lát hôm nay. Ngài thiết cho rằng đức Như Lai chánh giác thọ đồ uống ăn này ư ? Tôi thời biết quyết định thân Như Lai chính là Pháp thân, không phải thực thân".

Phật bảo Văn Thù Sư Lợi : "Thật đúng như lời của Thuần Đà. Lành thay Thuần Đà ! Ông đã thành tựu đại trí huệ, khéo thâm nhập kinh điển Đại thừa".

Văn Thù Sư Lợi nói với Thuần Đà : "Ông cho rằng Như Lai là vô vi, thân Như Lai là trường thọ, hiểu biết như vậy đức Phật rất hài lòng".

Thuần Đà nói : "Đức Như Lai chẳng riêng gì hài lòng nơi tôi, mà cũng hài lòng với tất cả chúng sanh".

Văn Thù Sư Lợi nói : "Đức Như Lai đối với ông, với tôi, với tất cả chúng sanh, đều hài lòng".

Thuần Đà nói : "Ngài chẳng nên nói đức Như Lai hài lòng. Luận về hài lòng, chính là đảo tướng. Phạm có đảo tướng thời là sanh tử, có sanh tử thời

là pháp hữu vi. Vì lẽ ấy Ngài chẳng nên cho Như Lai là hữu vi. Nếu nói Như Lai là hữu vi thời Ngài cùng tôi đều điên đảo cả.

Thưa Ngài Văn Thù Sư Lợi ! Đức Như Lai không có ái niệm. Luận về ái niệm, như trâu mẹ kia ái niệm con của nó, dầu là đói khát đi tìm cỏ nước, hoặc no hay chưa no, bỗng nhiên nhớ con liền trở về. Chư Phật Thế Tôn không có ái niệm như vậy, bình đẳng xem tất cả chúng sanh như La Hầu La. Từ niệm bình đẳng như vậy chính là cảnh giới trí huệ của chư Phật.

Thưa Ngài Văn Thù Sư Lợi ! Ví như quốc vương ngự trên xe tứ mã, có người muốn cho xe bò theo kịp xe vua, tất không thể được. Ngài cùng tôi muốn cùng tận chỗ vi mật thâm áo của Như Lai cũng không thể được.

Ví như Kim sí điều⁽³⁵⁾ bay vọt trên cao vô lượng do tuần, nhìn xuống biển cả thấy rõ những loài thủy tộc cùng loài rồng và bóng của nó. Kẻ phàm tục trí kém, không thể suy lường chỗ thấy của Kim sí điều được. Cũng thế, Ngài cùng tôi không thể suy lường được trí huệ của Như Lai".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bảo Thuần Đà rằng : "Đúng như lời ông vừa nói. Đối với những việc ấy không phải là tôi không hiểu. Chẳng qua vì muốn đem việc của Bồ Tát thử ông đó thôi".

Bấy giờ đức Thế Tôn từ trên mặt phóng ra nhiều tia sáng chiếu thân ngài Văn Thù. Ngài Văn Thù liền bảo Thuần Đà rằng : "Nay đây đức Như Lai hiện thọa tướng từ trên mặt phóng ra nhiều tia sáng như thế chẳng phải là không duyên cớ, đó là điềm đức Phật sắp nhập Niết Bàn. Ông phải sớm lo dâng lễ cúng dường lên đức Phật và chư Tăng cho kịp giờ".

Đức Phật bảo Thuần Đà : "Đã phải giờ cho ông dâng thực phẩm cúng dường Phật và đại chúng. Như Lai sẽ nhập Niết Bàn".

Đức Phật bảo luôn ba lần như vậy.

Thuần Đà nghe đức Phật dạy như vậy, bất giác nghẹn ngào khóc than nức nở : "Khổ thay ! Khổ thay ! Thế gian sẽ trống rỗng". Rồi ông lại thưa cùng đại hội : "Hôm nay chúng ta phải đồng tha thiết dâng lễ cầu đức Phật đừng nhập Niết Bàn".

Đức Thế Tôn lại bảo Thuần Đà : "Ông chớ nên khóc than tiêu tụy như vậy. Ông phải quan sát thân này như cây chuối, như ánh nắng, như bọt nước, như huyễn hóa, như thành càn thát bà, như đồ gốm chưa hầm, như làn chớp, như hình vẽ trên nước, như tù sắp hành hình, như trái mùi, như cục thịt, như bức dệt đã hết khổ, như chày giã lên xuống. Phải quan sát các hành pháp như món ăn lẫn chất độc, pháp hữu vi nhiều tai hại".

Thuần Đà bạch Phật : "Đức Thế Tôn chẳng muốn ở lại đời, làm sao con chẳng buồn khóc cho được. Khổ thay ! Khổ thay ! Thế gian sẽ trống rỗng. Ngừa mong đức Thế Tôn thương xót chúng con và chúng sanh mà ở luôn nơi đời, chẳng nhập Niết Bàn".

Phật bảo Thuần Đà : "Ông chẳng nên nói rằng thương xót các ông mà ở luôn nơi đời. Chính vì thương xót ông và các chúng sanh mà hôm nay Phật mới muốn nhập Niết Bàn. Vì sao thế ? Chư Phật pháp nhĩ như vậy. Pháp hữu vi cũng thế. Nên chư Phật nói kệ rằng :

Các pháp hữu vi
Tánh nó vô thường
Sanh rồi chẳng trụ
Tịch diệt là vui.

Thuần Đà ! Ông nên quan sát các hành pháp là tạp độc, các pháp hữu vi là vô ngã vô thường chẳng trụ. Tám thân này có rất nhiều tai hại như bóng nước. Vì lẽ ấy, ông chớ nên khóc lóc".

Thuần Đà bạch Phật : "Thật đúng như lời Thế Tôn dạy. Mặc dầu con vốn biết đức Như Lai phương tiện thị hiện nhập Niết Bàn, nhưng con không làm sao ngăn được sự buồn thảm được. Giờ đây tự suy xét, con lại sanh lòng vui mừng".

Phật khen Thuần Đà : "Lành thay ! Lành thay ! Ông có thể rõ biết Như Lai thị hiện đồng với chúng sanh mà phương tiện nhập Niết Bàn.

Thuần Đà ! Ông nên nghe đây : Như mùa xuân, chim Ta La Đà đều nhóm nơi ao A Nậu Đạt. Chư Phật cũng thế đều đến chỗ ấy. Ông chẳng nên suy nghĩ chư Phật là trường thọ hay đoản thọ. Tất cả các pháp đều như tướng huyền thuật. Như Lai ở trong ấy do sức phương tiện không có nhiệm trước. Vì sao thế ? Vì chư Phật pháp nhĩ như vậy.

Thuần Đà ! Nay Như Lai nhận phần cúng dường của ông, là vì muốn cho ông thoát khỏi các dòng sanh tử trong ba cõi. Hàng Nhơn Thiên ở nơi sự cúng dường cuối cùng đối với Như Lai đây, đều sẽ được quả báo bất động, luôn được an vui. Vì sao thế ? Vì Như Lai là phước điền tốt của chúng sanh. Nếu ông muốn vì chúng sanh mà làm phước điền, thời phải kíp sắm sửa cúng phẩm, chẳng nên trễ".

Bấy giờ Thuần Đà vì các chúng sanh được độ thoát nên cúi đầu lau lệ mà bạch Phật : "Lành thay đức Thế Tôn ! Nếu lúc con kham có thể làm phước điền, thời có thể biết rõ Như Lai là nhập Niết Bàn hay chẳng phải nhập Niết Bàn. Nay trí huệ của chúng con cùng Thanh Văn, Duyên Giác nhỏ kém như kiến muỗi, thiệt không thể suy lường Như Lai nhập Niết Bàn hay chẳng phải nhập Niết Bàn".

Bạch xong, Thuần Đà cùng quyến thuộc buồn rầu khóc lóc, thiêu hương rải hoa, hết lòng cung kính, rồi liền cùng Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát đi lo sắm sửa thực phẩm.

THÍCH NGHĨA

- (17) THẾ TÔN : Đấng tôn quý nhất trong tất cả thế gian và xuất thế gian. Từ ngữ này gồm đủ mười điều vô thượng : 1- Như Lai. 2- Ứng Cúng. 3- Chánh Biến Tri. 4- Minh Hạnh Túc. 5- Thiên Thệ. 6- Thế Gian Giải. 7- Vô Thượng Sĩ. 8- Điều Ngự Trượng Phu. 9- Thiên Nhơn Sư. 10- Phật.
- (18) LA HẦU LA : Con trai của Thái Tử Sĩ Đạt Ta và Da Du Đà La.
- (19) BỐ THÍ BA LA MẬT : Công hạnh bố thí đã đến từng ngã và pháp đều không, đã rốt ráo viên mãn. Biệt Giáo bực sơ địa, viên giáo bực sơ trụ mới thành tựu hạnh này.
- (20) TRÍ HUỆ CHỨNG NGÃ KHÔNG gọi là "Nhứt thiết trí". Hàng Nhị thừa có trí này. Trí huệ chứng ngã không và phần chứng pháp không gọi là "Đạo chủng trí". Pháp thân Bồ Tát có trí này. Trí huệ chứng ngã không và toàn chứng pháp không gọi là "Nhứt thiết chủng trí". Chỉ bực Phật mới có trí này. Trí huệ này gồm có bốn trí : 1- Thành sở tác trí, 2- Diệu quán sát trí, 3- Bình đẳng tánh trí, 4- Đại viên cảnh trí.
- (21) NGŨ NHÃN : 1- Nhục nhãn, 2- Thiên nhãn, 3- Huệ nhãn, 4- Pháp nhãn, 5- Phật nhãn. Phạm phu chỉ có nhục nhãn, riêng chư Thiên và chư ngũ thông tiên hơn gồm có thiên nhãn. A La Hán và Bích Chi Phật có nhục nhãn, thiên nhãn, và huệ nhãn. Pháp thân Bồ Tát có ba nhãn trên và pháp nhãn. Đức Phật có đủ năm nhãn.

- (22) KIẾP BA : là thời gian dài. Có tiểu, trung và đại ba kiếp. Một tiểu kiếp có 16.798.000 năm (theo năm của nhơn loại địa cầu). Một trung kiếp có 20 tiểu kiếp. Và một đại kiếp có 4 trung kiếp hay 80 tiểu kiếp, tức là : $(16.798.000 \text{ năm} \times 80 = 1.343.840.000 \text{ năm}$ (một tỷ, ba trăm bốn mươi ba triệu, tám trăm bốn chục ngàn năm). Phạm trong kinh chỉ nói bao nhiêu kiếp, mà không nói trung hay tiểu, thời thường là nói đại kiếp.
- (23) BỐN MA : Ma phiến não, Ma ngũ ấm, Ma chết, và Thiên ma. Nói đủ là Ma La có nghĩa là hay phá hoại thiện căn của chúng sanh, của người tu hành.
- (24) BA ÁC ĐẠO : Súc sanh, ngạ quỷ, và địa ngục. Ba loài này vì phạm tội thập ác nhẹ, vừa và nặng mà phải thọ lấy quả khổ ấy, nên gọi là ác đạo, đây là cứ nơi nghiệp nhơn ác mà đặt tên. Nếu theo quả khổ thời gọi là tam đồ : 1- Huyết đồ, loài súc sanh thường ăn nuốt máu thịt lẫn nhau; 2- Đao đồ, loài ngạ quỷ thường dùng dao gậy đánh đập nhau; 3- Hỏa đồ, loài địa ngục thường bị lửa thui đốt, nấu rang.
- (25) ƯU ĐÀM BÁT LA HOA : Dịch là Linh Thoại Hoa. Tục truyền ba ngàn năm mới xuất hiện một lần, là diễm Thánh Vương, hay Thánh Nhơn xuất thế.
- (26) Ném hột cải trúng dính vào đầu nhơn cây kim.
- (27) "ĐÀN" là bố thí. "ĐỘ" là ba la mật. "Đàn Độ" là Bố thí Ba la mật.
- (28) TAM GIỚI : Ba cõi : Cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc.
- (29) BÔNG Y LAN : Là một thứ hoa có mùi rất hôi thúi.
- (30) ĐẾ THÍCH : Nói đủ là Thiên Đế Thích Đế Hoàn Nhơn, vua cõi trời Đao Lợi.
- PHẠM THIÊN : Thiên Vương cõi Sắc.

- (31) **PHIẾN NÃO** : Phiến nhiễu, não loạn, tức là những tâm niệm xấu, cùng ý tưởng ác như : tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến v.v... nó làm nhiễu loạn thân tâm người, đồng thời hay phá hoại thiện căn của người, nên cũng gọi là phiến não ma.
- (32) **ĐẠI LONG TƯỢNG** : Rồng lớn và Voi lớn là loài to mạnh trong các muông thú. Dùng danh từ này là dụ cho các bậc siêu hơn đại Bồ Tát.
- (33) Phật là Pháp Vương, đại Bồ Tát sẽ thành Phật, là con của đấng Pháp Vương, nên gọi là Pháp Vương Tử.
- (34) **HÀNH PHÁP** : Pháp di động chuyển biến.
- (35) **KIM SÍ ĐIẾU** : Chim cánh vàng, một loài chim to nhưt hay dùng lông làm món ăn.



III

PHẨM AI THÁN

Thứ ba

Ông Thuần Đà ra đi không bao lâu, khắp cả đại địa nhả đến trời Phạm Thiên bỗng chấn động sáu cách ⁽³⁶⁾. Phạm địa động có hai : đại động và tiểu động. Có tiếng nhỏ, chỉ riêng nơi mặt đất chấn động, chỉ động một chiều, đây là tiểu địa động. Có tiếng lớn, cả đất liền cùng núi biển, sông, rạch, cây cối đều động, động xoay nhiều chiều, lúc động có thể làm động cả tâm của chúng sanh, đây là đại địa động. Đức Phật ra đời có những lần đại địa động : Từ cung trời Đâu Suất giáng thân xuống nhơn gian, sơ sanh, xuất gia, thành đạo, chuyển pháp luân, và nhập Niết Bàn. Giờ đây Như Lai sắp nhập Niết Bàn nên có điềm đại địa động như vậy.

Thiên Long bát bộ ⁽³⁷⁾ cả mình rón ốc, đồng thanh buồn khóc mà nói kệ rằng :

Cúi đầu lạy Thế Tôn

Chúng con đồng khuyến thỉnh,

Chúng con mà xa Phật
 Thời không ai cứu hộ.
 Đức Phật nhập Niết Bàn
 Chúng con chìm biển khổ
 Khác nào ghé mắt mẹ
 Sầu lo rất buồn khổ.
 Nghèo cùng không ai giúp
 Cũng như người bịnh ngặt
 Không lương y săn sóc
 Tự ý ăn uống lầm,
 Chúng sanh bịnh phiền não
 Thường bị kiến chấp hại
 Xa lìa đấng y vương ⁽³⁸⁾
 Uống ăn thuốc tà độc.
 Ngựa mong Phật Thế Tôn
 Chớ bỏ rơi chúng con.
 Ví như mặt trời mọc
 Quang minh rất sáng chói
 Đã có thể tự soi
 Cũng từ tất cả tối,
 Phật phóng thần thông quang
 Trừ khổ não chúng sanh
 Ở giữa các chúng hội
 Ví như núi Tu Di ⁽³⁹⁾.

Bạch Thế Tôn ! Ví như quốc vương sanh các vương tử diện mạo xinh đẹp, vua rất yêu mến dạy cho rành nghề văn nghiệp võ rồi sai người đem giết.

Ngày nay chúng con là con của Phật, nhờ Phật dạy dỗ có đủ chánh kiến, xin chớ bỏ con. Nếu bỏ chúng con thời chúng con khác nào các vương tử kia. Ngửa mong đức Phật ở luôn nơi đời, chớ nhập Niết Bàn.

Bạch Thế Tôn ! Ví như có người học giỏi nơi các bộ luận rồi lại sanh lòng sợ đối với các bộ luận ấy, cũng thế, đức Như Lai thông đạt các pháp mà lại sợ các pháp. Nếu được đức Như Lai ở luôn nơi đời giảng pháp cam lồ cho chúng sanh được thấm nhuần đầy đủ, thời các chúng sanh đây chẳng còn lại sợ phải bị sa vào địa ngục.

Bạch Thế Tôn ! Ví như có người mới vừa học làm nghề, kế bị quan bắt giam vào ngục, có hỏi thăm hiện tại thế nào ? Người ấy tất đáp : Nay tôi rất buồn khổ. Nếu người ấy được thả, thời được an vui. Cũng thế, đức Thế Tôn vì chúng con mà tu các khổ hạnh, hiện nay chúng con chưa được thoát khỏi sanh tử, thế sao đức Như Lai đặng thọ hưởng an vui.

Bạch Thế Tôn ! Ví như y vương hiểu rành các phương thuốc, đem phương bí truyền dạy riêng cho con mình, mà không dạy cho các trò khác. Cũng thế,

đức Như Lai đem tặng pháp thậm thâm bí mật dạy riêng cho Văn Thù Sư Lợi, mà chẳng thương chẳng dạy cho chúng con. Như ông thầy thuốc kia vì lòng còn riêng tư thân sơ, nên sự dạy không bình đẳng rộng rãi, chỉ dạy riêng cho con mình môn bí phương, mà không truyền cho các trò khác. Đức Như Lai trọn không có lòng thân sơ tư vị, tại sao chẳng dạy dỗ chúng con. Ngửa mong đức Phật ở lâu nơi đời, chớ nhập Niết Bàn.

Bạch đức Thế Tôn ! Ví như những người già trẻ bệnh khổ đi nơi đường hiểm rất khốn khó gian lao, có bực dị như thấy vậy xót thương bèn chỉ cho con đường tốt bằng phẳng. Chúng con cũng như vậy. Người trẻ dụ cho những kẻ chưa tăng trưởng pháp thân, người già dụ cho những kẻ nặng phiền não, bệnh khổ dụ cho sanh tử, đường hiểm nạn dụ cho tam giới. Cúi xin đức Như Lai chỉ dẫn con đường chơn chánh giải thoát cho chúng con, ở lâu nơi đời, chớ nhập Niết Bàn".

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ Kheo : "Các thầy đừng ưu sầu khóc kể như hàng trời người phạm phu kia. Các thầy phải siêng năng tinh tấn giữ vững chánh niệm".

Nghe đức Phật phán như vậy, hàng trời người bát bộ liền nín khóc.

Đức Thế Tôn vì đại chúng mà nói kệ rằng :

Đại chúng phải sáng suốt
 Chẳng nên quá sâu khổ,
 Chư Phật đều vậy cả
 Vì thế nên im lặng,
 Thích nơi hạnh tinh tấn
 Gìn lòng giữ chánh niệm
 Xa lìa các điều quấy
 Hón hờ được an vui.

Lại này các thầy Tỳ Kheo ! Nếu có chỗ nào nghi ngờ đều phải bạch hỏi. Ở trong những pháp không bất không, thường vô thường, khổ phi khổ, y phi y, khứ bất khứ, quy phi quy, hằng phi hằng, đoạn phi đoạn, chúng sanh phi chúng sanh, hữu vô hữu, thiết bất thiết, chơn bất chơn, diệt bất diệt, mật bất mật, nhị bất nhị v.v... nếu còn nghi ngờ nay nên bạch hỏi, Như Lai sẽ giải quyết cho. Như Lai trước nói pháp cam lộ cho các thầy rồi, sau mới nhập Niết Bàn.

Nay các thầy Tỳ Kheo ! Phật ra đời là khó, thân người khó được, gặp Phật sanh tín tâm, việc đây cũng khó, nhẫn sự khó nhẫn lại là khó hơn, đầy đủ giới hạnh chứng quả A La Hán ⁽⁴⁰⁾ cũng là việc khó. Như tìm cát vàng cùng hoa Ưu đàm bát la.

Các thầy khỏi bát nạn được thân người là sự khó, nay gặp Như Lai chẳng nên để luống uổng. Ngày xưa, Như Lai tu nhiều hạnh khổ, nay được phương tiện vô thượng như thế. Trong vô lượng kiếp vì các

thầy mà xả thí thân thịt, tay chơn, đầu mắt, tủy não. Vì thế các thầy chẳng nên phóng dật.

Này các thầy Tỳ Kheo ! Thành báu chánh pháp trang nghiêm, đầy đủ các thứ công đức trân bảo, giới, định, và trí huệ làm tường thành và hào thành. Nay các thầy gặp được thành báu Phật pháp, chẳng nên lượm lấy những vật hư ngụy. Ví như nhà thương mãi gặp thành chơn bảo, lượm lấy ngói sạn rồi trở về nhà. Các thầy chớ để tâm hạ liệt, cam đủ nơi chút ít pháp mọn. Các thầy dầu xuất gia mà không ham mộ pháp Đại thừa. Thân các thầy dầu được đắp cà sa mà tâm chưa được nhuộm pháp Đại thừa thanh tịnh. Các thầy dầu khát thực ở nhiều nơi mà chưa từng khát pháp thực Đại thừa. Các thầy dầu cạo bỏ râu tóc mà chưa vì chánh pháp cạo sạch kiết sử.

Này các thầy Tỳ Kheo ! Nay Như Lai bảo thiệt các Thầy, hiện nay Như Lai đại chúng hòa hiệp pháp tánh chơn thiệt chẳng điên đảo. Vì thế các thầy phải nhiếp tâm đồng mãnh tinh tấn xô dẹp các kiết sử. Khi mặt trời Phật huệ lặn mất rồi, các thầy sẽ bị vô minh trùm đậy.

Này các thầy ! Ví như những cỏ thuốc trên mặt đất để chúng sanh dùng. Phật pháp cũng vậy, sanh ra pháp vị cam lồ diệu thiện làm thuốc hay chữa bệnh phiền não của chúng sanh. Nay Như Lai sẽ làm cho tất cả chúng sanh cùng bốn bộ chúng đều được an trụ trong tạng bí mật. Cũng như chữ y,

nếu ba điểm đứng chung hàng, hoặc đứng ngay, hoặc khác nhau đều không thành chữ y. Ba điểm phải như ba con mắt trên mặt Đại Tự Tại Thiên mới thành chữ y. Như Lai cũng thế, pháp giải thoát không phải Niết Bàn, thân Như Lai không phải Niết Bàn, Ma ha Bát nhã cũng không phải Niết Bàn, ba pháp đều khác nhau cũng không phải Niết Bàn. Như Lai này an trụ ba pháp ấy, vì chúng sanh mà nói là nhập Niết Bàn, như chữ y trong đời".

Các Tỳ Kheo nghe đức Phật Thế Tôn nói quyết định sẽ nhập Niết Bàn, ai nấy đều lo rầu, cả mình rón óc, lệ tràn đầy mắt, cúi lạy chơn Phật mà bạch rằng : "Đức Thế Tôn khéo dạy vô thường, khổ, không, vô ngã".

Bạch Thế Tôn ! Ví như các dấu chun của muông thú, dấu chun voi là hơn cả. Vô thường quán cũng lại như vậy là pháp quán tưởng bực nhất trong các pháp quán tưởng. Nếu ai tinh cần tu tập pháp này, thời có thể trừ tất cả sự ái nhiễm cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô Sắc, trừ vô minh, kiêu mạn và vô thường tưởng. Đức Như Lai nếu đã lìa hẳn vô thường tưởng thời nay chẳng nên nhập Niết Bàn. Còn nếu chẳng lìa hẳn, có sao lại dạy rằng tu vô thường quán trừ được sự ái nhiễm ba cõi, vô minh, kiêu mạn và vô thường tưởng.

Bạch Thế Tôn ! Ví như đế vương biết mạng sắp chết, bèn ân xá ngục tù trong thiên hạ rồi sau mới

băng. Ngày nay đức Như Lai cũng nên như vậy, độ cho tất cả chúng sanh thoát khỏi lao ngục vô tri vô minh rồi sẽ nhập Niết Bàn. Hiện tại chúng con đều chưa được giải thoát, sao đức Thế Tôn lại vất bỏ mà muốn nhập Niết Bàn ?

Bạch Thế Tôn ! Như người say rượu mê loạn nói xàm, không còn biết thân sơ, mẹ con, chị em, nằm vùi trong phần nhơ, nhờ lương y cho uống thuốc, ới sạch rượu ra mới được tỉnh lại, lòng rất hổ thẹn tự răn trách lấy mình, rượu là thứ hại, là cội gốc của các tội lỗi, nếu chừa được rượu thời khỏi tội lỗi. Chúng con cũng thế, từ nhiều đời đến nay luân chuyển sanh tử, tình sắc làm say mê tham đắm trong ngũ dục, không phải mẹ tưởng là mẹ, không phải con, chị, em, mà tưởng là con, chị, em, không phải chúng sanh mà tưởng là chúng sanh, vì có ấy nên luân chuyển chịu khổ sanh tử, như người say kia nằm trong phần nhơ. Nay đức Như Lai nên ban pháp được cho chúng con uống để ới rượu độc phiền não, chúng con còn chưa được tỉnh ngộ sao đức Như Lai lại vất bỏ mà muốn nhập Niết Bàn.

Bạch Thế Tôn ! Không có cứ gì khen cây chuối là cứng chắc được. Chúng sanh cũng thế, không có cứ gì khen ngã, nhơn, chúng sanh, thọ mạng, dưỡng dục, tri kiến, tác giả, thọ giả là chơn thiệt được. Chúng con tu vô ngã quán cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn ! Vì như bã xác không còn dùng được, bông thất điệp không có mùi thơm, cũng vậy, thân thể của người không ngã không chủ. Chúng con thường tu tập pháp quán tưởng vô ngã như vậy.

Như đức Phật từng dạy tất cả các pháp không ngã và không ngã sở, các Tỳ Kheo phải tu tập. Tu như đây thời trừ ngã mạn, rời ngã mạn thời chứng Niết Bàn. Bạch Thế Tôn ! Không bao giờ có dấu chim bay nơi hư không. Người hay tu tập pháp quán vô ngã không bao giờ có các kiến chấp".

Đức Phật khen các Tỳ Kheo : "Lành thay ! Lành thay ! Các thầy khéo hay tu tập pháp quán vô ngã".

Các Tỳ Kheo bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Chẳng những chúng con tu pháp quán vô ngã tưởng, mà chúng con cũng tu tập các pháp quán khác như : khổ, vô thường.

Bạch Thế Tôn ! Như người say, tâm trí mê loạn, thấy nhà cửa cây cỏ núi sông thấy đều xoay lộn. Người không tu các pháp quán khổ, vô thường, vô ngã thời chẳng gọi là bực Thánh, người này nhiều phóng dật trôi lăn trong vòng sanh tử. Vì thế nên các con khéo tu tập các pháp quán ấy".

Đức Phật bảo các Tỳ Kheo : "Lóng nghe ! Lóng nghe ! Vừa rồi các thầy trình bày ví dụ người say đó, các thầy chỉ biết danh tự mà chưa hiểu thấu "thật nghĩa". Thế nào là "thật nghĩa" ? Như người say kia

thấy nhà cửa núi sông vốn thiệt không xoay lộn, mà tưởng cho là xoay lộn. Cũng vậy, bị những phiền não vô minh trùm đầy nên chúng sanh khởi tâm điên đảo : Ngã cho là vô ngã, thường cho là vô thường, tịnh cho là bất tịnh, lạc cho là khổ. Vì mắc phải phiền não trùm che, nên dầu nghĩ tưởng như vậy mà không thấu rõ "thật nghĩa", như người say kia đối với sự không xoay lộn mà tưởng cho là xoay lộn.

"Ngã" chính là thật nghĩa của "Phật", "Thường" chính là thật nghĩa của "Pháp Thân", "Lạc" là thật nghĩa của "Niết Bàn", "Tịnh" là thật nghĩa của "Pháp".

Các thầy sao lại nói người có ngã thời kiêu mạn cống cao lưu chuyển sanh tử. Nếu các thầy nói rằng, tôi cũng tu tập pháp quán vô thường, khổ, vô ngã. Ba môn tu tập này không có "thiệt nghĩa".

Như Lai sẽ nói ba pháp tu đặc thắng.

Khổ cho là vui, vui cho là khổ, là pháp điên đảo. Vô thường cho là thường, thường cho là vô thường, là pháp điên đảo. Vô ngã cho là ngã, ngã cho là vô ngã, là pháp điên đảo. Bất tịnh cho là tịnh, tịnh cho là bất tịnh, là pháp điên đảo. Có bốn pháp điên đảo như vậy thời là người chẳng rõ pháp tu chơn chánh.

Các thầy ở trong pháp khổ tưởng cho là vui, ở trong vô thường tưởng cho là thường, ở trong vô ngã tưởng cho là ngã, ở trong bất tịnh tưởng cho là tịnh.

Thế gian cũng có thường, lạc, ngã, tịnh. Xuất thế cũng có thường, lạc, ngã, tịnh. Pháp thế gian có văn tự mà không thật nghĩa. Xuất thế có văn tự có thật nghĩa. Tại sao vậy ? Vì pháp thế gian có bốn sự điên đảo nên chẳng biết thật nghĩa. Lại có tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Vì có ba sự điên đảo này nên người thế gian ở trong lạc thấy là khổ, trong thường thấy vô thường, trong ngã thấy vô ngã, trong tịnh thấy bất tịnh, đây gọi là điên đảo. Vì điên đảo nên thế gian biết văn tự mà chẳng biết thật nghĩa.

Gì là thật nghĩa ? Vô ngã gọi là sanh tử, còn ngã gọi là Như Lai. Vô thường là Thanh Văn, Duyên Giác, còn thường là Như Lai pháp thân. Khổ là tất cả ngoại đạo, còn lạc là Niết Bàn. Bất tịnh là pháp hữu vi, còn tịnh là chánh pháp của chư Phật và Bồ Tát. Đây gọi là chẳng điên đảo. Vì chẳng điên đảo nên biết văn tự biết thật nghĩa. Nếu muốn lìa khỏi bốn sự điên đảo thì phải rõ biết thường, lạc, ngã, tịnh như vậy.

Các Tỳ Kheo bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Như lời đức Thế Tôn dạy rằng dứt lìa bốn sự điên đảo ấy thì được rõ biết thường, lạc, ngã, tịnh. Nay đức Như Lai trọn không có bốn sự điên đảo thì đã rõ biết thường, lạc, ngã, tịnh. Nếu đã rõ biết thường, lạc, ngã, tịnh, sao đức Như Lai không ở đời một kiếp hoặc nửa kiếp để dạy dỗ chúng con, cho chúng

con khỏi lìa bốn sự điên đảo, mà lại vất bỏ chúng con muốn nhập Niết Bàn. Nếu được đức Như Lai đoái thương dạy bảo, chúng con sẽ hết lòng tuân lời tu tập. Nếu đức Như Lai nhập Niết Bàn, chúng con không thể mạng thân độc hại này mà tu phạm hạnh. Chúng con cũng sẽ nhập Niết Bàn theo Phật".

Phật bảo các Tỳ Kheo : "Các thầy chớ nói như vậy. Bao nhiêu Vô thượng chánh pháp của Phật, Như Lai đều đem giao phó cho Ma Ha Ca Diếp. Ma Ha Ca Diếp sẽ là chỗ y chỉ hoàn toàn cho các thầy, cũng như đức Như Lai là chỗ y chỉ của tất cả chúng sanh.

Ví như quốc vương lúc đi tuần du, đem quốc sự giao phó cả cho Đại thần. Cũng vậy, Như Lai đem chánh pháp giao phó cho Ma Ha Ca Diếp.

Các thầy nên biết rằng chỗ tu pháp khổ vô thường trước kia chẳng phải là chơn thật. Ví như mùa xuân, có một nhóm người chơi thuyền trong hồ lớn làm rớt chìm ngọc lưu ly. Nhóm người ấy liền cùng nhau hụp lặn tìm ngọc, bốc nhằm hòn sỏi viên đá, bụng mừng cho là ngọc, đến lúc đem ra khỏi nước mới rõ là không phải. Lúc ấy ngọc lưu ly vẫn ở dưới nước, do thế lực của ngọc mà nước hồ đều đứng trong. Bấy giờ nhóm người ấy mới nhìn thấy viên ngọc. Có một người trí tìm cách khéo, chằm rãi lặn xuống liền vớt được ngọc.

Các thầy chớ nên cho sự nghiệp tu tập pháp quán vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh như vậy là thật nghĩa. Như nhóm người kia lặn xuống nước bốc nhằm sạn đá mà cho là ngọc. Các thầy phải khôn khéo nơi nơi chỗ chỗ luôn tu pháp quán ngã, thường, lạc, tịnh. Lại cần nên biết tướng mạo tu tập bốn pháp trước kia đều là điên đảo. Muốn được chơn thiết tu các pháp quán, tức là quán ngã, thường, lạc, tịnh, thời phải như người trí khéo vớt được ngọc kia".

Các Tỳ Kheo bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Ngày trước đức Phật dạy rằng các pháp vô ngã, các ông phải tu học. Tu học pháp vô ngã sẽ lìa sự chấp ngã, lìa chấp ngã thời lìa kiêu mạn, lìa kiêu mạn, thời chứng Niết Bàn. Nghĩa ấy thế nào ?".

Đức Phật bảo các Tỳ Kheo : "Lành thay ! Lành thay ! Nay các thầy có thể bạch hỏi nghĩa ấy để tự dứt chỗ nghi ngờ.

Này các Thầy ! Ví như quốc vương kém sáng suốt, tin dùng một y sư vụng về, tánh tình lại cao ngạo, phàm trị bệnh gì cũng thuận dùng sữa để làm thuốc cả, thêm nổi chẳng rõ căn do của bệnh, dầu biết dùng sữa mà chẳng hiểu rành, chẳng biện biệt sữa tốt, xấu, lành, không lành. Một hôm, từ phương xa lại một minh y thông cả tám nghề, rành các phương thuốc, trị bệnh rất giỏi. Cựu y vì sẵn tánh cống cao khinh mạn nên không đếm xỉa tới. Minh y thấy vậy, bèn hạ mình thỉnh cựu y làm thầy, nhơn đó được vào hầu quốc vương. Minh

y trình bày lên quốc vương các phương thuốc và những nghệ thuật khác. Bấy giờ quốc vương tỉnh ngộ, xét biết cừu y là hạng vụng về cao ngạo, liền biếm truất đi, rồi trọng dụng minh y. Minh y mới yêu cầu quốc vương cấm dân chúng uống thuốc sữa của cừu y, vì thuốc ấy độc hại, làm thương tổn người bệnh. Quốc vương chuẩn lời, ra lệnh cấm hẳn, nếu ai dùng sữa để trị bệnh sẽ bị tử hình. Minh y cứ theo phương dược chế các thứ thuốc, phàm dân chúng có bệnh gì đều trị lành cả.

Ít lúc sau, quốc vương phải bệnh nặng, truyền vời minh y điều trị. Sau khi khám bệnh, biết rằng quốc vương phải dùng thuốc sữa, minh y liền tâu rằng : "Ngày trước tôi yêu cầu cấm dùng sữa làm thuốc, đó là đại vọng ngữ. Nếu uống thuốc sữa rất có thể trị được bệnh. Hiện nhà vua đang phải bệnh nặng, chính nên dùng sữa".

Vua bảo : "Có lẽ ông điên cuồng hay bị bệnh loạn óc rồi, mới nói rằng uống sữa trị được bệnh của ta. Cừu y dùng sữa, ông cho là độc, bảo ta biếm truất và cấm hẳn, nay trở lại nói sữa là tốt hay trị được bệnh. Ông muốn khi dối ta ư ? Cứ theo lời ông nói thời cừu y có thể hơn ông rồi".

Minh y tâu : "Thưa Đại Vương ! Như môi ăn gỗ ngẫu nhiên thành chữ, con mối này tự nói không biết là chữ hay không phải chữ. Người trí xem thấy trọn không bao giờ tuyên xưng rằng con mối biết chữ và cũng chẳng lấy làm lạ.

Cũng vậy, cữ y không hiểu căn bệnh, bệnh gì cũng dùng thuần sữa để trị, lại không biết sữa là tốt hay xấu, là lành hay không lành".

Vua nói : "Xin ông giải thích cho ta rõ".

Minh y tâu : "Thuốc sữa kia cũng là độc hại, cũng là cam lộ. Thế nào là thuốc sữa cam lộ. Nếu là bò cái không ăn bã hèm trâu cặn, con nghé của nó rất điều thiện, chỗ thả chăn không phải cao nguyên cũng không quá thấp ướt, nước uống trong sạch, chẳng cho chạy nháy, chẳng cho chung bầy với bò đực, cho nó ăn uống đi đứng vừa chừng phải cách. Sữa của bò này trị được nhiều bệnh gọi là cam lộ. Ngoài ra các thứ sữa khác thời gọi là độc hại".

Nghe minh y giảng giải, vua khen rằng : "Hay lắm ! Hay lắm ! Nay ta mới rõ thế nào là sữa tốt, xấu, lành, cùng chẳng lành".

Sau khi được uống sữa của minh y, vua được lành mạnh. Vua liền truyền lệnh cho dân chúng được dùng sữa để trị bệnh. Dân chúng không vừa lòng với thái độ của nhà vua, nên hội đến hoàng cung để cật vấn.

Quốc vương bảo dân chúng : "Mọi người chẳng nên oán trách nơi ta, về vấn đề thuốc sữa nên uống hay không nên uống đều là ý của y sư cả, không phải lỗi của ta".

Dân chúng vui lòng tuân lời minh y dùng thuốc sữa tốt trị bệnh, được nhiều kết quả tốt.

Này các Tỳ Kheo ! Các thầy nên biết đức Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn cũng lại như vậy. Là bậc đại y vương hiện ra nơi đời hàng phục tất cả tà y ngoại đạo. Giữa đại chúng xưng rằng ta là y vương, vì hàng phục ngoại đạo nên không nói ngã, không nhơn, không chúng sanh, không thọ giả. Các thầy nên biết ngoại đạo mà nói là ngã đó, như môi ăn cây ngẫu nhiên thành chữ thôi. Vì thế nên trong Phật pháp đức Như Lai nói là vô ngã để điều phục chúng sanh, và vì là lúc phải nói là vô ngã. Rồi cũng vì có nhơn duyên nên cũng nói có ngã. Như minh y kia biết rõ nơi sữa phải thuốc, hay không phải thuốc. Chẳng phải như chỗ chấp ngã của phàm phu. Phàm phu chấp ngã lớn như ngón tay cái, hoặc như hột cải, hoặc như vi trần. Ngã của Như Lai nói đều không phải như vậy, vì thế nên nói các pháp không ngã, mà chính thật chẳng phải là không ngã. Thế nào là thật ? Nếu Pháp là thật, là chơn, là thường, là chủ, là sở y, tánh không biến đổi, đó gọi là ngã. Như minh y kia hiểu rành thuốc sữa. Cũng vậy, Như Lai vì chúng sanh mà nói trong các pháp chơn thật có ngã.

Bốn bộ đệ tử của Như Lai đều phải tu pháp quán chơn ngã như vậy.

THÍCH NGHĨA

- (36)- SÁU CÁCH CHẤM ĐỘNG : 3 cách về tiếng : 1- tiếng nổ, 2- tiếng loài hữu tình kêu la, 3- tiếng loài vô tình khua chạm. 3 cách về hình : 1- rung động qua lại, 2- vọt lên khỏi chỗ cũ, 3- đang nằm bỗng đứng dậy, dựng lên.
- (37)- TÁM BỘ THIÊN THẦN : Thiên thần, Long thần, Dạ xoa thần, Càn thát bà thần, A tu la thần, Ca lâu la thần, Khẩn na la thần, Ma hầu la thần.
- (38)- Y VƯƠNG : Đức Phật là ông Vua thuốc pháp, hay chữa lành tâm bệnh phiền não cứu chúng sanh thoát khỏi tất cả khổ thống, sanh tử, để được an vui Niết bàn thường, lạc, ngã, tịnh.
- (39)- TU DI SƠN (Suméru) : Quả núi to nhứt ở thế gian, ở giữa biển Hương Thủy, toàn bằng bốn chất báu : vàng, bạc, lưu ly và pha lê. Đỉnh núi là cõi trời Đao Lợi, thuộc quyền Đế Thích thống trị. Giữa núi là cõi trời Tứ Vương, do 4 vị Thiên Vương cai quản.
- (40)- A LA HÁN : Quả thứ tư trong bốn quả thánh xuất thế thuộc tiểu thừa :
- 1.- Tu Đà Hoàn (Dục Lưu) bậc này thấy lý Tứ đế, dứt ngã chấp, phân biệt, hết kiến hoặc, ra khỏi phàm phu, dục vào hàng Thánh xuất thế.
 - 2- Tư Đà Hàm (Nhứt Lai) bậc Thánh này đã hết kiến hoặc dứt thêm sáu phẩm trong chín phẩm tư hoặc cõi Dục, còn một lần sanh trở lại cõi Dục mới thoát hẳn.

3.- A Na Hàm (Bất Lai) bực Thánh đã hết kiến hoặc và dứt cả chín phẩm tư hoặc cõi Dục, không còn sanh trở lại cõi Dục nữa.

4.- A La Hán (Vô sanh, Sát tặc, Ứng cúng) bực Thánh cao nhất trong hàng Thanh Văn Tiểu thừa, đã dứt sạch kiến hoặc và tư hoặc tam giới, cùng câu sanh ngã chấp nên gọi là Sát Tặc. Đã khỏi hẳn sanh tử luân hồi trong lục đạo, nên hiệu là Vô sanh, là bực đáng thọ sự cúng dường của Nhơn Thiên, nên hiệu là Ứng Cúng.



IV

PHẨM TRƯỜNG THỌ

Thứ tư

(*) Đức Phật lại bảo các vị Tỳ Kheo : "Các thầy ở nơi giới luật có chỗ nào nghi ngờ, cho phép các thầy hỏi. Như Lai sẽ giải thích cho. Tất cả các pháp bốn tánh không tịch, Như Lai đã tu học rành rẽ thông đạt. Các thầy chớ nghĩ rằng Như Lai chỉ tu các pháp bốn tánh không tịch. Ở nơi giới luật có chỗ nào nghi ngờ, các thầy nên hỏi."

Các Tỳ Kheo bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Chúng con không đủ trí huệ để hỏi đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Vì cảnh giới của Như Lai không thể nghĩ bàn, thiên định của Như Lai không thể nghĩ bàn, lời phán dạy của Như Lai không thể nghĩ bàn. Vì cố ấy nên chúng con là hạng không đủ trí huệ để hỏi đức Như Lai."

Bạch Thế Tôn ! Ví như ông già trên trăm tuổi đang phải bệnh trầm trọng nằm liệt trên giường sẽ

(*) Hán bộ quyển thứ 3

chết mất nay mai. Một người giàu kia có duyên sự muốn đến xứ khác, đem trăm cân vàng gửi cho ông già ấy mà giao ước rằng : Hoặc mười năm hoặc hai mươi năm chừng nào tôi trở về thời ông huờn số vàng này lại cho tôi. Ông già nhận giữ vàng, không bao lâu thời chết, ông già lại không người kế tự, số vàng gửi kia đều thất lạc cả. Lúc người chủ vàng trở về không biết đòi hỏi ai, đành chịu mất vàng. Chủ vàng là kẻ vô trí, khi gửi vàng không biết chọn nơi đáng gửi, nên phải mất vàng.

Cũng vậy, hàng Thanh Văn chúng con dầu nghe đức Như Lai ân cần dạy bảo mà chúng con không thể thọ trì khiến chánh pháp được bền lâu, khác nào ông già kia nhận vàng của người gửi, rồi không sống được mà giữ gìn. Chúng con vô trí, ở nơi giới luật sẽ hỏi những gì !".

Đức Phật nói : "Nếu nay các thầy hỏi Như Lai thời có thể đem lại sự lợi ích cho chúng sanh, nên Như Lai mới bảo các thầy có chỗ nào nghi thời cho phép hỏi".

Các Tỳ Kheo bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Ví như một người trai trẻ khỏe mạnh lối hai mươi lăm tuổi, nhà giàu có, cha mẹ vợ con quyến thuộc đông đủ. Có người đem vàng bạc đến gửi cho người trai trẻ này mà nói rằng : "Tôi có duyên sự cần phải đi xa. Khi tôi trở về, anh sẽ huờn số vàng bạc này lại cho tôi". Người trai trẻ nhận vàng bạc và cất

giữ kỹ lương. Ít lúc phải bệnh, người trai trẻ dặn thân quyến rằng số vàng bạc này là của ông già gởi, khi nào ông ấy đến hỏi thời giao đủ cho ông ấy. Thời gian sau, người gởi vàng bạc trở về được thân quyến của người trai trẻ hườn đủ số đã gởi. Đây là người có trí, biết chọn chỗ đáng gởi nên khỏi mất của.

Cũng vậy, nếu đức Thế Tôn đem pháp bảo giao phó cho A Nan và các Tỳ Kheo ắt chẳng đặng lâu dài, vì tất cả hàng Thanh Văn và Ma Ha Ca Diếp đều sẽ vô thường, như ông già trước kia. Đức Như Lai nên đem Phật pháp Vô thượng giao phó cho Bồ Tát. Vì hàng Bồ Tát đủ trí huệ có thể hỏi Như Lai, pháp bảo sẽ được lâu dài hưng thịnh lợi ích cho chúng sanh, như người trai trẻ trước kia. Vì những lẽ ấy, nên chỉ có hàng Bồ Tát là có thể hỏi đức Như Lai thôi. Trí huệ của chúng con như mòng muỗi, làm sao hỏi được pháp thâm diệu của Như Lai".

Bạch xong, các Tỳ kheo đều ngồi yên lặng.

Đức Phật khen các Tỳ Kheo rằng : "Lành thay ! Lành thay ! Các thầy khéo được tâm vô lậu, tâm A La Hán. Như Lai cũng đã suy xét hai duyên có mà các thầy vừa trình bày, nên đem pháp Đại thừa giao phó cho hàng Bồ Tát, khiến diệu pháp này được còn lâu nơi đời".

Đức Phật bảo toàn thể đại chúng : "Thọ mạng của Như Lai không thể tính lường, biện tài cũng chẳng thể cùng tận. Đại chúng phải nên tùy ý bạch hỏi hoặc nơi giới luật, hoặc nơi pháp quy y".

Đức Phật tuyên bố luôn ba lần như vậy.

Bấy giờ trong đại chúng có một vị đại Bồ Tát tuổi còn trẻ, vốn là người trong tụ lạc Đa La, họ Đại Ca Diếp giòng Bà La Môn, do thần lực của Phật, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo bên hữu, cung kính nhiễu Phật, gối hữu chাম đất, chấp tay hướng Phật mà bạch rằng : "Nay con có chút việc muốn bạch hỏi, xin đức Thế Tôn hứa khả cho".

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri cho phép ông hỏi. Như Lai sẽ giải quyết chỗ nghi của ông, cho ông vui mừng".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Đức Thế Tôn xót thương đã cho phép, nay con sẽ hỏi. Nhưng trí huệ của con rất kém. Đạo đức của Thế Tôn cao vòi vọi, thân của Như Lai như chơn kim cang, màu như ngọc lưu ly. Trong đại hội đây, các vị đại Bồ Tát thảy đều thành tựu vô lượng vô biên thâm diệu công đức. Ở trước một đại hội như thế này, đâu dám bạch hỏi. Nay con nương sức thần thông của Phật và nhơn thiện căn oai đức của đại chúng mà bạch hỏi ít điều thôi".

Ca Diếp Bồ Tát liền ở trước Phật, nói kệ rằng :

Thế nào được trường thọ
Thân kim cương chẳng hoại ?
Lại do nhơn duyên gì
Đặng sức kiên cố lớn ?
Thế nào nơi kinh này
Rốt ráo đến bờ kia ?
Nguyện Phật vì chúng sanh
Giảng bày nghĩa kín nhiệm.
Thế nào đặng rộng lớn
Làm y chỉ cho chúng ?
Thiệt chẳng phải La Hán ?
Mà đồng hàng La Hán ?
Thế nào biết Thiên ma
Làm lưu nạn cho chúng ?
Lời Phật, lời Ba Tuần,
Thế nào phân biệt biết ?
Thế nào bực Điều Ngự
Hoan hỉ nói chơn đế
Đủ thành tựu chánh thiện
Diễn nói bốn diên đảo ?
Làm nghiệp lành thế nào
Xin Thế Tôn dạy bảo.
Thế nào các Bồ Tát
Thấy được tánh khó thấy ?

Nghĩa mãn tự, bán tự
Phải hiểu như thế nào ?
Thế nào cộng thánh hạnh
Như chim Ta La Ta ?
Thế nào chưa phát tâm
Mà gọi là Bồ Tát ?
Thế nào giữa đại chúng
Mà đặng không kinh sợ
Như vàng Diêm Phù Đà
Không ai chỉ trích được ?
Thế nào ở đời trước
Chẳng như như hoa sen ?
Thế nào ở phiên nào
Phiên nào chẳng nhiễm được,
Như y sư trị bệnh
Chẳng bị bệnh truyền lây ?
Thế nào làm lái thuyền
Ở giữa biển sanh tử ?
Thế nào thoát sanh tử
Như rắn lột da cũ ?
Thế nào xem Tam Bảo
Dường như cây Thiên Ý ?
Ba thừa nếu vô tánh
Thế nào mà nói đặng,

Như sự vui chưa có
Sao lại nói thọ vui ?
Thế nào các Bồ Tát
Mà đặng chứng bất hoại ?
Thế nào vì người mù
Mà làm người chỉ đường ?
Thị hiện nhiều đầu kia
Xin Phật giải rõ có.
Thế nào người thuyết pháp
Thêm lớn như trăng mọc ?
Thế nào lại thị hiện
Rốt ráo nơi Niết Bàn ?
Thế nào bực dưng kiện
Hiện nhơn, thiên, ma, đạo ?
Thế nào biết pháp tánh
Mà thọ nơi pháp lạc ?
Thế nào các Bồ Tát
Xa lìa tất cả bệnh ?
Thế nào vì chúng sanh
Diễn thuyết nơi bí mật ?
Thế nào nói rốt ráo ?
Và cùng chẳng rốt ráo ?
Như kia dứt lưới nghi
Tại sao nói bất định ?
Thế nào là đặng gần

Đạo tôi thắng Vô thượng ?
 Con nay tỉnh Như Lai
 Vì các hàng Bồ Tát
 Giảng nói pháp thâm thâm
 Các hạnh vi diệu thấy
 Trong tất cả các pháp
 Đều có tánh an lạc
 Cúi xin đấng Thế Tôn
 Phân biệt dạy chúng con.
 Bực nương tựa của chúng
 Diệu được Lương Túc Tôn !
 Nay muốn hỏi các âm
 Mà con không trí huệ,
 Các Bồ Tát tinh tấn
 Cũng lại chẳng biết được,
 Cảnh giới của chư Phật
 Rất sâu mầu như vậy.

Đức Phật khen Ca Diếp Bồ Tát : "Lành thay !
 Lành thay ! Nay ông chưa được Nhứt thiết chủng trí,
 Như Lai đã được, nhưng bí tạng rất sâu của ông vừa
 hỏi đồng như chỗ hỏi của bực Nhứt thiết trí.

Nay Thiện nam tử ! Lúc ta mới thành đạo chánh
 giác nơi cõi Bồ Đề, có vô lượng Bồ Tát ở mười
 phương thế giới cũng từng đến hỏi Như Lai những

nghĩa thậm thâm ấy. Văn nghĩa công đức đã hỏi ngày trước cùng với của ông hôm nay đồng nhau không khác.

Hỏi như vậy có thể đem sự lợi ích lại cho vô lượng chúng sanh".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Con không đủ trí để hỏi Như Lai về những thâm nghĩa ấy.

Ví như muỗi mòng chẳng thể bay qua đến bờ kia của biển cả, cùng lượn khắp hư không. Cũng vậy, con không thể bạch hỏi Như Lai về những nghĩa biển cả trí huệ và hư không pháp tánh rất sâu như vậy.

Ví như quốc vương đem viên minh châu trong búi tóc giao cho quan giữ kho. Quan giữ kho lãnh châu hết lòng cung kính gìn giữ. Cũng vậy, con hết lòng cung kính giữ gìn nghĩa lý Đại thừa rất sâu của Như Lai truyền dạy. Vì nghĩa lý ấy làm cho con được trí huệ sâu rộng".

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Lóng nghe ! Lóng nghe ! Như Lai sẽ vì ông mà nói nghiệp nhơn trường thọ của Như Lai đã được. Do nơi nghiệp nhơn này mà Bồ Tát được thọ mạng dài lâu. Nếu hạnh nghiệp có thể làm nhơn cho quả Bồ Đề thời phải nên thành tâm nghe kỹ và lãnh thọ nghĩa ấy. Đã tự lãnh thọ rồi nói lại cho người khác. Do tu tập hạnh nghiệp

ấy mà Như Lai đặng thành Vô thượng Chánh giác. Nay lại vì người mà giảng rộng ý nghĩa ấy.

Ví như vương tử phạm tội bị giam vào ngục, nhà vua rất nhớ thương con, đích thân ngự đến ngục thất. Cũng vậy, muốn được trường thọ, Bồ Tát phải nên hộ niệm tất cả chúng sanh, xem như con ruột, sanh lòng đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, truyền cho giới bất sát, dạy cho tu pháp lành. Cũng nên để tất cả chúng sanh ở nơi ngũ giới thập thiện. Lại đến địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a tu la v.v., để cứu vớt những kẻ khổ não trong các nơi ấy. Giải thoát kẻ chưa giải thoát, cứu độ người chưa được cứu độ. Người chưa chứng Niết Bàn làm cho chứng Niết Bàn. An ủi tất cả người đang ở trong cảnh kinh sợ. Do các nghiệp nhơn trên đây mà Bồ Tát được thọ mạng dài lâu, nơi các trí huệ được tự tại. Sau khi mạng chúng sanh lên cõi trên".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Bồ Tát Ma Ha Tát bình đẳng xem chúng sanh đồng như con ruột, nghĩa ấy rất sâu, con chưa hiểu được. Đức Thế Tôn chẳng nên nói Bồ Tát đối với chúng sanh tu tâm bình đẳng xem đồng như con, vì trong Phật pháp có người phá giới, có kẻ phạm tội nghịch, có kẻ hủy báng chánh pháp. Sao lại với những hạng ấy mà xem đồng như con ?".

Phật dạy : "Phải đấy ! Như Lai đối với chúng sanh thiết xem đồng là con như La Hầu La".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Trước kia, ngày rằm lúc chư Tăng đang bố tác. Có một đứa trẻ không khéo tu tập ba nghiệp thân, khẩu, ý, núp ở chỗ kín rình nghe chư Tỳ Kheo Tăng thuyết giới. Mật Tích Lực Sĩ nương thần lực của Phật lấy chày kim cương đập đứa trẻ ấy nát ra như bụi. Bạch Thế Tôn ! Vị thần Kim Cương ấy rất là bạo ác mới giết được đứa trẻ. Thế sao Như Lai xem các chúng sanh đồng như con là La Hầu La ?".

Phật dạy : "Ông không nên nói như vậy."

Đứa trẻ ấy chính là người biến hóa, chẳng phải người thiệt. Vì muốn xua đuổi những kẻ phá giới hủy pháp ra ngoài chư Tăng nên hiện như vậy. Thần Kim Cương kia cũng là biến hóa thôi. Hạng hủy báng chánh pháp cùng nhứt xiển đề hoặc có người sát sanh nhẫn đến tà kiến, và cố ý phạm giới, Như Lai đối với những hạng ấy đều thương xót như con là La Hầu La.

Như quốc vương đối với bầy tôi phạm phép thời cứ tội tru lục mà chẳng tha. Như Lai Thế Tôn không phải như vậy; với hạng hủy pháp, làm pháp yết ma khu khiến, quở trách, cử tội v.v..., sở dĩ Như Lai làm các pháp yết ma trừng trị những hạng hủy báng chánh pháp như vậy là vì chỉ muốn chỉ rõ những người ác hạnh thời có quả báo.

Ông phải biết Như Lai là vị ban bố sự vô úy cho chúng sanh ác. Nếu Như Lai phóng ra một tia sáng, hoặc hai, năm tia sáng, kẻ nào gặp thời đều

xa lia tất cả các điều ác. Nay Như Lai đầy đủ vô lượng thế lực như vậy.

Pháp chưa được thấy, nếu ông muốn thấy, nay sẽ vì ông nói tướng mạo đó. Sau khi Như Lai nhập Niết Bàn, nơi nào có Tỳ Kheo trì giới đầy đủ oai nghi hộ trì chánh pháp, thấy người hoại pháp bèn có thể khu khiến, quở trách, trừng trị. Phải biết Tỳ Kheo ấy đặng phước vô lượng không thể tính kể.

Ví như quốc vương chuyên làm việc bạo ác, rồi mang bệnh nặng. Vua nước láng giềng nghe biết tình hình đem binh đến đánh, trách tội muốn giết. Vua ác bệnh ấy vì không thế lực sợ hãi ăn năn chưa lỗi mà làm lành. Vua láng giềng kia được phước vô lượng. Cũng vậy, Tỳ Kheo giữ phép khu khiến quở trách người phạm giới cho họ chữa lỗi làm lành thời đặng phước vô lượng.

Ví như nhà cửa ruộng vườn của ông trưởng giả mọc lên những cây gai độc. Trưởng giả biết được bèn chặt đốn sạch cả.

Lại như người trai trẻ đầu có tóc bạc, vì hổ thẹn nên nhổ bỏ chẳng cho ra dài.

Cũng vậy, Tỳ Kheo giữ pháp thấy có người phá giới hủy hoại chánh pháp, bèn nên khu khiến, quở trách, cử tội. Tỳ Kheo này là đệ tử của Như Lai, là chơn thật Thanh Văn. Nếu thấy mà bỏ qua, thời nên biết Tỳ Kheo này là người hại Phật pháp".

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch Phật rằng : "Bạch Thế Tôn ! Cứ như lời Phật dạy, thời là không bình đẳng xem tất cả chúng sanh đồng như con là La Hầu La. Bạch Thế Tôn ! Nếu có một người cầm dao hại Phật, lại có một người đem nước chiên đàn thoa thân Phật. Như Lai đối với hai người này nếu tâm là bình đẳng, sao lại bảo rằng phải trừng trị kẻ phạm luật. Nếu trừng trị kẻ phạm luật thời lời dạy kia có lỗi".

Phật nói : "Như Quốc vương, Đại thần, Tể tướng có bốn người con trai diện mạo khôi ngô, thông minh sáng suốt, đem giao cho giáo sư dạy dỗ và dặn rằng : Thầy gắng dạy chúng nó cho được toàn vẹn cả tài lẫn đức. Nếu chúng nó ngỗ nghịch, thầy phải nghiêm trị, dầu ba đứa bị đòn chết, còn một đứa được nên, chúng tôi cũng vui lòng.

Này Ca Diếp ! Như vậy thời cha và thầy của các trẻ có phải tội sát sanh chăng ?".

Ca Diếp Bồ Tát thưa : "Bạch Thế Tôn ! Không. Vì lòng thương muốn cho các trẻ được nên, chớ chẳng phải ác tâm. Dạy dỗ như thế đặng phước vô lượng".

Phật nói : "Cũng vậy, Như Lai đối với kẻ phạm pháp xem đồng như con cả. Nay Như Lai đem chánh pháp vô thượng phó chúc các vua, đại thần, tể tướng, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di. Các

vua, quan và bốn bộ chúng phải nên khuyên răn khích lệ các học chúng, khiến đặng tăng thượng giới, định, trí huệ. Nếu người nào không tu học ba phẩm pháp này lười biếng phá giới, hủy hoại chánh pháp, thời vua quan, bốn bộ chúng phải nên nghiêm trị.

Này Ca Diếp ! Như vậy các vua, quan, bốn bộ chúng có mắc tội chăng ?".

Ca Diếp Bồ Tát thưa : "Bạch Thế Tôn ! Không".

Phật nói : "Các vua quan và bốn bộ chúng ấy còn không tội, huống là Như Lai.

Này Ca Diếp ! Như Lai khéo tu đức bình đẳng như vậy, xem các chúng sanh đồng là con cả. Tu như vậy gọi là Bồ Tát tu tâm bình đẳng nơi các chúng sanh xem đồng là con. Bồ Tát tu tập hạnh nghiệp bình đẳng này thời được thọ mạng lâu dài, lại cũng khéo biết những việc đời trước".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Như lời Phật dạy nếu Bồ Tát tu tâm bình đẳng đối với chúng sanh xem như con ruột thời được thọ mạng dài lâu. Đức Như Lai chẳng nên dạy như thế.

Như người biết phép, có thể giảng nói các hạnh hiếu thuận, khi về đến nhà lại lấy ngói đá ném đánh cha mẹ. Mà cha mẹ là ruộng phước lớn có ơn nhiều nên phải cúng dường, trở lại đánh đập, thời người biết phép này lời nói cùng hành động trái ngược nhau.

Lời dạy của Như Lai cũng vậy. Bồ Tát tu tâm từ bình đẳng được thọ mạng dài lâu biết được túc mạng, thường ở nơi đời không có đời. Nay đây do duyên có gì mà đức Thế Tôn thọ mạng rất ngắn đồng như gian u ? Hay là Như Lai có oán ghét chi chúng sanh ? Ngày trước Như Lai làm nghiệp ác gì, giết chết mấy mạng, mà mắc báo đoản thọ sống không đầy trăm tuổi u ?".

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Nay duyên có gì mà ông nói lời thô ở trước Như Lai như thế ? Như Lai trường thọ rất hơn hết trong các tuổi thọ. Như Lai chứng được pháp thường trụ hơn hết trong các pháp thường trụ".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Đức Như Lai được thọ mạng dài lâu thế nào ?".

Phật nói : "Như tám con sông lớn : Một là sông Hằng, hai là sông Diêm Ma La, ba là sông Tát La, bốn là sông A Lợi La, năm là sông Ma Ha, sáu là sông Tân Đầu, bảy là sông Bác Xoa, tám là sông Tát Đà. Tám con sông này cùng các sông nhỏ đều chảy vào biển lớn.

Cũng vậy, tất cả con sông thọ mạng của người, của trời, của đất, của hư không, đều vào trong biển thọ mạng của Như Lai. Vì vậy nên Như Lai thọ mạng vô lượng.

Ví như ao A Nậu chảy ra thành bốn con sông lớn. Cũng vậy, Như Lai xuất sanh tất cả thọ mạng.

Ví như trong các pháp thường trụ, hư không là đệ nhất. Cũng vậy, ở trong các pháp thường trụ, Như Lai là đệ nhất.

Như trong các vị thuốc, vị đề hồ là đệ nhất. Cũng vậy, trong các chúng sanh, thọ mạng của Như Lai là đệ nhất".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Nếu thọ mạng của Như Lai dài lâu như vậy, thời Như Lai nên ở nơi đời hoặc một kiếp, hoặc ít hơn để thường tuyên diệu pháp, như tuôn mưa lớn".

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Ông chẳng nên ở nơi Như Lai có quan niệm là diệt tận.

Này Ca Diếp ! Nếu có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, nhấn đến ngoại đạo ngũ thông thân tiên, hạng được tự tại, hoặc sống một kiếp hay ít hơn, ở giữa hư không đi đứng nằm ngồi tự tại, nách tả phun lửa, nách hữu vọt nước, thân tuôn khói lửa, nếu muốn sống lâu thời được như ý muốn. Đối với mạng sống, hoặc dài hoặc ngắn đều tự tại. Người được ngũ thông còn đặng thân lực tùy ý như vậy, huống là Như Lai đặng sức tự tại đối với tất cả pháp, mà lại không thể ở đời hoặc nửa kiếp, hoặc một hai kiếp, hoặc trăm ngàn kiếp, hoặc vô lượng kiếp sao ? Vì những nghĩa ấy, phải biết rằng Như Lai là pháp thường trụ chẳng biến đổi. Thân của Như Lai đây là thân biến hóa chẳng phải thân tạp

thực. Vì độ chúng sanh nên thị hiện đồng với chúng. Vì vậy nên thị hiện bỏ thân mà nhập Niết Bàn.

Ông nên biết rằng Phật là Pháp thường trụ, là pháp không biến đổi. Ở trong đệ nhất nghĩa này, các ông phải nên siêng năng tinh tấn nhưt tâm tu tập. Mình đã tu tập và vì người khác mà giảng nói".

Ca Diếp Bồ Tát thưa : "Bạch Thế Tôn ! Có sự sai khác gì giữa xuất thế pháp cùng thế pháp ? Như lời Phật dạy : Phật là Pháp thường trụ, là Pháp không biến đổi. Người đời cũng nói Phạm Thiên là thường, Tự Tại Thiên là thường, không biến đổi, họ cũng nói Ngã là thường, Tánh là thường, Vi trần cũng thường.

Nếu nói Như Lai là pháp thường trụ, có sao Như Lai chẳng thường hiện nơi đời ? Nếu không thường hiện nơi đời thì có khác gì nghĩa thường của thế gian ? Vì Phạm Thiên hẳn đến vi trần cũng chẳng hiện".

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Ví như nhà Trưởng giả kia có nuôi nhiều bò, màu lông khác nhau, đồng chung một bầy. Trưởng giả giao bầy bò cho người chăn thả đi ăn cỏ uống nước, chỉ vì vị để hồ chớ chẳng cầu sữa bơ. Người chăn ấy vắt sữa rồi tự uống. Trưởng giả chết, bao nhiêu bò đều bị bọn cướp đoạt cả. Bọn cướp tự vắt sữa ra uống, rồi bàn với nhau rằng ông Trưởng giả nuôi bầy bò này chỉ

muốn đựng vị đề hồ chớ không cầu sữa bơ. Chúng ta làm cách gì để đựng đề hồ. Đề hồ là phẩm vật quý nhất trong đời. Chúng ta không có gì đựng, dầu vắt được sữa cũng không chỗ chứa. Chúng lại bàn đựng sữa trong túi da. Dầu có đồ đựng nhưng vì không biết cách làm, nên bơ còn không được thành, huống là đề hồ. Vì muốn được đề hồ, bọn cướp đổ thêm nước vào túi sữa, vì quá nhiều nước nên chẳng những không được đề hồ, bơ, mà cả sữa cũng mất.

Phàm phu cũng vậy, dầu có pháp lành nhưng đều là pháp thừa của Như Lai. Sau khi Thế Tôn nhập Niết Bàn, họ trộm pháp lành thừa của Như Lai hoặc giới, định hoặc huệ. Như bọn cướp đoạt bầy bò. Hạng phàm phu dầu lại đựng giới, định, trí huệ, nhưng không có phương tiện nên chẳng giải thoát được. Vì nghĩa này nên họ không thể đựng thường giới, thường định, thường huệ giải thoát. Nhưng bọn cướp kia chẳng biết phương tiện không được đề hồ, rồi vì đề hồ mà đổ nước vào sữa. Cũng vậy, hạng phàm phu vì giải thoát mà nói Ngã hoặc Phạm Thiên, Tự Tại Thiên, nhân đến Phi Tướng, Phi Phi Tướng Thiên chính là Niết Bàn, kỳ thiệt họ chẳng được giải thoát Niết Bàn. Như bọn cướp kia không được đề hồ.

Hạng phàm phu ấy có chút ít phạm hạnh, cúng dường cha mẹ, nhờ đây được sanh lên trời hưởng

một ít an lạc, như bọn cướp kia được sữa pha với nước. Mà hạng phàm phu ấy thiệt chẳng biết là do tu ít phạm hạnh, cúng dường cha mẹ đặng sanh lên cõi trời, họ lại chẳng biết được giới, định, trí huệ, quy y Tam bảo, rồi do chẳng biết mà nói thường, lạc, ngã, tịnh. Dầu lại nói thường, lạc, ngã, tịnh, mà thiệt ra thời họ chẳng biết. Vì thế nên sau khi ra đời, Như Lai vì chúng sanh mà diễn nói thường, lạc, ngã, tịnh.

Như vua Chuyển Luân ra đời, do sức phước đức của vua nên bọn cướp tan vỡ, bầy bò vẫn còn nguyên vẹn. Nhà vua bèn giao bầy bò cho người chăn rành nghề, do đó mà được đề hồ, và nhờ đề hồ mà nhơn dân khỏi bệnh khổ.

Lúc đấng Pháp Vương ra đời, hạng phàm phu không thể diễn thuyết giới, định, trí huệ kia liền tan rã như bọn cướp. Bấy giờ Như Lai khéo giảng thế pháp và xuất thế pháp. Vì chúng sanh mà khiến các vị Bồ Tát theo đó để diễn thuyết. Chư đại Bồ Tát đã được đề hồ, lại làm cho vô số chúng sanh được pháp vị cam lộ vô thượng, tức là thường, lạc, ngã, tịnh, của Như Lai.

Này Ca Diếp ! Vì những nghĩa ấy nên Như Lai là thường, là pháp không biến đổi. Chẳng đồng hạng người ngu trong đời gọi Phạm Thiên v.v... là pháp thường còn.

Gọi là pháp thường trụ thời phải là Như Lai chớ chẳng phải pháp nào khác. Ông phải hiểu biết thân Như Lai là như vậy.

Này Ca Diếp ! Mọi người nên thường chuyên lòng tu hai chữ này : Phật là "Thường trụ". Nếu Thiện Nam tử, Thiện nữ nhơn nào tu hai chữ này, nên biết người ấy đi theo đường Phật đi, đến chỗ Phật đến.

Này Ca Diếp ! Nếu người tu tập hai chữ này làm tướng tịch diệt, nên biết Như Lai thời là nhập Niết Bàn đối với người ấy.

Này Ca Diếp ! Nghĩa Niết Bàn chính là pháp tánh của chư Phật".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Pháp tánh của chư Phật nghĩa thế nào ? Nay con muốn biết nghĩa của pháp tánh. Cúi mong Đức Như Lai xót thương giải rộng cho.

Vả pháp tánh tức là xả thân, xả thân gọi là vô sở hữu, nếu vô sở hữu thời thân làm sao còn. Thân nếu còn tại sao lại nói thân có pháp tánh ? Thân có pháp tánh sao thân lại còn ?

Nay con phải hiểu như thế nào về nghĩa ấy ?".

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Nay ông chẳng nên nói diệt là, pháp tánh. Pháp tánh không có diệt.

Ví như Vô Tướng Thiên thành tựu sắc ấm mà không có sắc tướng. Chẳng nên hỏi rằng các ông trời ấy sung sướng hưởng vui thế nào ? Nghĩ tướng những gì ? Thấy nghe thế nào ?

Này Ca Diếp ! Cảnh giới của Như Lai chẳng phải là chỗ biết của Thanh Văn, Duyên Giác. Chẳng nên nói rằng thân của Như Lai là pháp diệt.

Này Ca Diếp ! Pháp diệt như thế là cảnh giới của Phật, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được.

Nay ông không nên nghĩ lường Như Lai ở chỗ nào, đi chỗ nào, thấy chỗ nào, vui chỗ nào ? Những nghĩa ấy, cũng chẳng phải các ông biết được. Pháp thân của Phật, các thứ phương tiện chẳng thể nghĩ bàn.

Này Ca Diếp ! Nên phải tu tập Phật, Pháp và Tăng mà quán tưởng là thường. Ba pháp ấy không có dị tướng. Không vô thường tướng, không biến dị tướng. Nếu ở nơi ba pháp tu dị tướng, phải biết rằng tam quy thanh tịnh của những người này thời không chỗ y nương, cấm giới của họ đều chẳng đầy đủ. Trọn chẳng chứng được quả Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Đề. Nếu có thể ở nơi bất khả tư nghị này tu thường tướng thời có chỗ quy y.

Này Ca Diếp ! Ví như nhưn nơi cây thời có bóng cây. Cũng vậy, vì Như Lai có pháp thường trụ thời có chỗ quy y, chớ chẳng phải là vô thường. Nếu cho rằng Như Lai là vô thường thời Như Lai không phải là chỗ quy y của người và của trời".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Ví như trong tôi có cây mà không có bóng".

Phật nói : "Này Ca Diếp ! Ông không nên nói là có cây mà không có bóng, chỉ vì nhục nhãn không thấy đó thôi. Cũng vậy, tánh Như Lai là thường trụ, là không biến đổi. Người không có con mắt trí huệ thời không thấy được. Như trong tối không thấy bóng cây. Cũng vậy, sau khi Phật nhập diệt, hạng phàm phu nói Như Lai là vô thường."

Nếu cho rằng Phật khác với Pháp và Tăng thời chẳng thành chỗ của ba pháp quy y. Như cha mẹ của ông mỗi mỗi sai khác, nên thành vô thường".

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Bắt đầu từ nay, con sẽ đem ba pháp thường trụ Phật, Pháp và Tăng để khai ngộ cho cha mẹ, nhấn đến cha mẹ trong bảy đời đều khiến phụng trì."

Bạch Thế Tôn ! Nay con phải học Phật, Pháp, Tăng bất khả tư nghì. Tự mình học rồi lại sẽ vì người mà giảng giải những nghĩa ấy. Nếu người nào không tin không nhận, thời người đó là kẻ tu pháp vô thường đã lâu. Con sẽ làm sương móc, làm mưa giá cho hạng người này".

Phật khen Ca Diếp Bồ Tát : "Lành thay ! Lành thay ! Nay ông khéo có thể hộ trì chánh pháp. Hộ pháp như vậy thời là không khinh khi người. Do nơi nghiệp nhơn không khinh khi người mà được quả báo trường thọ, biết rành những đời đã qua".

PHẨM KIM CANG THÂN

Thứ năm

Bấy giờ đức Phật lại bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Này Ca Diếp ! Thân Như Lai là thân thường trụ, thân bất hoại, thân kim cang. Chẳng phải là thân tạp thực. Chính là Pháp thân".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Những thân của Phật nói đó con đều chẳng thấy. Con chỉ thấy những thân vô thường, phá hoại, vi trần, tạp thực thôi. Vì rằng đức Như Lai sắp nhập Niết Bàn".

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Ông chớ cho rằng thân của Như Lai hư hoại, không bền như thân phàm phu.

Ông nên biết rằng thân Như Lai trong vô lượng ức kiếp luôn bền chắc không hư hoại, không phải thân người, thân trời, không phải thân sợ sệt, chẳng phải thân tạp thực. Thân của Như Lai chẳng phải thân mà là thân, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng tập chẳng tu, vô lượng vô biên, không có dấu vết, vô

tri vô hình, rốt ráo thanh tịnh, không có lay động, không phải thọ hành, chẳng trụ chẳng làm, không mùi vị không xen tạp, chẳng phải hữu vi, chẳng phải nghiệp chẳng phải quả, chẳng phải đời chẳng phải diệt, chẳng phải tâm vương, tâm sở, chẳng thể nghĩ bàn, thường chẳng thể nghĩ bàn, không thức, rời tâm cũng chẳng rời tâm, tâm đó bình đẳng không có mà cũng có, không đến đi, mà cũng đến đi, chẳng phá hoại, chẳng đoạn tuyệt, chẳng sanh diệt, không chủ mà cũng là chủ, chẳng phải hữu vô, chẳng phải giác quán, chẳng danh tự chẳng phải không danh tự, chẳng phải định chẳng phải không định, không thể thấy mà cũng thấy rành rành, không nơi chỗ cũng là nơi chỗ, không tối không sáng, không tịch tịnh mà cũng tịch tịnh, là vô sở hữu, chẳng nhận lấy chẳng ban cho, trong sạch không như, không tranh đua, dứt tranh đua, trụ nơi vô trụ, chẳng chấp lấy chẳng sa mắc, chẳng phải pháp chẳng phải phi pháp, chẳng phải phước điền chẳng phải không phước điền, vô tận bất tận, lìa tất cả tận, là rộng không rời rộng không, dầu chẳng thường trụ mà cũng thường trụ, chẳng phải niệm niệm diệt, không có cấu trược, không danh tự rời danh tự, chẳng phải tiếng chẳng phải nói, cũng chẳng phải tu tập, chẳng phải cân lường, chẳng phải nhứt dị, chẳng phải hình tượng, chẳng phải tướng mạo mà đủ tướng tốt trang nghiêm, chẳng phải đồng mãn,

chẳng phải sợ sệt, không tịch chẳng tịch, không nhiệt chẳng nhiệt, không thể xem thấy, không có tướng mạo.

Như Lai độ thoát tất cả chúng sanh vì không ai độ thoát cho. Như Lai có thể làm cho chúng sanh được hiểu biết được giác ngộ, vì không ai giác ngộ cho. Như Lai thuyết pháp đúng như thật vì không có hai, chẳng thể nghĩ lường vì không sánh bằng, bình đẳng như hư không chẳng có hình mạo, đồng tánh vô sanh chẳng đoạn chẳng thường, thường hành nhưt thừa chúng sanh thấy là ba, chẳng thôi chẳng chuyển, dứt tất cả kiết sử, chẳng gây chẳng chạm, chẳng phải tánh mà trụ nơi tánh, chẳng phải hiệp chẳng phải tan, chẳng phải dài chẳng phải vắn, chẳng phải tròn chẳng phải vuông, chẳng phải ngũ ấm lục nhập, thập bát giới mà là ấm, nhập, giới, chẳng phải thêm chẳng phải tổn, chẳng phải hơn chẳng phải thua. Thân của Như Lai thành tựu vô lượng công đức như vậy, không có ai biết không ai chẳng biết, không ai thấy không ai chẳng thấy, chẳng phải hữu vi chẳng phải vô vi, chẳng phải thời gian chẳng phải không thời gian, chẳng phải làm chẳng phải chẳng làm, chẳng phải nương chẳng phải không nương, chẳng phải tứ đại chẳng phải không tứ đại, chẳng phải hơn chẳng phải chẳng hơn, chẳng phải chúng sanh chẳng phải chẳng chúng sanh, chẳng phải Sa môn, chẳng phải Bà La Môn, là sư tử là đại sư tử,

chẳng phải thân chẳng phải chẳng thân, chẳng thể tuyên thuyết, trừ một pháp tướng không tính đếm được, lúc nhập Niết Bàn chẳng nhập Niết Bàn. Pháp thân của Như Lai thấy đều thành tựu vô lượng công đức vi diệu như vậy.

Này Ca Diếp ! Chỉ có Như Lai mới biết tướng ấy, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được. Những công đức như vậy thành thân của Như Lai, chẳng phải thân do tạp thực nuôi lớn.

Này Ca Diếp ! Chơn thân của Như Lai có công đức như vậy, đâu lại có các bệnh hoạn mỏng manh chẳng bền như đồ gốm chưa hầm kia ư ! Sở dĩ Như Lai thị hiện có sự khổ là vì muốn điều phục các chúng sanh.

Nay ông phải biết thân Như Lai là thân Kim Cang. Từ ngày nay ông phải chuyên tâm suy nghĩ nghĩa ấy, chớ nghĩ là thân tạp thực. Cũng nên vì người mà giảng nói thân Như Lai tức là Pháp thân".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Đức Như Lai thành tựu công đức như vậy, sao thân của Như Lai phải có bệnh khổ vô thường phá hoại ?

Từ ngày nay, con phải thường suy nghĩ thân của Như Lai là Pháp thân thường trụ, là thân an lạc. Con cũng sẽ nói rộng nghĩa ấy cho người khác cùng nghe biết.

Kính bạch Thế Tôn ! Pháp thân của Như Lai Kim Cang bất hoại, mà con chưa rõ nguyên do thế nào.

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Vì nhơn duyên hay hộ trì chánh pháp nên được thành tựu thân Kim Cang này.

Này Ca Diếp ! Do vì ngày trước Như Lai hộ pháp nên nay được thân Kim Cang thường trụ bất hoại này.

Này Ca Diếp ! Người hộ trì chánh pháp chẳng thọ năm giới, chẳng tu oai nghi. Phải cầm binh khí hộ trì Tỳ Kheo giữ giới thanh tịnh".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Nếu có Tỳ Kheo rời sự hộ trì, ở riêng nơi vắng vẻ, bên gò, dưới cây, thời nên gọi vị này là chơn Tỳ Kheo. Nếu có người theo giữ gìn, phải biết vị này là cư sĩ trọc".

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Ông chớ nói là Cư sĩ trọc. Nếu có Tỳ kheo tùy ở chỗ nào, nuôi thân vừa đủ, đọc tụng kinh điển, tư duy tọa thiền. Có ai đến thưa hỏi đạo pháp, thời giảng nói phước đức trì giới, bố thí, ít muốn biết đủ. Dầu hay thuyết pháp như vậy mà vẫn không thể tuyên thuyết pháp Đại thừa, không có đồ chúng Đại thừa, không hàng phục được kẻ ác phi pháp. Tỳ Kheo này không có thể đem lợi ích lại cho chính mình và chúng sanh. Phải biết Tỳ Kheo này lười nhác biếng trễ. Dầu hay giữ giới gìn hạnh thanh tịnh mà không làm được việc gì.

Nếu có Tỳ Kheo nuôi thân đầy đủ, giữ gìn cấm giới đã thọ, có thể giảng rộng giáo lý vi diệu Đại

thừa trong chín bộ kinh, để lợi ích an lạc các hạng chúng sanh. Xướng lên rằng : Trong kinh Niết bàn, đức Phật bảo các Tỳ Kheo chẳng được chứa nuôi tôi tớ trâu, bò dê lợn, những vật phi pháp. Nếu có Tỳ Kheo nào chứa nuôi những vật bất tịnh ấy thời phải răn trị. Đức Như Lai ở trong bộ kinh khác đã từng nói có Tỳ Kheo nuôi chứa những vật phi pháp ấy, bị quốc vương cứ pháp trừng trị bắt phải hườn tục.

Nếu có Tỳ Kheo lúc tuyên thuyết những lời như trên đây, những kẻ phá giới nghe được rất oán giận bèn hại vị pháp sư này. Dầu bị giết chết, nhưng vị Pháp sư này vẫn được gọi là bậc trì giới lợi mình lợi người. Vì do duyên này nên Như Lai cho phép vua, quan, cư sĩ hộ trì người thuyết pháp. Nếu ai muốn được hộ trì chánh pháp phải nên học như vậy.

Này Ca Diếp ! Người phá giới chẳng hộ trì chánh pháp, gọi là cư sĩ trọc. Chẳng phải người trì giới mang danh từ ấy.

Này Ca Diếp ! Về đời quá khứ đã vô lượng vô biên vô số kiếp, nơi thành Câu Thi Na này có Phật ra đời hiệu Hoan Hỷ Tăng Ích Như Lai đủ cả mười đức hiệu. Lúc ấy cõi nước rộng lớn tốt đẹp giàu vui, hơn dân đông đầy ấm no như chư Bồ Tát ở cõi An Lạc. Phật Hoan Hỷ Tăng Ích ở đời rất lâu, cơ duyên đã mãn, Ngài nhập Niết Bàn nơi rừng Ta La. Sau khi Phật Hoan Hỷ Tăng Ích nhập Niết Bàn, chánh pháp còn ở đời vô lượng ức năm, lúc còn

lại bốn mươi năm cuối cùng, bây giờ có một Tỳ Kheo trì giới hiệu là Giác Đức có đông đồ chúng. Tỳ Kheo Giác Đức hay tuyên thuyết chín bộ kinh. Cấm các Tỳ Kheo không được chứa nuôi tôi tớ, heo dê, những vật phi pháp. Bây giờ có các Tỳ Kheo phá giới oán ghét theo làm hại Giác Đức. Quốc Vương Hữu Đức nghe được việc ấy, vì hộ pháp nên nhà vua liền vội đến đấu chiến với bọn phá giới, nhờ đó mà pháp sư Giác Đức khỏi nạn. Nhà vua cả mình bị thương rất nặng. Pháp sư Giác Đức liền khen vua rằng : "Lành thay ! Lành thay ! Nay vua thiệt là người hộ pháp, đời sau, thân vua sẽ là vô lượng pháp khí". Vua nghe lời ấy lòng rất vui mừng, rồi liền chết sanh về cõi Phật A Súc làm vị đệ tử thứ nhất. Quân lính nhơn dân hoặc người theo vua chiến đấu, hoặc tùy hỉ đều được không thối chuyển tâm Bồ Đề, sau khi chết họ cũng được sanh về nước của Phật A Súc. Pháp sư Giác Đức khi mãn thọ cũng sanh về cõi ấy làm vị đệ tử thứ hai trong chúng Thanh Văn của Phật A Súc.

Này Ca Diếp ! Quốc Vương trước kia là tiền thân của Như Lai đây, Pháp sư Giác Đức là tiền thân của Phật Ca Diếp.

Nếu lúc chánh pháp sắp diệt phải nên hộ trì như vậy. Người hộ pháp được vô lượng quả báo, vì thế nên nay Như Lai được nhiều tướng tốt để tự trang nghiêm, thành tựu pháp thân không biến hoại".

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch Phật rằng : "Bạch Thế Tôn ! Thân chơn thường của Như Lai cũng như khắc chạm vào đá".

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Này Ca Diếp ! Vì nhơn duyên như vậy, nên Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di phải siêng năng hộ trì chánh pháp, hộ pháp được quả báo rộng lớn vô lượng.

Này Ca Diếp ! Vì những cố ấy nên hàng Ưu Bà Tắc v.v... phải cầm binh khí ủng hộ vị Tỳ Kheo trì pháp như Giác Đức kia. Nếu cứ thọ trì ngũ giới chẳng đặng gọi là người Đại thừa. Vì hộ trì chánh pháp mà chẳng thọ ngũ giới mới gọi là người Đại thừa. Người hộ trì chánh pháp nên phải cầm binh khí hầu người thuyết pháp".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Nếu chư Tỳ Kheo làm bạn với hàng Ưu Bà Tắc cầm binh khí như vậy, là có thầy hay không có thầy ? Là trì giới hay phá giới ?".

Phật nói : "Ông chớ nói những người ấy là phá giới.

Này Ca Diếp ! Sau khi ta nhập Niết Bàn, đời trước ác, cõi nước hoang loạn, đánh cướp lẫn nhau, nhơn dân đói khổ. Bấy giờ có người vì đói khổ nên phát tâm xuất gia, người như vậy gọi là người trợ. Hạng trợ ấy thấy Tỳ Kheo thanh tịnh giữ giới oai nghi đầy đủ hộ trì chánh pháp, bèn xua đuổi hoặc giết hại".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Nếu như vậy thì Tỳ Kheo trì giới hộ trì chánh pháp, làm thế nào đi vào tụ lạc thành ấp để giáo hóa ?"

Phật nói : "Vì vậy nên Như Lai cho phép Tỳ Kheo trì giới cùng làm bạn với hàng cư sĩ cầm khí giới. Trong trường hợp trên đây, các quốc vương, đại thần, trưởng giả, Ưu Bà Tắc v.v... vì hộ pháp mà cầm binh khí. Như Lai gọi họ là người trì giới. Dầu cầm binh khí, nhưng chẳng nên giết chết người, nếu được như vậy thì được gọi là người trì giới bực nhất.

Này Ca Diếp ! Người đủ chánh kiến có thể giảng rộng kinh điển Đại thừa, trọn chẳng nắm cầm tàn lọng của hàng vương giả, binh dầu, gạo thóc, các thứ dưa trái. Chẳng vì lợi dưỡng mà thân cận vua, quan, trưởng giả. Đối với các đàn việt tâm không đua vạy, đầy đủ oai nghi, phục trừ hạng ác phá giới, đây gọi là bực thầy trì giới hộ pháp. Người này có thể làm chơn Thiện tri thức cho chúng sanh. Tâm người này rộng lớn như biển cả.

Này Ca Diếp ! Nếu có Tỳ Kheo vì cầu lợi mà thuyết pháp cho người. Đồ chúng quyến thuộc của Tỳ Kheo này cũng bắt chước thầy mà cầu lợi. Tỳ Kheo này bèn là tự phá hoại Tăng chúng.

Này Ca Diếp ! Tăng chúng có ba hạng : Một là phạm giới tạp Tăng, hai là ngu si Tăng, ba là thanh tịnh Tăng. Hạng phá giới tạp Tăng thì dễ phá hoại.

Hạng Tăng thanh tịnh trì giới thời lợi danh không làm hư hoại được.

Thế nào là phá giới tạp Tăng ? Nếu thấy Tỳ Kheo đầu là giữ gìn giới cấm, mà vì cầu lợi nên cùng với người phá giới ở chung, ngồi chung, đi chung, sự nghiệp chung, đây gọi là phá giới cũng gọi là tạp Tăng.

Thế nào là ngu si Tăng ? Nếu có Tỳ Kheo ở nơi A Lan Nhã, tâm trí tối khờ đần độn, thiếu dục đi khát thực. Đến ngày thuyết giới, ngày tỵ tứ, bảo các đệ tử thanh tịnh sám hối. Thấy người không phải đệ tử phạm giới không có thể bảo thanh tịnh sám hối, mà bèn chung thuyết giới tỵ tứ. Đây gọi là hạng ngu si Tăng.

Thế nào là thanh tịnh Tăng ? Có Tỳ Kheo Tăng không bị trăm ngàn loài ma làm trở hoại. Đại chúng Bồ Tát này bốn tánh thanh tịnh, có thể điều phục hai bộ chúng trên làm cho đều an trụ trong chúng thanh tịnh. Đây gọi là bực đại sư Hộ pháp vô thượng.

Người khéo trì luật vì muốn điều phục lợi ích chúng sanh, rõ biết hành tướng hoặc khinh hoặc trọng của giới, không phải luật thời không chứng biết, còn phải là luật thời bèn chứng biết.

Thế nào là điều phục lợi ích chúng sanh ? Nếu là Bồ Tát vì giáo hóa chúng sanh mà thường vào xóm làng chẳng chọn thời tiết, hoặc đến nhà của góa

phụ, dâm nữ mà cùng ở chung nhiều năm. Đây gọi là điều phục lợi ích chúng sanh. Nếu là hàng Thanh Văn thời không nên làm như vậy.

Thế nào là giới trọng ? Nếu thấy đức Như Lai hơn sự chế giới, từ ngày nay ông phải cẩn thận chớ lại phạm, như bốn giới trọng người xuất gia không nên làm mà bèn cố ý làm là không phải thầy Sa Môn, không phải hàng Thích tử, đây gọi là trọng.

Thế nào là giới khinh ? Nếu phạm tội nhẹ, ba lần can gián, nếu hay bỏ được, đây gọi là khinh.

Chẳng phải luật không chứng biết, là khi có người khen nói những vật không thanh tịnh nên thọ dùng thời không ở chung với người ấy.

Phải là luật thời chứng biết, là khéo học giới luật, chẳng gần người phá giới, thấy ai thật hành thuận với giới luật thời lòng vui mừng, khéo hay giải thuyết thế nào là chỗ làm của Phật pháp, đây gọi là luật sư. Khéo hiểu nhứt tự, khéo gìn kế kinh cũng lại như vậy.

Này Ca Diếp ! Phật pháp vô lượng chẳng thể nghĩ bàn. Như Lai cũng vậy chẳng thể nghĩ bàn".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Đúng như lời đức Phật dạy, Phật pháp vô lượng chẳng thể nghĩ bàn. Như Lai cũng vậy chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế nên biết Như Lai thường trụ chẳng

biến đổi chẳng hư hoại. Nay con khéo học và cũng sẽ giảng rộng cho người về nghĩa ấy".

Phật khen Ca Diếp Bồ Tát : "Lành thay ! Lành thay ! Thân Như Lai là thân Kim Cang bất hoại. Bồ Tát phải khéo học như vậy, thấy chơn chánh biết chơn chánh như vậy. Nếu có thể thấy biết rành rẽ như vậy, thời là thấy thân Kim Cang không hư hoại của Phật, như thấy hình sắc trong gương sáng".



VI

PHẨM DANH TỰ CÔNG ĐỨC

Thứ sáu

Bấy giờ đức Như Lai lại bảo Ca Diếp Bồ Tát :
"Này Ca Diếp ! Nay ông nên khéo thọ trì danh tự
chương cú cùng công đức của kinh này. Nếu có ai
được nghe tên kinh này, thời không còn phải sanh
vào bốn đường ác. Vì kinh này là chỗ tu tập của vô
lượng vô biên chư Phật. Nay Như Lai sẽ nói về chỗ
được công đức.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Kinh
này tên gì ? Đại Bồ Tát phụng trì thế nào ?".

Phật dạy : "Kinh này tên là Đại Bát Niết Bàn. Tất
cả lời hoặc thượng, hoặc trung, hoặc hạ đều lành cả.
Nghĩa vị thâm thúy, vẫn trong kinh cũng lành, tinh
thuần đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh, Bửu tạng Kim
cang đầy đủ không thiếu. Nay ông khéo nghe, Như
Lai sẽ nói.

Này Ca Diếp ! Nói là Đại đó gọi là Thường, như tám sông lớn đều chảy về biển cả. Kinh này hàng phục các kiết sử phiền não và các tánh ma, rồi cần phải ở nơi Đại Bát Niết Bàn mà buông bỏ thân mạng. Vì thế nên tên là Đại Bát Niết Bàn.

Lại như Y Sư có một bí phương, nhiếp cả các phương thuốc khác. Cũng vậy, bao nhiêu môn diệu pháp thâm áo bí mật đều vào nơi "Đại Bát Niết Bàn".

Vì thế nên gọi là "Đại Bát Niết Bàn".

Ví như nông phu, tháng mùa xuân gieo giống thường có hy vọng, lúc đã gặt hái xong thời không hy vọng nữa.

Cũng vậy, tất cả chúng sanh tu học các thứ kinh khác thường hy vọng mùi vị, nếu được nghe kinh Đại Bát Niết Bàn này, thời sự hy vọng mùi vị nơi các kinh kia thảy đều dứt hẳn.

Đại Niết Bàn đây có thể làm cho chúng sanh qua khỏi các dòng hữu lậu trong ba cõi.

Này Ca Diếp ! Như trong các dấu chân, dấu chân voi là hơn cả. Cũng vậy, kinh này là đệ nhất nơi các kinh Tam muội.

Như cày ruộng, mùa thu cày là hơn cả, cũng vậy, trong các kinh, kinh này là hơn cả.

Như trong các vị thuốc, vị đề hồ là thứ nhứt hay trị bệnh nhiệt não loạn tâm của chúng sanh, cũng vậy, kinh Đại Bát Niết Bàn là thứ nhứt.

Như bơ ngọt đủ cả tám mùi. Cũng vậy, kinh này đầy đủ tám vị. Những gì là tám ? Một là "thường", hai là "hằng", ba là "an", bốn là "thanh lương", năm là "chẳng già", sáu là "chẳng chết", bảy là "không nhớ", tám là "khoái lạc". Vì đầy đủ tám vị nên gọi là "Đại Bát Niết Bàn".

Nếu các đại Bồ Tát an trụ trong đây thời lại có thể thị hiện Niết Bàn ở nhiều nơi. Vì thế nên gọi là "Đại Bát Niết Bàn".

Này Ca Diếp ! Nếu người nào muốn ở nơi Đại Bát Niết Bàn đây mà Niết Bàn thời phải học như vậy : Như Lai thường trụ, Pháp và Tăng cũng thường trụ".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Công đức của Như Lai chẳng thể nghĩ bàn. Pháp và Tăng cũng không thể nghĩ bàn. Đại Niết Bàn đây cũng không thể nghĩ bàn.

Nếu có người tu học kinh điển này thời đặng pháp môn chơn chánh, có thể làm lương y. Nếu là chưa học, nên biết người này đui mù không còn mắt trí huệ, bị vô minh che đậy".



VII

PHẨM TỬ TƯỚNG

Thứ bảy

(*) Đức Phật lại bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Vị Đại Bồ Tát phân biệt khai thị Đại Bát Niết Bàn có bốn tướng nghĩa : một là tự chánh, hai là chánh tha, ba là hay tùy vấn đáp, bốn là khéo hiểu nghĩa nhưn duyên.

Thế nào là "Tự Chánh" ? Nếu đức Như Lai thấy các nhưn duyên mà có chỗ đáng dạy bảo. Như có Tỳ Kheo thấy cụm lửa lớn bèn nói rằng : Thà rằng tôi tự ôm lấy cụm lửa này, trọn chẳng dám ở nơi chỗ đức Như Lai giảng thuyết mười hai phần kinh và tạng bí mật, mà hủy báng là của ma Ba Tuần nói chớ không phải Phật. Thà lấy dao bén cắt đứt lưỡi mình, không bao giờ nói Như Lai, Pháp và Tăng là vô thường. Hoặc nghe người khác nói như vậy tôi cũng không tin nhận mà còn thương xót cho kẻ ấy.

(*) Hán bộ quyển thứ 4

Như Lai, Pháp và Tăng chẳng thể nghĩ bàn, nên thọ trì như vậy. Tự xem thân mình như cùm lửa. Đây gọi là Tự Chánh".

Thế nào là "Chánh Tha" ? Lúc nọ Phật đang thuyết pháp, có một người nữ vào lễ Phật rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn biết mà cố ý hỏi rằng : Có phải nàng vì quá thương con, mà mớm cho con ăn nhiều chất bơ, rồi không biết có tiêu hóa hay không tiêu hóa ? - Người nữ liền bạch Phật : "Lạ lùng thay ! Đức Thế Tôn biết được tâm niệm của con. Bạch Thế Tôn ! Sớm mai này tiện nữ cho con ăn nhiều chất bơ, lòng tiện nữ sợ rằng không tiêu hóa được, nó sẽ phải bịnh. Ngưỡng mong đức Như Lai chỉ dạy cho." - Phật dạy : "Con nàng ăn thức ăn ấy đã tiêu hóa tốt, nó sẽ được khỏe mạnh". Người nữ nghe đức Phật nói, thời vui mừng hơn hờ và thốt lời rằng : "Vì đức Như Lai nói đúng như thiệt nên con vui mừng".

Đức Thế Tôn vì muốn điều phục các chúng sanh, mà khéo phân biệt nói tiêu hay chẳng tiêu, cũng nói các pháp vô ngã, vô thường. Nếu Phật nói "thường" trước, các đệ tử sẽ cho rằng pháp này đồng với ngoại đạo mà không chịu tin theo, vì hàng Thanh Văn đệ tử chẳng tiêu được pháp thường trụ, nên Như Lai trước dạy pháp "khổ", "vô thường". Khi mà hàng Thanh Văn đệ tử đã đầy đủ công đức, đủ sức tu tập kinh pháp Đại thừa, Như Lai ở kinh này nói sáu

vị : Một là "khổ", vị chua; hai là "vô thường", vị mặn; ba là "vô ngã", vị đắng; bốn là "lạc", vị ngọt; năm là "ngã", vị cay; sáu là "thường", vị lạt.

Trong thế gian kia có ba vị : Vô thường, vô ngã, và khổ, phiền não làm củi, trí huệ làm lửa, do các ngọn duyên đó mà thành cơm Niết Bàn tức là "thường, lạc và ngã", làm cho các đệ tử đều được nếm mùi ngọt ngon.

Phật lại bảo người nữ rằng : "Nếu nàng có sự duyên muốn đến xứ khác, thời phải đuổi đứa con trai hung ác ra khỏi nhà, rồi đem gia nghiệp giao cho đứa con trai hiền lành". Người nữ bạch Phật rằng : "Thiệt đúng như lời đức Thế Tôn dạy, gia nghiệp nên giao cho đứa con hiền, chớ chẳng nên giao cho đứa con dữ." Phật nói : "N hư Lai cũng vậy, lúc nhập Niết bàn, đem tặng pháp Vô thượng phó chúc cho các vị Bồ Tát, chớ không giao cho hàng Thanh Văn, vì hàng Thanh Văn tướng là Như Lai thiệt diệt độ. Còn các vị Bồ Tát thời nhận rằng Như Lai thường trụ không biến đổi. Mà quả thiệt Như Lai không có diệt độ. Như lúc nàng xa nhà chưa trở về, đứa con ác kia bèn nói là nàng đã chết mất rồi, còn đứa con hiền vẫn tin tưởng là nàng còn sống. Mà chính thiệt thời nàng còn sống.

Nếu có chúng sanh nào nhận rằng Phật là thường trụ không biến đổi, phải biết nhà kẻ ấy thời là có Phật.

Đây gọi là Chánh tha.

Thế nào là Hay tùy vấn đáp ? Nếu có người đến hỏi Phật rằng : Tôi phải làm thế nào không mất tiền của mà được gọi là Đản việt đại bố thí ? Phật dạy : "Đem tôi trai tở gái bố thí cho những bực Sa Môn, Bà La Môn, thiếu dục tri túc, chẳng nhận chẳng chứa các vật bất tịnh. Đem người nữ thí cho vị tu phạm hạnh. Đem rượu thịt thí cho người đã dứt rượu thịt. Đem thực phẩm phi thời thí cho người không ăn phi thời. Đem đồ trang sức thí cho người không trang sức. Bố thí như vậy rất có danh tiếng, mà của tiền khỏi mất hào ly".

Đây gọi là Hay tùy vấn đáp.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Với người ăn thịt chẳng nên đem thịt đến cho. Vì con thấy người không ăn thịt được công đức lớn".

Phật khen : "Lành thay ! Lành thay ! Nay ông có thể khéo biết ý của Như Lai. Bồ Tát hộ pháp phải như vậy.

Này Ca Diếp ! Bắt đầu từ ngày nay trở đi, Như Lai không cho phép hàng Thanh Văn đệ tử ăn thịt, nếu đản việt đem đến dưng thí, phải xem thịt ấy như thịt con mình".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Tại sao đức Như Lai không cho phép ăn thịt ?".

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Luận về người ăn thịt thời dứt mất giống đại từ".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Duyên có gì ngày trước đức Như Lai cho phép hàng Tỳ Kheo ăn ba thứ tịnh nhục ?". Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Ba thứ tịnh nhục ấy chỉ là theo việc mà tạm chế thôi".

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch : "Bạch Thế tôn ! Duyên có gì mà mười thứ bất tịnh nhĩ đến chín thứ thanh tịnh, Như Lai lại chẳng cho phép ?".

Phật nói : "Cũng là nhơn nơi sự mà lần lượt chế. Nên biết chính là nghĩa đoạn nhục hiện nay".

Ca Diếp Bồ Tát bạch : "Cớ sao Như Lai khen ngợi ngư nhục là món ăn ngon ?".

Phật dạy : "Như Lai cũng chẳng nói loài ngư nhục là món ăn ngon, mà Như Lai vẫn nói mía, đường, gạo, tất cả thứ lúa, bắp, sữa, bơ, dầu, là những thức ăn ngon.

Dẫu rằng Như Lai nói được chứa các thứ y phục, mà đều phải hoại sắc, huống lại tham ưa nơi vị ngư nhục kia".

Ca Diếp lại bạch Phật : "Đức Như Lai nếu chế không được ăn ngư nhục, thời những thứ sữa, bơ, dầu, v.v... và các thứ y phục kiểu xa gia, đồ bằng da thú, ngọc ngà, bồn chậu bằng vàng bạc, cũng đều chẳng nên dùng".

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Chẳng nên có kiến chấp đồng với bọn lũa thể ngoại đạo kia. Bao nhiêu cấm giới của Như Lai chế ra đều có dị ý. Vì dị ý nên cho ăn ba thứ tịnh nhục. Vì dị ý nên cấm ăn mười thứ thịt. Vì dị ý nên cấm tất cả thứ thịt đều không được ăn, dầu là thịt của con vật tự chết.

Này Ca Diếp ! Từ nay Như Lai cấm các đệ tử không được ăn tất cả thứ thịt.

Này Ca Diếp ! Người mà ăn thịt, hoặc đi đứng nằm ngồi, chúng sanh nào nghe đến hơi thịt thời kinh sợ. Ví như người ở gần sư tử, đi đến đâu, mọi người nghe mùi hôi của sư tử thời đều kinh sợ. Như người ăn tỏi, không ai dám gần người ấy vì tanh mùi tỏi. Kẻ ăn thịt cũng vậy, tất cả chúng sanh nghe hơi thịt, thấy đều kinh sợ, nghĩ đến sự chết, các loài cá trạnh, muông thú, cùng chim chóc, đều chạy tránh xa, đều có quan niệm rằng người ấy là kẻ hại ta. Vì thế nên Bồ Tát không ăn thịt, vì độ chúng sanh mà thị hiện ăn thịt. Dầu thị hiện ăn thịt mà thật ra thời không có ăn.

Này Ca Diếp ! Hàng Bồ Tát này còn không ăn những thức ăn thanh tịnh, huống lại ăn thịt.

Sau khi Như Lai nhập Niết Bàn, các bậc tứ quả Thánh nhơn đều lần lượt nhập Niết Bàn. Sau khi chánh pháp diệt, trong thời tượng pháp, sẽ có các Tỳ Kheo in tuồng trì luật, ít đọc tụng kinh, tham ưa ăn uống, lo bồi

bổ thân thể, y phục mặc trên thân thô xấu hôi dơ, hình dung tiêu tụy không có oai đức, chăn nuôi bò dê, vác củi gánh cỏ, tóc râu để dài, dầu mặc cà sa mà như thợ săn, dầu ngó xuống đi chậm rãi mà như mèo rình chuột. Thường tự xưng rằng ta chứng được quả A La Hán, mang nhiều bệnh khổ nằm lẫn trên phần uế, ngoài thời hiện ra tướng hiền thiện, trong thời đầy lòng tham sân như Bà La Môn, thọ phép cam, thiết chẳng phải Sa Môn mà hiện tướng Sa Môn, tà kiến xí thành, chê bai chánh pháp. Những người như vậy phá hoại giới luật chánh hạnh oai nghi của Như Lai chế và quả giải thoát của Như Lai nói.

Họ rời pháp thanh tịnh và làm hư hoại giáo pháp thậm thâm bí mật. Họ theo ý riêng, nói ngược với kinh luật rằng đức Phật cho phép chúng tôi ăn thịt. Họ đều tự xưng là Sa Môn Thích tử.

Này Ca Diếp ! Bây giờ lại có các hàng Sa Môn chứa thóc, nhận lấy thịt cá, tay tự nấu ăn, cầm xách bình dầu ăn, cùng giày dép bằng da và lọng báu, thân cận quốc vương, quan lớn, nhà giàu sang, xem tướng, coi sao, siêng học nghề thuốc, chứa nuôi tôi tớ, vàng bạc bảy báu, các thứ dưa trái, học tập các nghề : nghề vẽ, nghề nắn, làm sách dạy học, gieo trồng, chú thuật, chế thuốc, đờn ca xướng hát, hương hoa trang điểm, cờ bạc, học các nghề thợ.

Nếu có Tỳ Kheo nào hay tránh lìa các việc ác như trên, nên nói người ấy thật là đệ tử của Như Lai.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, như người khác giúp mà sống. Lúc khát thực, nếu dâng món ăn lộn với thịt, phải làm cách nào để ăn đúng với pháp thanh tịnh ?".

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Nên lấy nước rửa sạch thịt rồi hãy ăn. Nếu đồ đựng bị thịt làm dơ, chỉ làm cho không có vị thịt thôi cho phép được dùng không tội. Nếu thấy trong thức ăn có nhiều thịt thôi không được nhận. Tất cả thứ thịt đều không được ăn. Người ăn thịt thôi phải tội.

Nay Như Lai xướng điều chế đoạn nhục như vậy, nếu giảng rộng thôi không thể hết. Giờ Niết Bàn gần đến nên phải nói lược.

Đây gọi là "Hay tùy vấn đáp".

Này Ca Diếp ! Thế nào là Khéo hiểu nghĩa như duyên ?

Như có bốn bộ chúng đến hỏi Như Lai rằng : Những nghĩa như vậy, thưở đức Như Lai mới ra đời, có sao chẳng vì vua Ba Tư Nặc nói pháp môn nghĩa lý thâm diệu, hoặc có lúc nói thâm, có lúc nói thiểu, hoặc gọi là phạm, hoặc gọi là không phạm, thế nào gọi là Đọa ? Thế nào gọi là Luật ? Thế nào là Ba la đề mộc xoa ?.

Phật dạy : "Ba la đề mộc xoa gọi là tri túc, thành tựu oai nghi, không cất chứa, cũng gọi là tịnh mạng.

Đọa đó gọi là bốn ác thú, và lại đọa đó là đọa nơi địa ngục, nhẫn đến A tỳ, luận về chậm mau thời hơn nơi mưa to. Người nghe sợ hãi bèn giữ chặt cấm giới không phạm oai nghi, tu tập tri túc, chẳng thọ lấy tất cả vật bất tịnh. Và lại đọa là thêm lớn địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Vì những nghĩa ấy nên gọi là đọa.

Ba la đề mộc xoa là lia nghiệp tà bất thiện của thân, khẩu, và ý.

Luật là các giới, oai nghi, nghĩa hay trong các kinh thâm diệu, ngăn thọ tất cả vật bất tịnh, và hơn duyên bất tịnh, cũng ngăn bốn trọng tội, mười ba tội Tăng tàng, hai tội bất định, ba mươi tội xả đọa, chín mươi tội đơn đọa, bốn pháp hồi quá, các pháp học, bảy pháp diệt tránh.

Hoặc có người phá tất cả giới, nghĩa là bốn pháp trọng nhẫn đến bảy pháp diệt tránh. Hoặc có người chê bai chánh pháp, những kinh điển thâm thâm, và hạng hoàn toàn nhứt xiển đề. Những người trên đây tự nói mình thông minh nhiều trí, che giấu tất cả những tội nặng tội nhẹ, che giấu điều xấu ác, như rùa giấu cả sáu chi. Vì che giấu mãi không chịu sám hối nên tội lỗi càng lớn thêm lần. Như Lai biết như vậy nên lần lượt mà chế giới, chẳng đồng thời chế cả thảy được.

Bây giờ có người đến hỏi : "Bạch Thế Tôn ! Đức Như Lai từ lâu đã biết trước những sự ấy, sao

không chế trước, phải chăng Đức Thế Tôn muốn để chúng sanh mắc tội đọa địa ngục ư ? Ví như có nhóm người muốn đến xứ khác, quên đường, đi lạc, mà vẫn không tự biết là lạc đường, lại không gặp ai để hỏi là phải hay không phải. Cũng vậy, chúng sanh mê tối nơi Phật pháp chẳng thấy con đường chánh chơn. Đáng lẽ đức Như Lai nên trước dạy đạo chơn chánh. Bào các Tỳ Kheo này là phạm giới, này là trì giới, phải chế giới như vậy. Vì đức Như Lai là bậc Chánh Giác chơn thiết thấy rõ đạo chơn chánh. Chỉ có đức Như Lai là đáng Trời trong các trời, hay nói pháp thập thiện công đức tăng thượng và nghĩa vị của pháp ấy. Thế nên khái thỉnh đức Thế Tôn chế giới trước.

Phật nói : "Này Thiện nam tử, nếu ông đã nói rằng đức Như Lai hay vì chúng sanh mà dạy pháp thập thiện công đức tăng thượng, thế thời Như Lai xem các chúng sanh như La Hầu La, sao ông lại nạn rằng phải chăng Như Lai muốn chúng sanh phải đọa địa ngục ! Như Lai thấy một người có nhơn duyên đọa A tỳ địa ngục, còn vì người ấy mà trụ một kiếp, hoặc không đầy một kiếp. Như Lai có lòng đại từ bi đối với chúng sanh, đâu có cứ gì lại phỉnh gạt kẻ mà Như Lai đã xem như con ruột, làm cho nó bị sa vào địa ngục !

Này Thiện nam tử ! Như người vá áo, thấy áo có lỗ rách vậy sau mới vá. Cũng vậy, thấy chúng

sanh có nhờn duyên sa vào A Tỳ địa ngục, Như Lai bèn dùng giới lành mà vá đó.

Ví như vua Chuyển Luân trước dạy nhờn dân mười nghiệp lành, về sau có người làm ác, vua bèn theo mỗi sự mà dứt ác lần lần, khi sự ác đã dứt rồi, pháp luật của nhà vua tự hành trong dân chúng. Cũng vậy, Như Lai dầu có thuyết pháp mà không được chế luật trước, phải do nơi Tỳ Kheo làm phi pháp, mới theo sự mà chế lần lần. Những người thích chánh pháp, tu hành theo lời dạy của Như Lai, hạng người này mới có thể thấy pháp thân của Như Lai.

Như luân bửu của vua Chuyển Luân không thể nghĩ bàn. Như Lai, Pháp và Tăng cũng chẳng thể nghĩ bàn. Người hay thuyết pháp và người nghe pháp cũng đều chẳng thể nghĩ bàn.

Đây gọi là Khéo hiểu nghĩa nhờn duyên.

Bồ Tát phân biệt khai thị nghĩa của bốn điều như vậy, đây là nghĩa nhờn duyên trong Đại thừa Đại Niết Bàn.

Lại còn có nghĩa thế này : "Tự Chánh" là được Đại Bát Niết Bàn đây.

"Chánh Tha" là Như Lai vì Tỳ Kheo mà nói rằng Như Lai thường còn không biến đổi.

"Tùy vấn đáp" là, này Ca Diếp ! Nhon ông hỏi mà Như Lai mới được dịp vì đại chúng giảng nói nghĩa lý thậm thâm vi diệu trên đây.

"Nghĩa nhơn duyên" là hàng Thanh Văn, Duyên Giác không hiểu được nghĩa rất sâu như vậy, chẳng nghe chữ y (. ° .) do ba điểm mà thành, giải thoát cùng Niết Bàn và Ma ha Bát nhã thành tạng bí mật.

Nay Như Lai ở nơi đại hội đây xiển dương phân biệt, khai phát huệ nhãn cho hàng Thanh Văn. Giả sử có người nói rằng bốn sự như vậy là một, thế nào chẳng phải hư vọng ư ? Thời nên gạn trở lại rằng hư không đây, không chỗ có, không ngại, không động, bốn sự như vậy có gì là khác. Đâu gọi là hư vọng được !".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Các câu như vậy chính là một nghĩa, đó là nghĩa không.

Tự chánh, chánh tha, hay tùy vấn đáp và hiểu nghĩa nhơn duyên, cũng lại như vậy, đồng là Đại Niết Bàn cả".

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Nếu có người nói thế này : Như Lai vô thường. Biết là vô thường, vì như lời Phật dạy diệt các phiền não gọi là Niết Bàn, cũng như lửa tắt thời không chỗ có, dứt các phiền não gọi là Niết Bàn cũng lại như vậy, thế sao Như Lai là pháp thường trụ không biến đổi ư ? Lại như Phật dạy, rời các cõi hữu lậu, bèn gọi là Niết Bàn, trong Niết Bàn đây không có các cõi hữu lậu, thế sao Như Lai là pháp thường trụ không biến đổi ư ? Như cái áo hư rách hết, chẳng còn gọi là món vật. Cũng vậy,

Niết Bàn dứt các phiền não chẳng gọi là vật gì. Thế sao Như Lai là pháp thường trụ không biến đổi ư ? Đức Phật cũng dạy : Ly dục tịch diệt gọi là Niết Bàn, như người bị chém đứt đầu thời không còn có đầu, cũng vậy, ly dục tịch diệt rỗng trống không chỗ có nên gọi là Niết Bàn. Thế sao Như Lai là pháp thường trụ không biến đổi ư ? Phật từng dạy rằng :

Như sắt nung đỏ,
 Đập văng mặt lửa,
 Văng ra liền tắt,
 Chẳng biết ở đâu !
 Được chánh giải thoát,
 Cũng lại như vậy.
 Đã lìa dâm dục,
 Các cõi hữu lậu.
 Được quả vô động,
 Không rõ đến đâu !

Thế sao Như Lai là pháp thường trụ không biến đổi ?

Này Ca Diếp ! Nếu ai hỏi gạn như vậy, gọi là lời gạn tà. Ông cũng chẳng nên suy nghĩ rằng tánh Như Lai là diệt tận.

Này Ca Diếp ! Dứt hết phiền não không còn gọi là vật, vì đã trọn rốt ráo hẳn, thế nên gọi là "Thường". Câu này tịch tịnh không có gì hơn. Dứt hết các

tướng không có thừa sót. Câu đây trắng sạch thường trụ không thôi chuyển. Thế nên Niết Bàn gọi là thường trụ. Như Lai thường trụ không biến đổi cũng lại như vậy.

Mặt lửa để dụ phiền não, vắng ra liền tắt không biết ở đâu, để chỉ Như Lai đã dứt phiền não, chẳng ở trong năm loài. Thế nên Như Lai là pháp thường trụ không có biến đổi.

Này Ca Diếp ! Chánh pháp là chỗ tôn thờ của chư Phật, nên Như Lai cung kính cúng dường. Vì pháp là thường trụ nên chư Phật cũng thường trụ".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Nếu lửa phiền não tắt, Như Lai cũng tắt, thế thời Như Lai không có chỗ thường trụ, như mặt sắt kia, mất ánh lửa đỏ rồi chẳng biết vắng đến đâu. Như Lai phiền não cũng vậy, diệt rồi thời vô thường. Lại như trên thanh sắt kia, hơi nóng và màu đỏ tắt rồi thời không còn có, Như Lai cũng vậy diệt rồi thời vô thường. Diệt lửa phiền não bèn nhập Niết Bàn, nên biết Như Lai tức là vô thường".

Phật nói : "Này Ca Diếp ! Thanh sắt là nói các phàm phu. Người phàm dầu diệt phiền não, diệt rồi sanh lại, nên gọi là vô thường. Như Lai chẳng phải như vậy, diệt rồi không còn sanh lại nên gọi là thường".

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch : "Như nơi thanh sắt, màu lửa đỏ đã tắt, đem thanh sắt để lại trong lửa

thời màu đỏ sẽ sanh lại. Nếu như vậy, Như Lai lẽ ra sanh phiến não lại, nếu phiến não sanh trở lại bèn là vô thường".

Phật nói : "Này Ca Diếp ! Ông không nên nói Như Lai vô thường, vì Như Lai là thường trụ.

Như đốt gỗ, khi gỗ hết lửa tắt thời còn tro, phiến não diệt rồi bèn có Niết Bàn. Các điều dụ như áo hư, chém đầu, lọ vỡ cũng như vậy.

Này Ca Diếp ! Như sắt nguội có thể làm nóng lại. Như Lai không phải như vậy, dứt phiến não rồi rốt ráo thanh lương, lửa phiến não chẳng còn sanh trở lại.

Vô lượng chúng sanh như thanh sắt kia, Như Lai dùng lửa mạnh trí huệ đốt sắt kiết sử phiến não của chúng sanh".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Lành thay ! Lành thay ! Con nay thiết biết rõ chư Phật là thường trụ".

Phật nói : "Này Ca Diếp ! Ví như Thánh vương vốn ở trong cung, hoặc có lúc dạo chơi nơi vườn; dầu lúc ấy vua không có ở giữa đám cung phi, cũng chẳng được nói là vua đã chết. Cũng vậy, Như Lai dầu nhập vào trong Niết Bàn, không hiện nơi cõi Diêm Phù, chẳng gọi là vô thường. Như Lai ra khỏi vô lượng phiến não vào nơi Niết Bàn an vui, dạo chơi vui vẻ nơi các vườn hoa Chánh giác".

Ca Diếp Bồ Tát lại hỏi : "Nhu đức Phật đã dạy : Từ lâu Như Lai đã vượt khỏi biển phiền não. Duyên có gì lại cùng Da Du Đà La sanh La Hầu La ? Do có đây mà biết rằng Như Lai chưa vượt khỏi biển cả phiền não. Cúi xin Như Lai nói về nhưn duyên đó".

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Ông chẳng nên nói Như Lai từ lâu đã vượt khỏi biển cả phiền não, duyên có gì lại cùng Da Du Đà La sanh La Hầu La, vì có đây nên biết Như Lai chưa vượt khỏi biển cả phiền não.

Này Ca Diếp ! Đại Niết Bàn đây hay kiến lập sự nghĩa to lớn. Nay các ông nên chí tâm lắng nghe, rồi rộng vì người mà giảng thuyết, chớ sanh lòng nghi ngờ.

Nếu có vị đại Bồ Tát trụ Đại Niết Bàn, có thể đem núi Tu Di cao rộng để vào trong vỏ hột đĩnh lịch. Các loài ở tại núi Tu Di không bị chật hẹp, vẫn y như thường, cũng không có quan niệm gì khác, chỉ có người đáng được độ mới thấy vị Bồ Tát ấy đem núi Tu Di để vào vỏ hột đĩnh lịch, rồi đem để lại chỗ cũ.

Này Ca Diếp ! Lại có vị đại Bồ Tát trụ Đại Niết Bàn, có thể đem cả cõi Đại Thiên để vào vỏ hột đĩnh lịch, chỉ có người đáng được độ là thấy việc làm này, ngoài ra tất cả chúng sanh đều không hay

biết cũng không thấy chật hẹp, vẫn y như cũ. Cho đến đem cỡi Đại Thiên để vào lỗ chân lông cũng như vậy.

Lại có vị đại Bồ Tát trụ Đại Niết bàn, ngắt lấy nhiều thế giới ở mười phương để nơi đầu mũi kim, như ghim lá táo, rồi ném để nơi thế giới khác. Những chúng sanh trong các thế giới bị ném đó không hay không biết, chỉ có người đáng được độ là thấy việc làm này, và cũng thấy Bồ Tát đem các thế giới đã ném để lại chỗ cũ.

Lại có vị đại Bồ Tát trụ Đại Niết Bàn, bứt lấy các thế giới ở mười phương để trên bàn tay mặt, rồi ném vụt qua khỏi vô lượng thế giới khác. Cũng có vị đại Bồ Tát trụ Đại Niết Bàn đem vô lượng thế giới ở mười phương để vào trong thân mình, hoặc để vào trong một vi trần, vẫn không chật hẹp. Chúng sanh trong các cõi ấy không bị bức ngộp, cũng chẳng hay chẳng biết, chỉ có người đáng được độ mới thấy biết việc làm này, và cũng thấy Bồ Tát đem những thế giới để lại chỗ cũ.

Này Ca Diếp ! Vị đại Bồ Tát trụ Đại Niết Bàn thời có thể thị hiện vô lượng thân thông biến hóa, vì thế nên gọi là Đại Bát Niết Bàn.

Tất cả chúng sanh không có thể suy lường đến được. Nay ông làm thế nào biết Như Lai gần nơi ái dục sanh La Hầu La ?

Này Ca Diếp ! Như Lai từ lâu đã trụ nơi Đại Niết Bàn, thị hiện vô lượng thân thông biến hóa, ở trong cõi Đại Thiên trăm ức mặt trời mặt trăng, trăm ức Diêm Phù Đề này, thị hiện vô lượng thân thông biến hóa, như trong kinh Thủ Lăng Nghiêm đã có nói nhiều. Hoặc ở Diêm Phù Đề thị hiện nhập Niết Bàn, mà chẳng rớt ráo nhập Niết Bàn. Hoặc ở Diêm Phù Đề thị hiện vào thai mẹ; làm cho cha mẹ tưởng là con trai của mình sanh đẻ, mà thân của Như Lai đây trọn hẳn chẳng từ nơi ái dục hòa hiệp mà sanh. Như Lai đã lìa ái dục từ nơi vô lượng kiếp rồi. Thân của Như Lai đây chính là Pháp thân, vì tùy thuận thế gian mà thị hiện vào thai mẹ.

Này Ca Diếp ! Nơi vườn Lâm Tỳ Ni, thị hiện từ nơi mẹ là Ma Gia sanh ra, vừa sanh liền đi qua hướng Đông bảy bước xướng lên rằng : Ở trong hàng Trời, Người, A Tu La, Ta là bậc tôn thượng hơn cả.

Cha mẹ và trời người thấy thế vừa sợ vừa mừng cho rằng hi hữu. Mà mọi người nói là đứa trẻ nhỏ. Nhưng chính thiết thời thân của Như Lai đã lìa cách trên đây từ vô lượng kiếp. Thân của Như Lai tức là Pháp thân, chẳng phải thân thịt, máu mạch, gân xương, tủy hiệp thành. Vì tùy thuận cách sanh của chúng sanh mà thị hiện làm đứa trẻ. Đi qua hướng Nam bảy bước là thị hiện muốn làm phước điền vô thượng cho chúng sanh. Đi qua hướng Tây bảy bước là thị hiện thân này là thân cuối cùng không còn sanh tử

nữa. Đi qua hướng Bắc bảy bước là thị hiện đã qua khỏi sự sanh tử của các cõi. Đi qua hướng Đông bảy bước là thị hiện làm Đạo sư cho chúng sanh. Đi qua bốn hướng cạnh bảy bước là thị hiện dứt diệt các thứ phiền não và bốn loài ma, mà thành đấng Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri. Đi lên bảy bước là thị hiện không bị vật dơ làm ô nhiễm, như hư không. Đi xuống bảy bước, là thị hiện rưới mưa pháp dập tắt lửa địa ngục, cho chúng sanh hưởng vui an ổn.

Nơi Diêm Phù Đề, sau khi sanh bảy ngày lại thị hiện cạo tóc, mọi người đều cho rằng Như Lai là đứa trẻ mới cạo tóc lần đầu. Kỳ thiệt, tất cả trời, người, ma vương, Sa môn, Bà la môn, không một ai có thể thấy được đánh tướng của Như Lai, huống là có người cầm dao đến cạo tóc được. Trong vô lượng kiếp lâu xa về trước, Như Lai đã cạo bỏ râu tóc rồi. Vì muốn tùy thuận theo pháp thế gian, nên Như Lai thị hiện cạo tóc.

Cha mẹ đem ta đến miếu thờ trời, ra mắt Đại Tự Tại Thiên. Lúc Đại Tự Tại Thiên thấy Như Lai, liền chấp tay cung kính đứng qua một bên. Từ lâu xa vô lượng kiếp, Như Lai đã bỏ lìa cách vào miếu trời, nhưng vì tùy thuận thế gian mà thị hiện việc như vậy.

Ở Diêm Phù Đề, Như Lai thị hiện xỏ lỗ tai, kỳ thiệt, tất cả chúng sanh không ai có thể xỏ lỗ tai

Như Lai được, vì tùy thuận thế gian mà thị hiện như vậy.

Lại lấy các châu báu làm bông tai sư tử để đeo vào, kỳ thiết từ vô lượng kiếp, Như Lai đã bỏ lìa đồ trang điểm, nhưng vì muốn tùy thuận thế gian mà thị hiện việc như vậy.

Rồi vào học đường học tập chữ nghĩa, võ nghệ, nghề nghiệp v.v... kỳ thiết từ vô lượng kiếp Như Lai đã hoàn toàn rành rẽ tất cả những môn ấy. Xem khắp cả ba cõi, không một ai có khả năng làm thầy của Như Lai được, vì muốn tùy thuận thế gian mà thị hiện vào học đường. Vì thế nên gọi là đấng Như Lai Ứng cúng Chánh Biến Tri.

Ở cõi Diêm Phù Đề, tùy thuận thế gian mà thị hiện làm Thái tử, mọi người đều thấy Như Lai là Thái tử con trai lớn của vua Tịnh Phạn và Hoàng hậu Ma Gia, hưởng sự vui sướng trong cảnh ngũ dục ⁽⁴¹⁾. Kỳ thiết trong vô lượng kiếp, Như Lai đã bỏ lìa sự vui ngũ dục rồi.

Nhà tướng số đoán rằng Thái tử nếu chẳng xuất gia thời sẽ làm Chuyển Luân Thánh Vương cai trị Diêm Phù Đề, mọi người đều tin lời đoán ấy. Kỳ thiết, từ vô lượng kiếp, Như Lai đã bỏ vị Chuyển Luân Thánh Vương mà làm bực Pháp vương.

Thị hiện nhằm lìa cảnh vui ngũ dục, dạo thành gặp người già, bệnh, chết cùng vị Sa môn, rồi vượt

thành xuất gia hành đạo. Mọi người đều cho rằng Thái tử Sĩ Đạt Đa mới xuất gia. Nhưng từ vô lượng kiếp Như Lai đã xuất gia hành đạo rồi.

Thị hiện thọ giới cụ túc, tinh tấn hành đạo, chứng quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán. Mọi người thấy vậy đều nói quả A La Hán dễ được không khó. Nhưng từ vô lượng kiếp Như Lai đã thành tựu quả A La Hán rồi.

Vì muốn độ thoát mọi loài chúng sanh, mà thị hiện trải cỏ làm toà, ngồi nơi đạo tràng dưới cội Bồ Đề hàng phục Ma quân. Đại chúng đều cho rằng Như Lai mới thành đạo, hàng phục Ma quân. Nhưng từ vô lượng kiếp Như Lai đã hàng phục Ma quân rồi. Vì muốn hàng phục chúng sanh càng cường nên thị hiện như vậy.

Như Lai lại thị hiện đại tiện, tiểu tiện, thở ra, hít vào. Mọi người đều cho rằng Như Lai có đại tiện, tiểu tiện và thở. Kỳ thiệt thân của Như Lai đây đều không có những việc ấy, vì tùy thuận thế gian mà thị hiện như vậy.

Lại thị hiện thọ thực phẩm của người dung cúng, nhưng thiệt ra thân của Như Lai đều không có sự đói khát. Lại thị hiện ngủ nghỉ đồng như chúng sanh, nhưng từ vô lượng kiếp, Như Lai đầy đủ trí huệ thâm diệu, xa lìa tất cả những sự thế gian như đi, đứng, nằm ngồi, đau đầu, đau bụng, đau lưng,

rửa tay, rửa mặt, súc miệng v.v..., mọi người đều cho rằng Như Lai có các oai nghi như vậy. Nhưng thân của Như Lai đều không có những sự ấy, tay chơn trong sạch như hoa sen, hơi miệng thơm sạch như mùi thơm hoa Ưu bát la.

Đại chúng cho rằng Như Lai là nhơn loại, mà thiệt thời Như Lai không phải nhơn loại.

Lại thị hiện nhận lấy y phấn tảo, giặt giũ, may nhuộm, nhưng từ lâu Như Lai chẳng cần đến cái y ấy.

Này Ca Diếp ! Dầu Như Lai luôn thị hiện nhập Niết Bàn tại Diêm Phù Đề này. Kỳ thiệt Như Lai chẳng rớt ráo nhập Niết Bàn, mà chúng sanh cho rằng Như Lai thiệt diệt độ. Phải biết tánh Như Lai thiệt chẳng diệt hẳn, là pháp thường trụ, là pháp không biến đổi.

Này Ca Diếp ! Đại Niết Bàn là Pháp giới của chư Phật Như Lai.

Như Lai thị hiện ra đời thành Phật, chúng sanh đều nói Như Lai mới thành Phật, nhưng thiệt ra Như Lai chỗ làm đã xong từ vô lượng kiếp rồi, vì tùy thuận thế gian mà thị hiện như vậy.

Này Ca Diếp ! Ở Diêm Phù Đề có lúc Như Lai thị hiện chẳng giữ giới cấm, phạm tứ trọng tội, nhưng từ vô lượng kiếp Như Lai giữ chặt cấm giới chẳng một mảy thiếu sót.

Có lúc thị hiện làm gã nhút xiển đề, nhưng thiệt ra không phải nhút xiển đề. Làm gì có nhút xiển đề mà thành bực Vô thượng Chánh giác !.

Có lúc thị hiện phá hòa hiệp Tăng, có lúc thị hiện hộ trì chánh pháp, mọi người đều kinh quái.

Có lúc thị hiện làm Ma vương Ba tuần, nhưng từ vô lượng kiếp, Như Lai đã lìa ma sự, trong sạch không nhiễm như hoa sen.

Có lúc thị hiện thân gái thành Phật, mọi người đều nói, rất lạ cho người nữ mà có thể thành Phật. Phải biết Như Lai trọn hẳn không thọ thân gái, vì muốn điều phục vô lượng chúng sanh nên hiện thân gái. Và cũng vì thương xót chúng sanh mà hiện nhiều thứ thân, cho đến hiện thân A tu la, Súc sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục, để độ chúng sanh trong các loài ấy.

Lại thị hiện làm Phạm Thiên Vương để cho người thờ Phạm Thiên vào trong chánh pháp, nhấn đến thị hiện các thân trời khắp các miếu trời cũng vì mục đích ấy. Nhưng thiệt ra Như Lai không phải Phạm Thiên, không phải thân trời.

Có lúc thị hiện vào nhà gái dâm, nhưng Như Lai thiệt không có niệm dục, lòng Như Lai trong sạch không nhiễm ô như hoa sen, vào đây để tuyên thuyết diệu pháp cho hạng người say mê sắc dục.

Lại thị hiện vào nhà thanh y, để giáo hóa hạng nô tỳ cho chúng nó được trụ nơi chánh pháp.

Lại thị hiện làm bác sĩ để dạy học trò, thị hiện chơi bài bạc để độ hạng người bài bạc, thị hiện thân chim thú để độ loài thú, lại thị hiện làm Trưởng giả để an lập mọi người trụ nơi chánh pháp, thị hiện làm vua, làm quan, để dìu dắt nhơn dân tu chánh pháp.

Lại thị hiện tật dịch ⁽⁴²⁾ tại nơi Diêm Phù Đề, rồi trước thí thuốc cho bệnh nhơn, sau giảng dạy đạo pháp. Lại thị hiện cơ cấn tai, trước bố thí cơm áo, sau tuyên truyền diệu pháp. Lại thị hiện đao binh tai, rồi thuyết diệu pháp cho mọi người bỏ lòng oán hận.

Lại thị hiện vì hạng chấp thường mà giảng pháp vô thường, vì hạng chấp lạc mà giảng pháp khổ, vì hạng chấp ngã mà giảng pháp vô ngã, vì hạng chấp tịnh mà giảng pháp bất tịnh. Vì người tham chấp ba cõi, mà thuyết pháp cho họ xa lìa ba cõi, vì độ chúng sanh mà tuyên thuyết diệu pháp vô thượng, trồng cây pháp được vô thượng để thay cây phiền não, diễn nói chánh pháp để cứu bọn ngoại đạo tà kiến. Dầu thị hiện làm Thầy chúng sanh, nhưng Như Lai trọn không có quan niệm là Thầy.

Đức Như Lai chánh giác an trụ Đại Bát Niết Bàn như vậy, nên gọi là thường trụ không biến đổi.

Cũng như thị hiện ở Diêm Phù Đề, ở Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Bắc Cu Lô Châu, nhãn đến ở khắp cõi Đại thiên, Như Lai đều thị

hiện như vậy, như kinh Thủ Lăng Nghiêm đã nói rộng. Vì lẽ ấy nên gọi là Đại Bát Niết Bàn.

Nếu có vị đại Bồ Tát an trụ Đại Bát Niết Bàn như vậy, thời có thể thị hiện vô lượng thần thông biến hóa như trên, mà trọn không có chút chướng ngại cùng e sợ.

Này Ca Diếp ! Do nhơn duyên trên đây, ông chẳng nên nói rằng La Hầu La là con trai của Phật, vì từ vô lượng kiếp Như Lai đã lia hẳn dục nhiễm, nên Như Lai gọi là thường trụ không biến đổi".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Như lời Phật nói : Như ngọn đèn đã tắt thời không có phương sở. Cũng vậy, Như Lai diệt độ rồi thời không phương sở. Thế nào Như Lai gọi là thường trụ ?".

Phật nói : "Này Ca Diếp ! Ví như người đời thắp đèn dầu, theo số dầu còn thời ngọn đèn còn cháy, khi dầu hết thời ngọn đèn tắt, ngọn đèn tắt dụ cho lửa phiền não dứt. Ngọn đèn tắt mà bình đèn vẫn còn. Cũng vậy, phiền não dầu dứt mà Như Lai pháp thân thường còn.

Này Ca Diếp ! Ngọn đèn cùng bình đèn có cùng tắt dứt cả không ?".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Không ạ ! Tuy không cùng tắt dứt cả, nhưng là vô thường. Nếu đem pháp thân dụ với bình đèn, thời pháp thân cũng vô thường".

Phật nói : "Này Ca Diếp ! Ông không nên nạn như vậy. Đồ vật thế gian là vô thường, Như Lai không phải vô thường. Trong tất cả pháp Niết Bàn là thường, Như Lai tức Niết Bàn nên gọi là thường.

Này Ca Diếp ! Nói đèn tắt đó, là nói Niết Bàn của bậc A La Hán chứng, vì A La Hán dứt tham ái phiền não nên dụ như đèn tắt. Bậc A Na Hàm gọi là có tham, vì có tham nên chẳng được gọi là đồng với đèn tắt. Do nghĩa ấy nên ngày trước Như Lai nói dụ như đèn tắt, chớ chẳng phải Đại Niết Bàn đồng với đèn tắt. Bậc A Na Hàm chẳng còn lại thọ thân trong ba cõi nữa, chẳng còn lại lại thọ thân hôi nhơ, thân trùng, thân ăn uống, thân độc khổ, nên gọi là A Na Hàm. Nếu còn thọ thân thời gọi là Na Hàm, không còn thọ thân mới gọi là A Na Hàm. Nếu còn khứ lai thời gọi là Na Hàm, không còn khứ lai mới gọi là A Na Hàm".

(*) Bấy giờ Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Như lời Phật dạy "Chư Phật Thế Tôn có tạng bí mật !" Nghĩa này không phải. Vì chư Phật Thế Tôn chỉ có mật ngữ mà không có mật tạng. Như nhà ảo thuật, điều khiển người máy. Mọi người đều thấy người máy co duỗi, cúi ngửa, nhưng chẳng biết bộ phận ở trong thế nào. Phật pháp không phải như vậy, Phật pháp làm cho chúng sanh đều hiểu đều biết. Thế sao lại bảo rằng chư Phật Thế Tôn có tạng bí mật ?".

(*) Hán bộ quyển thứ 5

Phật khen : "Lành thay ! Lành thay ! Đúng như lời ông vừa nói. Như Lai thiết không có tạng bí mật. Như trăng tròn giữa đêm thu, trời trong không mây mù, mọi người ai cũng thấy rõ vầng trăng sáng. Lời của Như Lai cũng khai phát hiển lộ rõ ràng, kẻ ngu kia tự không hiểu rồi cho là tạng bí mật. Người trí suốt thấu thời không gọi là tạng.

Này Ca Diếp ! Ví như có người để dành vàng bạc đến số ức triệu, vì lòng bôn xén nên chẳng ban ơn bố thí cho kẻ nghèo cùng, chứa của như vậy mới gọi là giấu kín. Như Lai thời không phải thế, từ vô lượng kiếp chứa để vô lượng diệu pháp, lòng không bôn xén, thường đem ban bố cho mọi loài chúng sanh, đâu có thể gọi là Như Lai bí tạng được.

Như có người tật nguyên, hoặc một mắt, cụt tay, què chân, vì hổ thẹn mà không cho người thấy, vì thế nên gọi là núp kín. Như Lai thời không phải thế, bao nhiêu chánh pháp đầy đủ không thiếu đều cho người thấy cả nên pháp của Như Lai không gọi là bí tạng được.

Như người nghèo thiếu nợ nhiều, vì sợ chủ nợ đòi mà ẩn trốn, nên gọi là trốn kín. Như Lai thời không phải thế, Như Lai không có nợ chúng sanh về pháp thế gian. Dầu đối với chúng sanh có nợ xuất thế, nhưng cũng chẳng ẩn mặt, vì Như Lai luôn xem chúng sanh như con đẻ, mà thường diễn thuyết pháp nghĩa vô thượng.

Như Trưởng giả giàu có nhiều của, chỉ có một người con trai, Trưởng giả rất mến yêu con, bao nhiêu tiền của châu báu đều chỉ cho con biết. Cũng vậy, Như Lai xem chúng sanh đồng là con một.

Như người đời vì nam căn, nữ căn ⁽⁴³⁾ xấu xí nên dùng y phục để che đậy nên gọi là phúc tàng. Như Lai không phải thế, đã dứt hẳn thứ căn ấy, vì không căn nên không chỗ phúc tàng.

Như dòng Bà La Môn có những điều luận nói, trọn không muốn cho người trong dòng Sát Lợi, Tỳ Xá, Thủ Đà ⁽⁴⁴⁾ nghe biết, vì trong các luận điều của họ có chỗ lỗi ác. Chánh pháp của Như Lai thời không phải như vậy, tất cả đều là lành là phải, vì thế nên chẳng được gọi là bí tàng.

Như Trưởng giả ⁽⁴⁵⁾ rất cưng yêu đứa con trai một, dắt đến nhà trường ý muốn cho học, sau vì sợ con không được mau thành tài nên lại dắt về. Vì thương con nên Trưởng giả ngày đêm ân cần dạy cho nó về bán tự, mà không dạy luận Tỳ Già La, vì nó còn nhỏ tuổi quá, chưa đủ sức học.

Này Ca Diếp ! Giả sử Trưởng giả dạy về bán tự xong, đứa con trai ấy có thể liền đặng hiểu biết luận Tỳ Già La không ?".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn !Không".

Phật hỏi : "Như vậy Trưởng giả có bí tàng đối với con của ông không ?".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn, Không ! Vì đứa con còn thơ ấu, nên Trưởng giả không dạy, chớ chẳng phải vì bí tàng lẫn tiếc mà không dạy. Nếu có lòng tậ đố lẫn tiếc mới gọi là giấu kín (bí tàng). Như Lai không như vậy, sao lại gọi là Như Lai bí tàng được".

Phật nói : "Lành thay ! Lành thay ! Đúng như lời ông nói. Nếu có lòng tậ đố giận hờn lẫn tiếc mới gọi là bí tàng. Như Lai không có những lòng quấy ấy đâu gọi là bí tàng được.

Này Ca Diếp ! Ông Trưởng giả trên kia là chỉ cho Như Lai, đứa con trai một của ông là chỉ cho tất cả chúng sanh. Như Lai xem tất cả chúng sanh như con một. Dạy con trai một là nói hàng Thanh Văn đệ tử, còn bán tự ⁽⁴⁶⁾ đó là nói chín bộ kinh Tiểu thừa, luận Tỳ Già La là nói về kinh điển Phương Đẳng ⁽⁴⁷⁾ Đại thừa. Vì hàng Thanh Văn không đủ sức trí huệ nên Như Lai dạy cho họ bán tự chín bộ kinh điển mà chẳng dạy luận Tỳ Già La kinh điển Phương Đẳng Đại thừa.

Này Ca Diếp ! Như đứa con trai kia tuổi đã lớn, đủ sức học tập, mà Trưởng giả không dạy luận Tỳ Già La mới có thể gọi Trưởng giả là bí tàng. Nếu hàng Thanh Văn ⁽⁴⁸⁾ đủ sức lãnh thọ Đại thừa mà Như Lai lẫn tiếc không dạy, mới có thể gọi Như Lai có tạng bí mật. Nhưng thiệt ra Như Lai không phải như vậy, nên Như Lai không có bí tàng.

Như Trưởng giả sau khi dạy bán tự xong, kể vì con mà diễn nói luận Tỳ Già La. Cũng vậy, Như Lai vì các đệ tử giảng nói bán tự chín phần kinh xong, kể vì giảng nói luận Tỳ Già La Phương Đẳng Đại thừa, chính là diệu lý Như Lai thường còn không biến đổi.

Này Ca Diếp ! Như tháng mùa hạ, kéo mây nổi sấm xối mưa lớn, khiến nhà nông cày cấy dặng mùa. Người không gieo trồng thời không chỗ được, chẳng phải lỗi của Long Vương, mà Long vương cũng không chỗ tiếc giầu. Như Lai đây cũng như vậy, xối mưa pháp lớn : Kinh Đại Niết Bàn. Nếu các chúng sanh gieo hạt lành thời được mầm trái trí huệ. Nếu không gieo hạt lành thời không chỗ được. Đây không phải là lỗi ở Như Lai, mà Phật Như Lai cũng không chỗ bí tàng".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Nay con quyết định rõ biết Như Lai không chỗ bí tàng".

Như lời Phật nói : Luận Tỳ Già La là nói Phật Như Lai thường còn không biến đổi. Nghĩa đây không phải. Vì sao ? Vì ngày trước Phật có nói kệ :

Chư Phật cùng Duyên Giác
 Nhẫn đến chúng đệ tử
 Còn bỏ thân vô thường
 Hướng là hạng phàm phu.

Nay Phật nói là thường còn không biến đổi, nghĩa đây như thế nào ?

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Như Lai vì hàng Thanh Văn đệ tử mà dạy về bán tự nên nói bài kệ vô thường ấy.

Này Ca Diếp ! Xưa kia, vì mẹ chết nên vua Ba Tư Nặc rất thương nhớ buồn khổ, đến thăm Như Lai. Như Lai liền hỏi có sao nhà vua lại quá buồn khổ như vậy ? - Vua đáp : "Bạch Thế Tôn hôm nay Thái Hậu thăng hà. Giả sử có người nào làm cho mẹ tôi sống lại, tôi sẽ nhường ngôi và đem của tiền châu báu cùng thân này để thưởng tặng cho người ấy sử dụng." Như Lai khuyên : "Này Đại Vương ! Nhà vua chớ nên quá sầu khổ. Tất cả chúng sanh hễ thọ mạng hết gọi là chết. Chư Phật, Duyên Giác, Thanh Văn còn bỏ thân này, huống là phàm phu !

Này Ca Diếp ! Vì dạy bán tự cho vua Ba Tư Nặc nên Như Lai nói bài kệ ấy.

Nay Như Lai vì các hàng Thanh Văn đệ tử giảng nói luận Tỳ Già La, tức là Như Lai thường còn không biến đổi".

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch Phật : "Như lời Phật dạy :

Không chỗ chứa nhóm

Nơi ăn biết đủ

Như chim bay không
Dấu không thể tìm.

Bạch Thế Tôn, những nghĩa này là thế nào ? Trong chúng hội đây ai được gọi là không chỗ chứa nhóm ? Ai được gọi là nơi ăn biết đủ ? Ai đi nơi hư không chẳng thể tìm dấu ? Mà sự đi này là đến phương nào ?".

Phật dạy : "Luận về chứa nhóm là nói về của báu.

Này Ca Diếp ! Chứa nhóm có hai thứ : Một là hữu vi, hai là vô vi. Chứa nhóm hữu vi là hạnh Thanh Văn, chứa nhóm vô vi là hạnh Như Lai.

Này Ca Diếp ! Tăng cũng hai hạng : Một là hữu vi, hai là vô vi. Hữu vi Tăng gọi là hàng Thanh Văn. Thanh Văn Tăng không có chứa nhóm những tội tố đồ vật phi pháp, kho đụn lúa gạo, muối, mè, đậu, bắp. Nếu có người nói Như Lai cho chứa tội tố các đồ vật như vậy, người ấy sẽ bị báo rút lưỡi. Hàng Thanh Văn đệ tử của Như Lai gọi là không chứa nhóm, cũng được gọi là nơi ăn biết đủ. Nếu có tham ăn gọi là chẳng biết đủ.

Người khó tìm dấu thời là bực gần đạo Vô Thượng Bồ Đề. Như Lai nói người này dầu đi mà không chỗ đến".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Hàng hữu vi Tăng còn không chứa nhóm huống là vô vi Tăng. Vô vi Tăng chính là Như Lai. Thế sao Như Lai phải có

chứa nhóm. Và chứa nhóm đó gọi là cất giấu. Thế nên Như Lai phàm có nói ra đều không lẫn tiếc, thế nào gọi là giấu cất ?

Không thể tìm ra dấu vết đó, gọi là Niết Bàn. Trong Niết Bàn không có mặt trời, mặt trăng, tinh tú, lạnh nóng gió mưa, sanh già bệnh chết, hai mươi lăm cõi, lia các sự lo khổ và các phiền não. Niết Bàn như vậy là chỗ Như Lai ở thường không biến đổi. Vì nhơn duyên ấy, Như Lai đến trong rừng Ta La nơi đại Niết Bàn mà nhập Đại Niết Bàn".

Phật nói : "Này Ca Diếp ! Chử Đại đó tánh ấy rộng lớn. Như người sống lâu vô lượng tuổi thời gọi là đại trượng phu. Người này nếu có thể an trụ nói chánh pháp thời gọi là bậc siêu thăng trong loài người. Như tám điều giác ngộ của bậc đại nhơn mà Như Lai đã dạy, là một người có đủ hay nhiều người có đủ. Nếu một người đủ cả tám thời là rất siêu thăng. Nói rằng Niết Bàn đó, không có tỳ vết.

Này Ca Diếp ! Như người bị xông tên độc đau nhức lắm, gặp được lương y nhổ tên độc ra rồi truyền cho thuốc hay, người ấy hết đau nhức được an vui. Vị lương y này liền đi nơi thành ấp và các xóm làng, hễ chỗ nào có người bị thương đau khổ liền đến điều trị.

Cũng vậy, Như Lai thành bậc Đẳng Chánh Giác làm vị đại Y Vương, thấy chúng sanh khổ não nơi

Diêm Phù Đề, từ vô lượng kiếp bị tên độc phiền não dâm nộ si làm đau nhức, bèn nói kinh Đại thừa cam lộ pháp dược. Điều trị nơi đây rồi, Như Lai lại đến xứ khác, nơi có tên độc phiền não, thị hiện làm Phật để điều trị. Thế nên gọi là Đại Bát Niết Bàn.

Đại Bát Niết Bàn đó gọi là chỗ giải thoát. Tùy nơi nào có chúng sanh đáng được điều phục, thời Như Lai ở trong ấy mà thị hiện. Vì nghĩa chơn thiết thậm thâm này nên gọi là Đại Bát Niết Bàn".

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch Phật rằng : "Bạch Thế Tôn ! Y sư trong đời có thể điều trị thương tích cho tất cả chúng sanh chăng ?".

Phật nói : "Này Ca Diếp ! Thương tích của người đời phàm có hai thứ : một là bệnh có thể trị, hai là bệnh không thể trị. Bệnh có thể trị thời y sư trị được, còn bệnh không thể trị thời y sư không trị được".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Cứ như lời Phật dạy, thời Như Lai đã trị bệnh cho chúng sanh nơi Diêm Phù Đề này rồi. Nếu nói đã trị rồi, sao nơi đây còn có chúng sanh chưa được Niết Bàn ? Nếu chưa được Niết Bàn cả, sao Như Lai nói rằng điều trị đã xong mà muốn đến xứ khác ?".

Phật nói : "Này Ca Diếp ! Chúng sanh trong Diêm Phù Đề này có hai hạng : một hạng tin và một hạng không tin. Hạng có lòng tin thời gọi là trị được, vì sẽ không phiền não quyết định được Niết Bàn, thế

nên Như Lai nói trị chúng sanh nơi Diêm Phù Đề rồi. Hạng không lòng tin gọi là nhứt xiển đề. Hạng nhứt xiển đề gọi là không trị được. Trừ hạng nhứt xiển đề, ngoài ra đều đã trị xong, thế nên Niết Bàn gọi là không thương tích".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Những gì gọi là Niết Bàn ?".

Phật nói : "Này Ca Diếp ! Niết Bàn đó, gọi là Giải thoát".

- Bạch Thế Tôn ! Chỗ nói giải thoát, là sắc hay chẳng phải sắc ?".

- Này Ca Diếp ! Hoặc là sắc, hoặc là chẳng phải sắc. Thanh Văn, Duyên Giác giải thoát là không phải sắc. Chư Phật Như Lai giải thoát là sắc.

Này Ca Diếp ! Thế nên giải thoát cũng sắc cũng chẳng phải sắc. Như Lai vì hàng Thanh Văn đệ tử nói là chẳng phải sắc.

- Bạch Thế Tôn ! Thanh Văn, Duyên Giác nếu chẳng phải sắc thời thế nào được trụ ?

- Này Ca Diếp ! Như trời Phi tướng phi phi tướng cũng là sắc chẳng phải sắc, Như Lai cũng nói là chẳng phải sắc. Như có người nạn rằng trời Phi tướng phi phi tướng nếu chẳng phải sắc thế nào được trụ, đi lại, cử động ? Những nghĩa này là cảnh giới của chư Phật. Chẳng phải Thanh Văn, Duyên Giác biết được. Giải thoát cũng vậy, là sắc chẳng

phải sắc nói là chẳng phải sắc, cũng là tướng chẳng phải tướng nói là chẳng phải tướng. Những nghĩa như vậy là cảnh giới của chư Phật, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được".

Bấy giờ Ca Diếp Bồ Tát lại bạch Phật rằng : "Ngũ mong đức Thế Tôn thương xót nói rộng lại những nghĩa hạnh Đại Niết Bàn giải thoát".

Phật khen : "Lành thay ! Lành thay ! Này Ca Diếp ! Người chơn giải thoát gọi là xa lìa tất cả hệ phược. Nếu chơn giải thoát lìa các hệ phược thời không có sanh cũng không hòa hiệp. Ví như cha mẹ hòa hiệp sanh ra con. Người chơn giải thoát thời không phải như vậy, thế nên giải thoát gọi rằng chẳng sanh.

Này Ca Diếp ! Như đề hồ, tánh nó thanh tịnh. Cũng vậy, Như Lai chẳng phải nhưn cha mẹ hòa hiệp mà sanh, tánh Như Lai thanh tịnh, sở dĩ thị hiện có cha mẹ là vì muốn hóa độ các chúng sanh. Người chơn giải thoát tức là Như Lai. Như Lai cùng giải thoát không hai không khác.

Ví như tháng mùa xuân gieo các hạt giống, đặng hơi ẩm ướt liền mọc mầm lên cây. Người chơn giải thoát thời chẳng như vậy.

Lại giải thoát gọi là hư vô. Hư vô tức là giải thoát, giải thoát tức là Như Lai, Như Lai tức là hư vô, chẳng phải năng tác sở tác. Phạm là tác giả dường

như thành quách lầu nhà để ngăn kẻ địch, chơn giải thoát thời chẳng như vậy. Thế nên giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát tức là pháp vô vi. Ví như thợ gốm làm đồ rồi lại bị bể. Giải thoát chẳng như vậy. Chơn thiệt giải thoát chẳng sanh chẳng diệt. Thế nên giải thoát tức là Như Lai. Cũng vậy, Như Lai bất sanh bất diệt, chẳng già chẳng chết, chẳng hư chẳng hoại, chẳng phải pháp hữu vi. Do những nghĩa này nên gọi Như Lai nhập Đại Niết Bàn.

Già là đời đổi tóc bạc mặt nhăn, chết là thân hư mạng hết, trong giải thoát không hai thứ này. Vì không già chết nên gọi giải thoát. Như Lai cũng không tóc bạc mặt nhăn các pháp hữu vi đời đổi, thế nên Như Lai không có già. Không có già thời không có chết.

Lại giải thoát gọi rằng không bệnh. Bệnh là bốn trăm lẻ bốn bệnh và các thứ bệnh ở ngoài đến xâm tổn nơi thân. Nơi đây không có các bệnh ấy nên gọi là Giải thoát. Không tật bệnh là chơn thiệt giải thoát, chơn thiệt giải thoát tức là Như Lai. Như Lai không bệnh cho nên pháp thân cũng không có bệnh. Không bệnh như vậy tức là Như Lai.

Chết là thân hư mạng hết. Nơi đây không chết tức là cam lộ. Cam lộ này là chơn thiệt giải thoát, chơn giải thoát tức là Như Lai.

Như Lai thành tựu công đức như vậy, thế sao lại nói Như Lai vô thường ? Không có lẽ gì nói Như Lai là vô thường được. Là thân Kim cang thế nào vô thường ! Thế nên Như Lai không gọi là chết.

Như Lai thanh tịnh không có cấu nhơ. Thân Như Lai chẳng bị nhơ nhớp trong thai, như hoa sen trắng bốn tánh trong sạch. Như Lai giải thoát cũng lại như vậy. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Thế nên Như Lai thanh tịnh không cấu nhơ.

Lại giải thoát trọn không còn sót thừa những phiền não lỗi lầm. Cũng vậy, Như Lai không có tất cả phiền não lỗi lầm.

Lại giải thoát không có đấu tranh. Ví như người đói, thấy kẻ khác ăn uống thì sanh lòng tham đoạt. Giải thoát không phải như vậy.

Lại giải thoát gọi là an tịnh. Người phạm tục cho rằng an tịnh là Đại Tự Tại Thiên, đây là lời hư vọng. Chơn thiệt an tịnh là rốt ráo giải thoát, rốt ráo giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát tức là an ổn. Như chỗ nhiều giặc cướp chẳng gọi là an ổn. Nơi thanh bình mới gọi là an ổn. Trong giải thoát không có bố úy nên gọi là an ổn. Thế nên an ổn tức là chơn thiệt giải thoát, chơn giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là Pháp vậy.

Lại giải thoát không có bạn đồng hàng. Có bạn đồng hàng như quốc vương có các lân quốc. Không bạn đồng

hàng như Chuyển Luân Thánh Vương không có vua nào đứng ngang hàng. Cũng vậy, giải thoát không có đồng hàng. Không có đồng hàng là chơn giải thoát. Chơn giải thoát là Như Lai Chuyển Pháp Luân Vương. Thế nên Như Lai không bạn đồng hàng.

Lại giải thoát không ưu sầu. Có ưu sầu như Quốc vương sợ nước láng giềng mạnh nên ưu sầu. Giải thoát không như vậy. Như phá được oán địch thời không còn lo sợ nữa. Cũng vậy, giải thoát không có lo sợ, không lo sợ tức là Như Lai.

Lại giải thoát là không lo mừng. Ví như người đàn bà chỉ có một đứa con trai, có việc xa nhà, thoát có tin con bị nạn chết thời rất sầu khổ, về sau lại nghe rằng còn sống thời rất vui mừng. Trong giải thoát không có sự lo mừng như vậy. Không lo mừng là chơn giải thoát, chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát không có bụi nhơ. Như tháng mùa xuân sau khi mặt trời lặn, gió nổi bụi mù. Trong giải thoát không có việc ấy. Không bụi mù dụ cho chơn giải thoát, chơn giải thoát tức là Như Lai.

Như viên minh châu trong búi tóc của Thánh Vương không có nhơ bợn. Tánh giải thoát cũng không nhơ bợn. Không nhơ bợn dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Như chất vàng không lộn cát đá mới gọi là vàng ròng, ai được vàng ròng thời tự biết là mình có của.

Cũng vậy, tánh giải thoát như chất vàng ròng. Vàng ròng kia dụ cho chơn giải thoát, chơn giải thoát tức là Như Lai.

Như bình sành bị bể, tiếng nghe lạch cạch. Bình bằng kim cang bửu thời chẳng như vậy. Giải thoát cũng không điếc bể. Bình báu kim cang dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai. Thế nên thân Như Lai không hư hoại.

Tiếng lạch cạch như hột đu đủ dầu phơi trong nắng, nổ tiếng lạch cạch. Giải thoát không có như vậy. Như bình báu kim cang không có tiếng bể lạch cạch. Giả sử trăm ngàn người, cùng đua nhau bắn, không ai làm bể được. Không tiếng bể lạch cạch dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Như người nghèo thiếu nợ, bị chủ nợ đòi hỏi kiện thưa, gông cùm trói nhất. Trong giải thoát không có các việc ấy. Như Trưởng giả giàu lớn có vô số vàng bạc châu báu, thế lực tự tại, chẳng mang nợ ai. Giải thoát cũng như vậy, chứa vô lượng của pháp bảo, thế lực tự tại, không có nợ thiếu. Không nợ thiếu dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại chơn giải thoát gọi rằng không bức ngặt. Như mùa xuân lẫn nóng, mùa hạ oi bức, mùa đông rét lạnh. Trong chơn giải thoát không có những sự chẳng vừa ý như vậy. Không bức ngặt dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Ví như người ăn cá đã no mà lại uống sữa, người này thời là gần sự chết. Trong chơn giải thoát không có sự như vậy. Người này nếu được thuốc hay cam lồ thời được khỏi bệnh. Chơn giải thoát cũng như vậy. Thuốc hay cam lồ dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Thế nào là bức ngặt, và không bức ngặt ? Như người phạm ngã mạn tự cao cho rằng không ai hại được mình, bèn ở chung với rắn cạp độc trùng, nên biết người này sẽ bị hoạnh tử. Đây là bức ngặt. Trong chơn giải thoát không có việc như vậy.

Không bị bức ngặt là như thần châu của vua Chuyển Luân trừ được chín mươi sáu thứ độc trùng, ai nghe được thần châu này thời các thứ độc đều tiêu diệt. Chơn giải thoát cũng lại như vậy xa lìa cả hai mươi lăm cõi. Tiêu độc dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại không bức ngặt như hư không. Giải thoát cũng vậy. Hư không kia dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại bức ngặt như gân cỏ khô mà đốt đèn lửa thời bị cháy lan. Trong chơn giải thoát không có sự như vậy.

Lại không bức ngặt, ví như mặt trời mặt trăng không bức chúng sanh. Cũng vậy, giải thoát không bức chúng sanh. Không bức ngặt đây dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là Pháp vô động, vô động là không oan không thân. Như vua Chuyển Luân Vương không có vị Thánh vương khác để làm thân hữu. Giải thoát cũng vậy. Thánh vương không thân hữu dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là Pháp vậy.

Như áo trắng dễ nhuộm màu. Giải thoát không như vậy, nên giải thoát là Vô động.

Như hoa Bà sư, muốn có mùi hôi và màu xanh thời không thể được. Cũng vậy, muốn trong giải thoát có mùi hôi và có các màu thời không thể được, nên giải thoát là Pháp vô động. Giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là hi hữu. Như trong nước mọc hoa sen thời không phải hi hữu. Trong lửa mọc hoa sen mới là hi hữu, ai thấy cũng đều vui mừng. Cũng vậy, ai được thấy chơn giải thoát cũng đều vui mừng. Hi hữu kia dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai, Như Lai tức là Pháp thân.

Như trẻ nít chưa mọc răng, khôn lớn lần răng mới mọc. Giải thoát chẳng phải vậy, không có sanh cùng bất sanh.

Lại giải thoát gọi là hư tịch, vô hữu, bất định. Bất định là như hạng nhứt xiển đề không phải rất ráo chẳng dòi, như người phạm tội trọng không phải rất ráo chẳng thành Phật. Nếu có lòng tin trong sạch

ở nơi chánh pháp, hoặc được làm Ưu Bà Tắc thời diệt nhứt xiển đề. Còn người phạm tội trọng, khi diệt tội ấy thời được thành Phật. Nếu nói là rốt ráo không đời, rốt ráo chẳng thành Phật đạo thời là không đúng. Trong chơn giải thoát đều không có sự diệt tận như vậy.

Lại hư tịch thuộc về pháp giới, như pháp giới tánh tức là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại nhứt xiển đề nếu diệt tận thời chẳng được gọi là nhứt xiển đề. Những gì gọi là nhứt xiển đề? Hạng nhứt xiển đề đoạn diệt tất cả căn lành, tâm họ không vin niếu tất cả pháp lành, nhẫn đến không sanh một niệm lành. Trong chơn giải thoát đều không có sự như vậy. Không các việc ấy tức là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là chẳng thể lường được. Ví như đồng thóc, có thể biết số cân lượng. Chơn giải thoát thời chẳng như vậy. Ví như biển lớn thời không thể đo lường được. Cũng vậy, giải thoát không thể đo lường. Không thể đo lường là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là vô lượng pháp. Như một chúng sanh có nhiều nghiệp báo. Cũng vậy, giải thoát có vô lượng quả báo. Vô lượng quả báo là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là rộng lớn. Như biển lớn không gì sánh bằng. Cũng vậy, giải thoát không gì sánh bằng. Không gì sánh bằng là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là tối thượng, như hư không cao hơn cả không gì sánh. Cũng vậy, giải thoát cao hơn cả không gì sánh. Cao không gì sánh tức chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là không gì qua. Ví như chỗ ở của sư tử, các loài thú không con nào qua được. Cũng vậy, giải thoát không gì qua được là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là Vô thượng. Như phương Bắc là trên cả các phương. Cũng vậy, giải thoát là không còn gì trên. Không gì trên là chơn giải thoát. Chơn giải thoát, tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là Vô thượng thượng. Như phương Bắc qua nơi phương Đông là Vô thượng thượng. Cũng vậy, giải thoát là Vô thượng thượng. Vô thượng thượng là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là Pháp hằng. Như thân của Trời người chết, đây gọi là hằng, chẳng phải không hằng. Cũng vậy, giải thoát chẳng phải không hằng. Chẳng phải không hằng là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là cứng chắc. Như Khur đà la chiêm đàn trầm thủy, tánh của nó cứng chắc. Cũng vậy, tánh của giải thoát cứng chắc. Tánh cứng chắc tức là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là không rộng rộng. Như thân cây tre lau rộng rộng. Giải thoát không phải như vậy, nên biết giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là không ở được. Như tường vách khi chưa sơn phết thời ruồi muỗi đáp đậu trên đó, lúc sơn phết rồi, côn trùng nghe mùi sơn bèn không đến đậu ở. Không ở như vậy dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là vô biên. Ví như tụ lạc đều có biên giới. Giải thoát không phải như vậy, không có biên tế như hư không. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là không thể thấy. Ví như khó thấy dấu chim bay trên hư không. Khó thấy như vậy dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là thậm thâm. Vì hàng Thanh Văn, Duyên Giác không thể vào được. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

Lại thậm thâm đó là chỗ cung kính của Phật và Bồ Tát. Ví như hiếu tử cúng dường cha mẹ công

đức rất sâu. Công đức rất sâu dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là không thấy được. Như người đòi không thấy được đỉnh đầu của mình. Cũng vậy, hàng Thanh Văn, Duyên Giác không thấy được giải thoát. Chơn giải thoát đây tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là không nhà cửa. Ví như hư không, không có nhà cửa. Nói nhà cửa là dụ cho hai mươi lăm cõi. Không nhà cửa dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là chẳng thể nắm lấy. Như trái Ama lạc, người nắm lấy được. Giải thoát không thể nắm lấy. Không thể nắm lấy là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là không thể cầm. Ví như vật huyền không thể cầm. Không thể cầm là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát không có thân thể. Ví như thân người sanh các thứ ghẻ lác, ung nhọt, điên cuồng, gầy ốm. Trong chơn giải thoát không có những bệnh như vậy. Không bệnh dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là một vị. Như sữa có một vị. Một vị như vậy là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là thanh tịnh. Như nước không bùn đứng lặng trong sạch. Đứng lặng trong sạch là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là nhứt vị thanh tịnh. Như giọt mưa nơi hư không nhứt vị thanh tịnh. Nhứt vị thanh tịnh dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là trừ dục. Ví như trăng tròn không mây mù. Không mây mù là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là tịch tịnh. Ví như người mang bệnh nóng khi được lành mạnh thời thân tịch tịnh. Giải thoát cũng vậy, thân được tịch tịnh. Thân được tịch tịnh tức chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát tức là bình đẳng. Ví như ruộng hoang, loài rắn độc, lang sói đều có tâm sát hại. Giải thoát không như vậy, không có tâm sát hại. Không tâm sát hại là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại bình đẳng đó, như lòng bình đẳng của cha mẹ đối với các con. Giải thoát cũng vậy, tâm ấy bình đẳng. Tâm bình đẳng tức chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là không chỗ khác. Ví như có người chỉ ở nơi tòa nhà cao đẹp sạch sẽ, không có

chỗ ở nào khác. Giải thoát cũng vậy, không có chỗ nào khác. Không chỗ nào khác là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là tri túc. Ví như người đói gặp được món ăn ngon thời ăn mãi không nhàm. Giải thoát không phải như vậy. Như ăn cháo sữa thời không cần món gì nữa. Không cần món gì dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là đoạn tuyệt. Như người bị trói đứt dây được thoát khỏi. Cũng vậy, giải thoát đứt đứt tất cả sự trói buộc của lòng nghi ngờ. Đoạn nghi như vậy là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là đến bờ kia. Ví như con sông lớn có bờ bên này bờ bên kia. Giải thoát không như vậy. Dầu không bờ bên này mà có bờ bên kia. Có bờ bên kia đó là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là im lặng, không phải như biển lớn vang tiếng ồ ạt của thủy triều. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là mỹ diệu. Ví như các thứ thuốc trộn với trái A lê lạc thời có vị đắng. Giải thoát không như vậy, vị như cam lồ. Vị như cam lồ dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát trừ các phiền não. Ví như lương y hòa hiệp các thứ thuốc trị lành các bệnh tật. Cũng vậy, giải thoát trừ được các phiền não. Trừ phiền não tức chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là không hẹp. Ví như căn nhà nhỏ không dung được nhiều người. Giải thoát không phải như vậy, dung chứa được nhiều. Dung được nhiều là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là diệt những tham ái, chẳng xen dâm dục. Ví như người nữ nhiều sự tham dục. Giải thoát không như vậy. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Như Lai không có những phiền não, tham dục, sân hận, ngu si, kiêu mạn v.v...

Lại giải thoát gọi là không ái nhiễm. Ái có hai thứ : Một là ngã quý ái, hai là pháp ái. Chơn giải thoát lìa nơi ngã quý ái. Vì thương xót chúng sanh mà có pháp ái. Pháp ái như vậy là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát lìa ngã và ngã sở. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Như Lai tức là Pháp vậy.

Lại giải thoát tức là diệt tận, lìa sự tham trong ba cõi. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Như Lai tức là Pháp vậy.

Lại giải thoát gọi là cứu hộ. Hay cứu hộ tất cả những kẻ sợ hãi. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Như Lai là Pháp vậy.

Lại giải thoát tức là chỗ về. Nếu về nương nơi giải thoát như vậy thời chẳng cầu nương chỗ khác. Ví như có người nương tựa nơi vua, chẳng cầu nương tựa chỗ khác. Dầu nương tựa nơi vua mà có động chuyển. Về nương nơi giải thoát không có động chuyển. Không động chuyển là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai. Như Lai là Pháp vậy.

Lại giải thoát gọi là tòa nhà. Ví như có người đi nơi rừng vắng thời có hiểm nạn. Giải thoát không như vậy, chẳng có hiểm nạn. Chẳng có hiểm nạn tức chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát là vô sở úy. Như sư tử chúa không sợ trăm thú. Cũng vậy, giải thoát không sợ các loài ma. Không sợ sệt là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát không có chật hẹp. Ví như con đường hẹp không dung được hai người đi ngang nhau. Giải thoát chẳng như vậy. Giải thoát ấy tức là Như Lai. Ví như có người bị cọp rượt té xuống giếng sâu. Giải thoát không như vậy. Giải thoát ấy tức là Như Lai.

Lại không chật hẹp, như đi thuyền vượt biển an ổn, lòng được vui mừng. Giải thoát cũng vậy, tâm được vui mừng. Được vui mừng là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát là lìa các nhơn duyên. Ví như nhơn sữa được lạt, nhơn lạt được tô, nhơn tô được đề

hồ. Trong chơn giải thoát đều không có những nhơn ấy. Không nhơn là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại chơn giải thoát hay phục kiêu mạn. Ví như Đại vương kiêu mạn đối với Tiểu vương. Giải thoát không phải như vậy. Giải thoát ấy tức là Như Lai, Như Lai tức là Pháp vậy.

Lại giải thoát phục các phóng dật. Người phóng dật thời có nhiều tham dục. Trong chơn giải thoát không có tên gọi ấy. Không tên gọi ấy là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát hay trừ vô minh. Như thứ tô thượng hạng lọc sạch cả sạn như bèn gọi là đề hồ. Cũng vậy, giải thoát trừ sạch vô minh sanh ra chơn minh. Chơn minh ấy tức chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là tịch tịnh, thuần một không hai. Như voi nơi đồng hoang trống, riêng một mình không bạn bầu. Cũng vậy, giải thoát thuần một không hai, thuần một không hai là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là cứng đặc. Như tre, lau, thầu dầu, cọng cây rỗng bọng mà hột thời cứng đặc. Trừ Phật Như Lai, tất cả trời người đều không cứng đặc. Chơn giải thoát xa lìa tất cả các dòng hữu lậu. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là bỏ các hữu lậu, như có người ăn rồi mà ói ra. Bỏ các hữu lậu là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là quyết định, như mùi thơm hoa Bà sur không có trong hoa Thất diệp. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là thủy đại. Ví như thủy đại thắng hơn các đại khác, hay nhuận hột giống của tất cả cỏ cây. Cũng vậy, giải thoát hay nhuận tất cả loài có sự sanh sống. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là vào. Như có cửa nẻo thời thông vào hầm vàng, có thể được vàng. Cũng vậy, giải thoát như cửa nẻo kia. Người tu vô ngã thời được vào trong. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là hay giỏi. Ví như học trò theo bên thầy, làm đúng theo chỗ thầy dạy bảo thời được gọi là hay giỏi. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là pháp xuất thế, ra khỏi hơn nơi tất cả pháp. Như vị của sữa và tô hơn vị của các thứ khác. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là bất động. Như ngạch cửa gió không làm động được. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là không sóng dợn. Như nước biển cả luôn có sóng dợn. Giải thoát không phải như vậy. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là có chỗ dùng. Như vàng Diêm phù đàn dùng được nhiều việc. Không ai nói được chỗ xấu dở của vàng này. Cũng vậy, giải thoát không có xấu dở. Không có xấu dở là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát bỏ hạnh anh nhi, như người lớn bỏ hạnh trẻ nít. Cũng vậy, giải thoát trừ bỏ năm ấm. Trừ bỏ năm ấm là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là rất ráo. Như người bị trói, được mở thả, tắm rửa sạch sẽ rồi về nhà. Cũng vậy, giải thoát là rất ráo thanh tịnh. Rất ráo thanh tịnh là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là sự vui vô tác, vì đã ói sạch tham dục, sân hận cùng ngu si. Ví như có người uống nhầm thuốc độc, phải uống thuốc ói, khi ói hết chất độc thì thân được an vui. Giải thoát cũng vậy, ói các độc phiền não kiết phược, thân được an vui gọi là sự vui vô tác. Sự vui vô tác tức là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là đoạn tất cả pháp hữu vi, xuất sanh tất cả vô lậu thiện pháp. Đoạn tất các đạo : hoặc là ngã, vô ngã, phi ngã, phi vô ngã. Chỉ đoạn sự chấp lấy, chớ không đoạn ngã kiến. Ngã kiến đó gọi là Phật tánh. Phật tánh tức là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là chẳng không mà không. Phàm không không gọi là vô sở hữu, vô sở hữu là sự vọng chấp giải thoát của các nhà ngoại đạo Ni kiến tử, mà thật ra không có giải thoát nên gọi là không không. Chơn giải thoát thời không như vậy nên gọi là chẳng không mà không. Chẳng không mà không là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là không mà chẳng không. Như bình đựng nước đựng sữa, dầu không nước không sữa nhưng vẫn được gọi là bình nước, bình sữa. Các thứ bình đây không thể gọi là không hay chẳng không được. Nếu nói là không thời không được có sắc, hương, vị, xúc. Nếu nói là chẳng không thời lại không có nước sữa. Giải thoát cũng vậy không thể nói là sắc cùng với chẳng phải sắc, chẳng thể nói là không cùng với chẳng không. Nếu nói là không thời chẳng được có thường, lạc, ngã, tịnh. Nếu nói là chẳng không thời ai thọ thường, lạc, ngã, tịnh này. Vì những nghĩa ấy nên không thể nói là không cùng với bất không. Không là nói không hai mươi lăm cõi và các phiền não, tất cả sự khổ, tất cả tướng, tất cả hạnh hữu vi. Như bình không nước thời gọi là không. Chẳng không là nói chơn thiệt thiện sắc : Thường, lạc, ngã, tịnh, chẳng động, chẳng biến. Như sắc, hương, vị, xúc của cái bình, thời gọi là chẳng không. Vì vậy nên giải thoát dụ như cái bình kia. Cái bình kia gặp duyên thời bị bể hư. Giải thoát

không hề bị hư hoại. Không thể hư hoại là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là lìa ham muốn. Ví như có người lòng ham muốn ngôi Thiên Đế, Phạm Vương, Tự Tại Thiên vương. Giải thoát không như vậy. Khi đã thành bực Vô thượng Chánh giác rồi thời không ai không nghi. Không ai không nghi là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát đoạn sự ham muốn của ba cõi, đoạn tất cả tướng, tất cả hệ phược, tất cả phiền não, tất cả sanh tử, tất cả nhơn duyên, tất cả quả báo. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Như Lai tức là Niết Bàn.

Tất cả chúng sanh vì sợ phiền não sanh tử nên thọ tam quy y. Ví như bầy nai sợ thợ săn, nhảy khỏi một nhảy dụ cho một quy y, nhảy ba nhảy dụ ba quy y. Do nhảy khỏi ba nhảy mà được thoát nạn an vui. Chúng sanh cũng vậy vì sợ bốn loài ma mà thọ tam quy y. Do tam quy y nên được an vui. Được an vui tức là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là Niết Bàn. Niết Bàn tức là vô tận. Vô tận tức là Phật tánh. Phật tánh tức là quyết định. Quyết định tức là Vô thượng Chánh giác".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Nếu Niết Bàn, Phật tánh, quyết định và Như Lai là một nghĩa, thế sao nói rằng có ba quy y ?".

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Tất cả chúng sanh sợ sanh tử nên cầu tam quy y. Vì do tam quy y mà biết Phật tánh, quyết định, Niết Bàn.

Này Ca Diếp ! Có pháp, tên thời một mà nghĩa thời khác. Có pháp, tên cùng nghĩa đều khác. Tên một nghĩa khác như Phật thường, Pháp thường, Tăng thường, Niết Bàn, Hư không cũng đều thường. Tên cùng nghĩa đều khác : như Phật gọi là giác, Pháp gọi là bất giác, Tăng gọi là hòa hiệp, Niết Bàn gọi là giải thoát, hư không gọi là phi thiện cũng gọi là vô ngại.

Này Ca Diếp ! Tam quy y danh nghĩa đều khác, thế nên Như Lai bảo Ma Ha Ba Xà Ba Đề rằng : Này Kiều Đàm Di chớ cúng dường Như Lai, nên cúng dường Tăng, nếu cúng dường Tăng thời được cúng dường tam quy đầy đủ. Ma Ha Ba Xà Ba Đề thưa rằng trong chúng Tăng không Phật không Pháp, sao cho rằng cúng dường Tăng thời được đầy đủ cúng dường tam quy ? Như Lai dạy : Bà tuân lời Như Lai đó là cúng dường Phật. Vì giải thoát là cúng dường Pháp. Chúng Tăng nhận lãnh là cúng dường Tăng.

Này Ca Diếp ! Thế nên tam quy chẳng được là một.

Này Ca Diếp ! Hoặc có lúc Như Lai nói một làm ba, nói ba làm một. Nghĩa ấy là cảnh giới của chư Phật, chẳng phải là hàng Thanh Văn cùng Duyên Giác biết được".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Nhu lời Thế Tôn nói rõt ráo an vui gọi là Niết Bàn, nghĩa này như thế nào ? Luận về Niết Bàn thời bỏ thân, bỏ trí, nếu bỏ thân trí ai sẽ thọ vui ?".

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Ví như có người ăn xong buồn nôn, bèn đi ra ngoài mà ói, ói rồi trở vào nhà. Bạn bè hỏi anh đã lành mạnh chưa mà trở vào nhà. Người ấy đáp đã lành, thân tôi được an vui. Như Lai cũng vậy, rõt ráo xa lìa hai mươi lăm cõi, trọn được chỗ Niết Bàn an lạc, không thể động chuyển, không có diệt tận, dứt tất cả thọ, gọi là sự vui không thọ. Không thọ như vậy gọi là sự vui thường trụ. Nếu nói Như Lai có thọ sự vui thời là không đúng. Thế nên rõt ráo vui tức là Niết Bàn, Niết Bàn tức là chơn giải thoát, chơn giải thoát tức là Như Lai".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Bất sanh bất diệt là Giải thoát ư ?".

Phật nói : "Phải ! Bất sanh bất diệt tức là Giải thoát, Giải thoát như vậy tức là Như Lai".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Nếu bất sanh bất diệt là Giải thoát, thời tánh hư không cũng không sanh diệt lẽ ra là Như Lai. Như tánh Như Lai tức là Giải thoát".

Phật nói : "Này Ca Diếp ! Việc ấy không phải vậy. Như tiếng hót rất thành diệu của chim Ca Lăng

Tần Già cùng chim Mạng Mạng, chùng có đồng với tiếng hót của chim quạ, chim khách chăng ?".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Trăm ngàn muôn lần tiếng hót của chim quạ, chim khách, sánh cũng không bằng tiếng hót của chim Ca Lăng Tần Già cùng chim Mạng Mạng.

Bạch Thế Tôn ! Tiếng của chim Ca Lăng Tần Già rất thanh diệu, thân cũng khác, sao đức Thế Tôn lại đem so sánh với chim quạ, chim khách. Khác nào đem hột đĩnh lịch sánh với núi Tu Di. Phật sánh cùng hư không cũng lại như vậy. Tiếng của chim Ca Lăng Tần Già có thể dụ cho tiếng nói của Phật. Không thể đem dụ với tiếng của chim quạ, chim khách".

Phật khen : "Hay thay ! Hay thay ! Nay ông khéo hiểu được pháp rất sâu khó hiểu.

Có lúc vì một nhơn duyên mà Như Lai dẫn hư không để dụ cho giải thoát. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

Chơn giải thoát, tất cả trời người không ai có thể sánh ví được. Mà hư không kia thiệt cũng chẳng phải là ví dụ. Nhưng vì giáo hóa chúng sanh nên đem sự chẳng phải ví dụ để làm dụ. Phải biết giải thoát tức là Như Lai. Tánh Như Lai tức là Giải thoát. Giải thoát cùng Như Lai không hai, không khác.

Này Ca Diếp ! Chẳng phải ví dụ, như vật không gì sánh không thể dẫn làm dụ. Vì có nhơn duyên

có thể dẫn làm dụ. Như trong Khế Kinh có nói diện mạo đoan chánh dường như mặt trăng tròn. Voi trắng sạch sẽ như núi tuyết. Trăng tròn không đồng với gương mặt. Núi tuyết chẳng được tức là voi trắng.

Này Ca Diếp ! Chẳng thể đem dụ nào để ví dụ cho chơn giải thoát. Chỉ vì giáo hóa chúng sanh mà làm ví dụ thôi. Do nơi ví dụ mà biết các pháp tánh cũng lại như vậy".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Cớ sao đức Như Lai nói hai thuyết như thế ?".

Phật nói : "Này Ca Diếp ! Ví như có người lòng giận tức tay cầm dao gươm muốn hại Như Lai. Như Lai vẫn hòa vui không có vẻ giận hờn. Người ấy có thể hại được Như Lai để thành tội nghịch chăng ?".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Không thể được. Vì thân Như Lai không thể phá hại. Bởi thân Như Lai vốn không thân chỉ có pháp tánh. Tánh của pháp tánh chẳng thể phá hoại. Người ấy đâu hại được thân Phật. Do vì có lòng ác hại mà người ấy thành tội vô gián.

Do nhơn duyên này dẫn các thứ ví dụ để được biết pháp chơn thiết".

Phật khen : "Hay thay ! Hay thay ! Lời ông vừa nói chính là chỗ Như Lai muốn nói.

Này Ca Diếp ! Lại như đứa con ác muốn hại mẹ nó. Nhầm lúc nó ở bên đống thóc, mẹ nó đem com

đến. Nó thấy mẹ liền đi mài dao để giết mẹ. Mẹ nó biết ý bèn chui vào đồng thóc để trốn. Nó cầm dao chém khắp đồng thóc, tự cho là đã giết được mẹ nên rất vừa lòng. Lát sau mẹ nó lén chui ra khỏi đồng thóc và trở về nhà.

Ông nghĩ thế nào, đứa con ấy có thành tội vô gián không ?".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Không quyết định được. Nếu nói là thành tội thì mẹ nó chưa bị giết chết. Nếu nói là không tội, thì chính nó tự cho là đã giết được mẹ và rất vừa lòng. Người ấy dầu chẳng đầy đủ tội nghịch, mà cũng là nghịch. Do nhơn duyên này, nên dẫn các ví dụ để được biết pháp chơn thiệt".

Phật khen : "Hay thay ! Hay thay ! Này Ca Diếp ! Vì nhơn duyên ấy nên Như Lai nói các phương tiện ví dụ để dụ giải thoát. Dầu nói vô lượng vô số ví dụ, mà thiệt không thể đem dụ để sánh được. Hoặc có nhơn duyên cũng nói ví dụ. Hoặc có nhơn duyên chẳng nói ví dụ. Thế nên giải thoát thành tựu vô lượng công đức như vậy, thẳng đến Niết Bàn. Niết Bàn Như Lai cũng có vô lượng công đức như vậy. Do vì thành tựu viên mãn vô lượng công đức như vậy nên gọi là Đại Niết Bàn".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Nay con mới biết chỗ đến của Như Lai là không có cùng

tận. Nếu chỗ đã không cùng tận, phải biết thọ mạng cũng phải không cùng tận".

Phật nói : "Hay thay ! Hay thay ! Này Ca Diếp ! Nay ông khéo hay hộ trì chánh pháp. Nếu có người nào muốn đoạn trừ phiền não kiết phược, phải nên hộ trì chánh pháp như vậy".



THÍCH NGHĨA

(41)- NGŨ DỤC : Năm điều tham dục : 1- Tiền của, 2- Sắc đẹp, 3- Danh vị, 4- Ăn mặc, 5- Ngủ nghỉ.

Cũng có chỗ nói NGŨ DỤC là tham mê nơi cảnh ngũ trần : sắc, thanh, hương, vị xúc.

(42)- Nhơn gian có TIỂU TAM TAI (ba tai nạn nhỏ).

1- Tai nạn về bệnh tật nguy hiểm truyền nhiễm, như bệnh dịch, bệnh trái trời, bệnh thiên thời v.v...,

2- Tai nạn và sự đói khát,

3- Tai nạn về sự đao binh (giặc loạn).

Thế giới có ĐẠI TAM TAI (ba tai nạn lớn) :

1- Hỏa tai : tai nạn về lửa đốt cháy từ A Tỳ địa ngục đến cõi trời Sơ Thiên.

2- Thủy tai : tai nạn về nước ngập đến cõi trời Nhị Thiên.

3- Phong tai : tai nạn về gió thổi tan đến cõi trời Tam Thiên.

(43)- NAM CĂN : bộ phận sanh dục của đàn ông.

NỮ CĂN : bộ phận sanh dục của đàn bà.

(44)- BỐN GIAI CẤP ở xứ Thiên Trúc thời kỳ đức Thích Ca xuất thế : 1- Bà La Môn : giai cấp bậc thầy của quốc dân, gồm những dòng trí thức thông thái, nắm chủ quyền về văn hóa lễ nghi trong nước, 2- Sát Đế Lợi : giai cấp vua chúa hoàng tộc, 3- Tỳ Xá : giai cấp thương mại, thợ thuyền, 4- Thủ Đà : giai cấp lao công, cần vụ.

- (45)- TRƯỞNG GIẢ : Danh từ tôn gọi hạng giàu sang cũng có đức hạnh.
- (46)- "BẢN TỰ" chỉ cho những học thuyết sơ cấp, phổ thông, chưa đến trình độ rốt ráo viên mãn.
- (47)- PHƯƠNG ĐẰNG : Rộng lớn cùng khắp.
- (48)- THANH VẤN : Nghe thanh âm; hàng Tiểu Thừa nghe thanh âm thuyết pháp của Phật rồi y theo đó tu tập mà đoạn hoặc nghiệp, chừa chơn quả. Không phải như Đại Thừa Bồ Tát tự ngộ bốn tâm, tự chứng bốn tánh.



VIII

PHẨM TỨ Y

Thứ tám

(*) Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Trong kinh Đại Niết Bàn vi diệu này có bốn hạng người hay hộ trì chánh pháp, kiến lập chánh pháp, ức niệm chánh pháp. Thương xót và làm lợi ích an lạc nhiều cho thế gian và làm chỗ nương tựa cho thế gian :

Một là bậc xuất thế đủ tánh phiền não.

Hai là bậc Tu Đà Hoàn và Tư Đà Hàm.

Ba là bậc A Na Hàm.

Bốn là bậc A La Hán.

Bốn hạng người trên đây hiện ra nơi đời, có thể xót thương làm nhiều điều lợi ích an lạc cho thế gian, cho trời, cho người, làm chỗ y chỉ cho thế gian.

(*) Hán bộ quyển thứ 6

Thế nào gọi là đủ tánh phiền não ? Nếu có người hay phụng trì giới cấm, đầy đủ oai nghi, kiến lập chánh pháp. Nghe hiểu lời Phật dạy, rồi đem phân biệt tuyên thuyết cho người khác. Chỗ gọi rằng thiếu dục là đạo, đa dục không phải đạo. Rộng giảng nói tám điều giác ngộ của bậc đại nhơn như vậy. Có ai phạm tội thời chỉ bảo cho phát lồ sám hối để trừ tội. Khéo biết pháp bí mật của Bồ Tát phương tiện ra làm. Hạng người này gọi là phạm phu chớ không phải người bậc thứ tám. Người bậc thứ tám không phải phạm phu gọi là Bồ Tát, không gọi là Phật.

Hạng thứ hai là bậc Tu Đà Hoàn và bậc Tư Đà Hàm. Hạng này nếu được chánh pháp thời thọ trì chánh pháp. Nghe pháp nơi Phật, đúng theo chỗ đã được nghe bèn biên chép, thọ trì, đọc tụng, rồi nói lại cho người khác. Không bao giờ hạng người này nghe pháp rồi mà không chép, không thọ, không nói, và cũng không bao giờ nói Phật cho chứa vật bất tịnh như tỳ tở v.v... Hạng thứ hai đây chưa được bậc thứ ba. Trụ nơi bậc thứ ba gọi là Bồ Tát, đã được thọ ký.

Hạng người thứ ba gọi là bậc A Na Hàm. Bậc này không có những việc phỉ báng chánh pháp, cho chứa tỳ tở các vật bất tịnh, thọ trì sách luận ngoại đạo; cũng không bị khách trần phiền não làm chướng, cự phiền não che ngăn; cũng không giấu chơn thiệt Xá lợi của Như Lai; không bị bệnh ngoài làm não

hại, không bị bốn thứ rắn độc xâm nhiễu mà luận nói là ngã. Thường nói lý vô ngã. Không bao giờ nói tham luyến thế pháp, mà thường nói pháp Đại thừa nối liền không dứt. Thân thế của vị này không có tám vạn hộ trùng, đã lìa hẳn dâm dục, nhãn đến trong giấc mộng chẳng chảy bất tịnh. Lúc sắp chết không sợ hãi. A Na Hàm nghĩa là gì ? Vị này không còn trở lại những sự lỗi lầm không làm nhớ nhớp được người, là bực Bồ Tát đã được thọ ký, sắp sẽ thành bực Vô thượng Chánh giác. Đây gọi là hạng thứ ba.

Hạng người thứ tư là bực A La Hán. Bực này dứt hẳn phiền não, giải thoát sanh tử, việc làm đã xong là Bồ Tát trụ địa thứ mười, đặng trí huệ tự tại, có thể hiện bất cứ thân hình nào mà mọi loài ưa thích. Muốn thành Phật liền có thể được thành. Trọn nên vô lượng công đức như vậy nên gọi là A La Hán.

Trên đây là bốn hạng người xuất hiện nơi đời, xót thương người đời, đem nhiều lợi ích an vui cho thế gian, là chỗ thế gian nương tựa, là bực rất tôn quý của cõi trời, cõi người, không khác gì đức Như Lai.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Nay con không nương tựa nơi bốn hạng người ấy. Vì rằng trong kinh Cù Sư La, Đức Phật từng bảo ông Xà Sư Lê : Nếu có Thiên ma vì muốn phá hoại chánh pháp mà biến ra hình Phật, đủ cả tướng tốt oai

nghiêm, cũng viên quang, cũng bạch hào, ông phải kiểm giáo là giả hay thật. Đã rõ là ma thời phải hàng phục.

Bạch Thế Tôn ! Bọn ma còn biến làm thân Phật được hưởng là thân của bốn hạng người trên với những thần thông : nằm ngồi giữa hư không, nách bên tả tuôn nước, nách bên hữu phun lửa, cả thân ra khói lửa v.v... Vì lẽ ấy nên lời tuyên nói của các hạng người trên đây, lòng con không dám tin cùng bảm thọ, con cũng không có quan niệm kính mến để nương tựa theo.

Đức Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Cho đến đôi với lời nói của Như Lai mà có lòng nghi ngờ còn không nên thọ trì, hưởng là lời của các hạng người ấy. Vì thế nên phải khéo phân biệt cho rõ là lành hay chẳng lành, nên làm hay chẳng nên làm. Được như vậy mới có kết quả an lạc lâu dài. Này Ca Diếp ! Ví như con chó gian trộm, đêm tối lén vào nhà người, người trong nhà nếu hay được phải liền la đuổi, chó ấy sợ bỏ đi không dám trở lại. Cũng thế, từ nay các ông phải theo cách ấy mà trị loài Thiên ma. Bảo Thiên ma rằng : Này Ba Tuần, nhà ngươi không được đôi hiện ra các thân hình ấy, nếu còn hiện, ta sẽ dùng nắm món trói buộc để trói nhà ngươi. Ma nghe rồi sẽ bỏ đi không trở lại phá nữa".

Ca Diếp bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Như Phật vì ông Cù Sư La mà dạy rằng : Nếu có thể hàng

phục Thiên ma như vậy thời cũng có thể được gần Đại Niết Bàn. Thế thời đức Như Lai cần gì nói bốn hạng người trên đây là chỗ quy y của mọi người. Lời nói của bốn hạng người trên đây chưa ắt đáng tin".

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Như Lai vì hàng Thanh Văn nhục nhãn mà nói là hàng phục loài Thiên ma. Chớ chẳng phải vì người tu học Đại thừa mà nói. Hàng Thanh Văn dầu có thiên nhãn, nhưng vẫn gọi là nhục nhãn. Người tu học Đại thừa, dầu có nhục nhãn nhưng gọi là Phật nhãn. Vì kinh điển Đại thừa gọi là Phật thừa, là trên tất cả và hơn tất cả.

Này Ca Diếp ! Ví như vị đại kiện sĩ khuyên bảo những người nhút nhát theo mình rằng : Các người phải học tập bắn cung múa kiếm như thế này, phải có dạn dĩ đừng khiếp sợ, xem ai cũng yếu kém chỉ có mình là mạnh mẽ. Nếu có kẻ vốn hèn yếu giả là lực sĩ mang cung đeo kiếm đến dọa nạt hò hét, người chớ lo sợ, kẻ dôi giả ấy thấy người không có vẻ kinh hãi tất sẽ tự rút lui không dám khuấy phá, như con chó gian trộm kia.

Này Ca Diếp ! Cũng thế, đức Như Lai bảo hàng Thanh Văn chớ sợ ma Ba Tuần. Nếu ma Ba Tuần hiện hình Phật đến trước các ông, thời các ông phải tinh tấn gìn chánh niệm cho vững chắc, ma kia tất lo sầu mà bỏ đi.

Này Ca Diếp ! Như vị đại kiện sĩ không bắt chước ai, người học Đại thừa cũng vậy. Khi được nghe các kinh điển thâm mật, lòng họ vui thích không hề kinh sợ. Vì người tu học Đại thừa ấy từ trước đã từng cúng dường, cung kính, lễ bái vô lượng muôn ức đức Phật. Dầu có vô số loài ma muốn đến phá khuấy, cũng không chút kinh sợ.

Ví như người được thuốc A già đà thời không sợ tất cả rắn độc, và sức thuốc ấy cũng trừ được tất cả chất độc. Kinh điển Đại thừa cũng vậy, không sợ tất cả loài ma độc mà lại có thể hàng phục loài ma, không cho nó làm quấy.

Này Ca Diếp ! Ví như loài độc long lúc muốn hại ai, hoặc lấy mắt độc nhìn, hoặc dùng miệng hà hơi độc. Tất cả muông thú sụ tử, cạp, sói đều kinh sợ độc long, nếu suông nhằm hơi độc thời đều bị hại. Có người giỏi thần chú có thể điều phục loài độc long cùng các ác thú, dùng làm con vật để cỡi. Cũng vậy, người học Đại thừa thấy hàng Thanh Văn sợ những sự làm hại của ma Ba Tuần, đối với pháp Đại thừa không chịu tin, bèn dùng phương tiện hàng phục loài ma trước, rồi như đó rộng nói các môn diệu pháp. Hàng Thanh Văn kia thấy đã hàng phục được loài ma nên hết sợ, mới có lòng tin đối với chánh pháp Vô thượng của Đại thừa, và bảo nhau rằng : Từ nay trở đi, ở nơi trong pháp Đại thừa chúng ta chớ có làm chướng ngại.

Này Ca Diếp ! Hàng Thanh Văn cùng Duyên Giác rất sợ phiền não. Người học Đại thừa đều không sợ phiền não. Vì người học Đại thừa có oai lực như vậy, nên lời ta nói trước chính là để khuyến khích hàng Thanh Văn cùng Duyên Giác điều phục các loài ma, chớ chẳng phải nói với người học Đại thừa.

Kinh điển vi diệu Đại Niết Bàn đây rất kỳ lạ, rất đặc biệt. Nếu có người được nghe mà kính tin thọ trì cùng tin chắc Như Lai là pháp thường trụ, thời người này rất là hi hữu như hoa Ưu đàm. Sau khi Như Lai vào Niết Bàn, nếu có người được nghe kinh điển vi diệu Đại thừa này mà sanh lòng kính tin, nên biết người này trăm ngàn ức kiếp về sau không bị sa vào ác đạo.

Này Ca Diếp ! Sau khi ta vào Niết Bàn, sẽ có vô lượng chúng sanh chẳng tin và chê bai kinh điển vi diệu Đại Niết Bàn này.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Sau khi Phật diệt độ chừng bao lâu sẽ có hạng người chê bai ấy ? Và có bậc thuận thiện nào cứu vớt được kẻ chê bai ấy chăng ?".

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Sau khi ta vào Niết Bàn trong khoảng bốn mươi năm, kinh này sẽ được lưu bố rộng trong cõi Diêm Phù Đề, rồi sau sẽ ẩn mất trong đất.

Này Ca Diếp ! Như xứ nào có gạo thơm, mía, đường, sữa, đề hồ, người xứ ấy tất cho các thực phẩm ấy là món ăn ngon nhất. Nếu chốn nào mà người bốn xứ chỉ ăn ròng những gạo hẩm, hột cỏ, tất họ cũng sẽ cho món họ ăn là ngon nhất, vì đây là những người bạc phước, nghiệp báo của họ khiến như vậy. Nếu là người có phước đức lớn, thời chỉ hưởng những thực phẩm quý : cơm ngon, mía, đường, sữa, đề hồ, trọn đời không nghe đến tên cơm hẩm, hột cỏ.

Cũng vậy, đối với kinh điển vi diệu Đại Niết Bàn đây, hàng Nhị thừa độn căn bạc phước chẳng ưa chẳng thích, còn người học Đại thừa thời kính tin vui mừng khi đã được nghe.

Này Ca Diếp ! Ví như có một vị Quốc vương ở trong núi hiểm trở, dầu có mía, đường, gạo, nếp, nhưng vì khan hiếm nên không dám ăn, cứ lo chứa cất, mà chỉ ăn những rau cỏ. Vua nước láng giềng nghe biết vừa thương vừa cười, bèn cho xe chở gạo, nếp, mía, đường sang biếu tặng. Quốc vương được tặng phẩm liền phân phát cho nhơn dân của nước cùng ăn. Nhơn dân được ăn đều vui mừng và nói rằng nhờ vua láng giềng mà chúng ta được món ăn rất ngon lạ.

Này Ca Diếp ! Bốn hạng người y chỉ trên đây cũng vậy, là đại tướng của pháp Đại thừa Vô thượng. Trong bốn hạng người này, hoặc có một người thấy

xứ khác có vô lượng Bồ Tát đầu học kinh điển Đại thừa, hoặc biên chép, hoặc khuyên bảo người biên chép, nhưng vì lợi dưỡng, vì danh vị, vì tự độ, vì y chỉ, nên đem đổi các kinh điển khác, mà không đem pháp Đại thừa tuyên dạy cho mọi người, bèn đem kinh Đại Niết Bàn gởi tặng cho các vị Bồ Tát ấy, cho các vị này phát tâm và an trụ nơi đạo Bồ Đề Vô Thượng. Vị Bồ Tát ấy khi được kinh này rồi, liền đem tuyên dạy lại mọi người, làm cho vô lượng chúng sanh đặng lãnh thọ pháp vị Đại thừa, mọi người đều nhờ nơi sức của một vị Bồ Tát này mà được nghe thứ kinh vi diệu chưa từng nghe. Như nhơn dân trong nước kia, nhờ sức vua mà được hưởng các thức ăn ngon lạ.

Này Ca Diếp ! Phàm chỗ nào có kinh điển vi diệu Đại Niết Bàn này lưu bố, phải biết chốn ấy là kim cang, người ở chỗ ấy cũng như kim cang. Người được nghe kinh này thời chẳng thôi chuyển nơi đạo Vô thượng Chánh giác, đều được thành tựu những điều mong muốn. Như những điều mà Như Lai đã tuyên nói đây, chư Tỳ Kheo phải khéo thọ trì. Chúng sanh nào không nghe được kinh điển này thời thật là hạng đáng thương hại, vì họ không thọ trì được nghĩa lý sâu xa của kinh điển Đại thừa như thế này".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Sau khi Như Lai diệt độ, trong khoảng bốn mươi năm, kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này sẽ rộng truyền

ở cõi Diêm Phù Đề, qua thời gian ấy sẽ ẩn mất vào đất. Vậy chẳng biết chừng nào kinh này sẽ lại xuất hiện ?".

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Lúc chánh pháp của Như Lai còn thừa tám mươi năm, bốn mươi năm đầu là thời gian mà kinh này lại được thanh truyền".

Ca Diếp Bồ Tát lại thưa : "Bạch Thế Tôn ! Lúc chánh pháp diệt, chánh giới hư, phi pháp tăng trưởng, chúng sanh tệ ác, thời ai là người có thể nghe hiểu thọ trì, đọc tụng nhuần thuộc, cùng cúng dường cung kính biên chép giải nói kinh điển Đại thừa này. Mong Như Lai xót thương chỉ bảo, cho các hàng Bồ Tát được bực bất thối tâm Vô Thượng Bồ Đề."

Phật khen : "Lành thay ! Lành thay ! Này Ca Diếp ! Chúng sanh nào đã từng phát tâm Bồ Đề ở chỗ chư Phật nhiều bằng số cát của một sông Ni Liên mới có thể nơi đời ác thọ trì kinh điển như thế này mà không phi báng.

Chúng sanh nào được phát tâm Bồ Đề nơi chư Phật bằng số cát của một sông Hằng, vậy sau mới có thể ở trong đời ác ưa thích pháp Đại thừa này, nhưng chẳng thể giảng giải cho mọi người. Chúng sanh nào từng ở trước chư Phật bằng số cát của hai sông Hằng phát tâm Bồ Đề, mới có thể ở trong đời ác chẳng phi báng kinh này, mà tin hiểu chơn chánh cùng ưa thích thọ trì, đọc tụng, nhưng cũng

chẳng thể giảng rộng cho người. Chúng sanh phát tâm Bồ Đề nơi chư Phật bằng số cát của ba sông Hằng, mới có thể ở đời ác tin hiểu, thọ trì, đọc tụng và giảng nói kinh này, nhưng chưa hiểu thâm nghĩa. Chúng sanh phát tâm Bồ Đề nơi chư Phật bằng số cát của bốn sông Hằng, mới có thể ở đời ác tin ưa đọc tụng kinh này và giảng nói một phần trong mười sáu phần thâm nghĩa. Chúng sanh phát tâm Bồ Đề nơi chư Phật bằng số cát của năm sông Hằng, mới có thể ở đời ác giảng nói tám phần trong mười sáu phần thâm nghĩa của kinh này. Chúng sanh phát tâm Bồ Đề nơi chư Phật bằng số cát trong sáu sông Hằng, mới có thể ở đời ác giảng nói mười hai phần trong mười sáu phần thâm nghĩa của kinh này. Chúng sanh phát tâm Bồ Đề nơi chư Phật bằng số cát trong bảy sông Hằng, mới có thể ở đời ác giảng nói mười bốn phần trong mười sáu phần thâm nghĩa của kinh này. Và chúng sanh phát tâm Bồ Đề nơi chư Phật bằng số cát của tám sông Hằng, ở đời ác, mới có thể tự mình và khuyên người đối với kinh này tin ưa đọc tụng, biên chép, thọ trì, cúng dường cung kính, và hiểu thấu tất cả nghĩa vị, tức là Như Lai thường trụ chẳng dời, rốt ráo an vui, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, người này khéo biết các pháp tạng của Như Lai, cúng dường vô lượng chư Phật, kiến lập chánh pháp Vô thượng và thọ trì ủng hộ.

Nếu có người mới phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, phải biết rằng đời vị lai, người này ắt có thể kiến lập và thọ trì ủng hộ chánh pháp như thế này.

Này Ca Diếp ! Có hạng ác Tỳ Kheo nghe Như Lai vào Niết Bàn chẳng những không lo buồn mà còn mừng rỡ rằng : Từ nay về sau không ai ngăn chế kiềm thúc, ngày Như Lai còn ở đời thời cấm giới cao nghiêm, nay đã vào Niết Bàn sẽ giải bỏ tất cả, Ca Sa vốn là pháp thức nay cũng sẽ dẹp bỏ như lá phan trên cây. Hạng Tỳ Kheo ấy chê bai chống cự kinh điển Đại thừa này.

Này Ca Diếp ! Nay ông phải ghi nhớ như vậy. Nếu có chúng sanh trọn nên đầy đủ vô lượng công đức, mới có thể tin kinh điển Đại thừa này, tin rồi thọ trì. Những chúng sanh nào ưa thích pháp Đại thừa, nên vì họ mà giảng giải kinh này. Họ được nghe kinh này, thời bao nhiêu nghiệp ác đã tạo ra từ vô lượng kiếp trước thảy đều tiêu trừ. Nếu kẻ nào không tin kinh điển này, thời hiện thân sẽ bị vô lượng bệnh khổ não hại, phần nhiều bị người trách mắng, sau khi chết, sẽ thọ thân hình xấu xí, nghèo thiếu, bị người khinh tiện, đời đời sanh trong nhà bần cùng hà tiện tà kiến, thường bị tai nạn đao binh, hình pháp, giặc cướp, oán thù làm hại, không được gặp gỡ bạn lành, hằng ngày đói khát, không chịu tin nghe lời chơn chánh, lời hay phải. Những kẻ ấy không bao giờ được đến chỗ lành ở

cõi trời, cõi người, như chim gãy cánh không bay cao được.

Nếu người nào kính tin kinh điển này, thời dẫu đã mang thân hình thô kệch xấu xa, do công đức của kinh, sẽ được xinh tốt, sắc lực oai nhan ngày ngày thêm hơn, thường được trời người mến ưa. Người này có nói ra lời chi, ai nghe đến đều kính tin cả. Trong hàng Thanh Văn đệ tử của Như Lai, nếu vị nào muốn thi hành việc hi hữu nhưt, thời nên tuyên rộng kinh điển Đại thừa như đây.

Này Ca Diếp ! Như sương mù kia chỉ có thể tồn tại đến lúc mặt trời mọc. Khi mặt trời đã mọc, sương mù sẽ tiêu tan. Bao nhiêu nghiệp ác của chúng sanh, thế lực nó sẽ phải tiêu diệt khi được thấy mặt trời Đại thừa Đại Niết Bàn này.

Này Ca Diếp ! Như có người mới xuất gia cạo tóc đắp ca sa vẫn chưa thọ mười giới Sa di, có tín thí Trưởng giả đến thỉnh chúng Tăng, người ấy cùng đại chúng đồng đi thọ trai, dẫu chưa thọ giới mà đã vào số chư Tăng.

Cũng vậy, nếu có chúng sanh nào phát tâm mới học kinh Đại thừa Đại Niết Bàn, biên chép đọc tụng, người này dẫu chưa đầy đủ công đức bằng bực Thập Địa Bồ Tát, nhưng đã được dự trong các số các bực Thập Trụ Bồ Tát. Nếu có chúng sanh nào hoặc là đệ tử Phật, hoặc không phải đệ tử Phật, hoặc vì tham

vì sợ, hoặc vì lợi dưỡng mà nghe học thọ trì kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này nhân đến một bài kệ, kính tin không hủy báng, phải biết người này thời là đã được gần Vô Thượng Bồ Đề.

Này Ca Diếp ! Vì nhơn duyên trên đây, nên Như Lai nói bốn hạng người trước kia là chỗ nương tựa của thế gian. Bốn hạng người ấy không bao giờ đem lời Phật dạy, nói là không phải của Phật. Vì thế nên Như Lai nói bốn hạng người ấy là chỗ nương tựa của thế gian. Ông phải cúng dường bốn hạng người ấy".

Ca Diếp Bồ Tát thưa : "Bạch Thế Tôn ! Con làm thế nào biết được hạng người ấy để cúng dường ?".

Phật dạy : "Nếu có người nào kiến lập hộ trì chánh pháp, thời phải thỉnh hỏi và xả thân cúng dường người ấy. Như ta từng nói nơi kinh Đại thừa này :

Có ai biết chánh pháp
 Không luận già hay trẻ
 Đều nên phải cúng dường
 Cung kính và lễ lạy
 Như hàng Bà La Môn
 Chí thành thờ thần lửa.
 Và như các thiên thần
 Cung kính trời Đế Thích.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Như lời Phật dạy cúng dường bực Sư trưởng chính phải như vậy. Nay con có chỗ nghi, xin Như Lai giảng giải. Nếu có vị trưởng túc giới hạnh tinh nghiêm đến học hỏi với người trẻ tuổi, thời có phải lễ kính chăng ? Nếu lễ kính thời đâu gọi là trì giới. Hoặc người tuổi trẻ tinh nghiêm giới luật đến học với vị trưởng túc phá giới, có nên lễ kính chăng ? Hoặc người xuất gia đến học với người tại gia thời có nên làm lễ chăng ? Nhưng người xuất gia không nên lễ kính người tại gia. Và trong giáo pháp của Phật, người trẻ tuổi phải cung kính bực trưởng túc cao niên, vì bực trưởng túc thọ giới cụ túc trước, đã thành tựu oai nghi. Như Lai từng bảo rằng người phá giới không được dung thọ ở trong Phật pháp, như đám cỏ ở trong thửa ruộng tốt. Như Lai lại nói có ai biết chánh pháp, không luận là già trẻ, phải cúng dường người ấy như Thiên thần kính thờ trời Đế Thích. Các lời dạy trên có chỗ trái nhau, xin Như Lai giải thích cho. Như Phật từng nói thầy Tỳ Kheo trì giới cũng có chỗ sai phạm. Duyên có gì mà Như Lai nói lời ấy. Trong các kinh khác, Thế Tôn cũng có nói cho trị tội kẻ phá giới. Những lời dạy ấy chưa được trọn nghĩa".

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Bài kệ vừa rồi là Như Lai vì chư Bồ Tát học Đại thừa sau này mà nói, chớ chẳng phải nói với hàng Thanh Văn đệ tử.

Này Ca Diếp ! Như lời của Như Lai đã nói, lúc chánh pháp diệt, thời kỳ chánh giới bị hủy hoại tăng trưởng sự phá giới, chớ chẳng phải lúc chánh pháp hưng thịnh. Lúc mà tất cả Thánh nhân không hiện, lúc mà hạng xuất gia nhận và chứa tội trai tố gái cùng vật bất tịnh, trong bốn hạng người trên sẽ có một người hiện ra nơi đời cạo bỏ râu tóc xuất gia học đạo, thấy chư Tỳ Kheo không biết vật tịnh cùng bất tịnh, cũng không hiểu là luật hay phi luật, vì muốn điều phục họ nên cùng họ hòa quang, nhưng không tội lỗi như họ. Người này khéo phân biệt chỗ làm của mình cùng chỗ làm của Phật. Dầu thấy các người phạm tội Ba la di, vẫn im lặng không cử tội.

Này Ca Diếp ! Người này vì hộ trì chánh pháp nên dầu có chỗ phạm luật mà không gọi là phá giới. Như có vị Quốc vương phải bệnh chết, Thái tử còn thơ ấu chưa có thể nối ngôi. Có người Chiên đà la giàu có, quyến thuộc đông, thừa dịp soán ngôi, tự lên làm vua. Trong nước, các hàng cư sĩ, Bà La Môn, phần nhiều trốn sang nước khác. Người ở lại cũng ẩn tránh không muốn thấy mặt vua ấy. Vua Chiên đà la hay nhiều người trong nước bỏ sang nước khác, bèn truyền lệnh rằng nếu có vị Bà La Môn nào có thể vì nhà vua mà làm thầy chủ lễ tôn vương, thời nhà vua sẽ chia đôi cõi nước cho cai trị. Mọi người nói với nhau bao giờ có người đồng Bà La Môn lại đi chủ lễ tôn vương cho một gã Chiên đà la. Vua

thấy không có vị Bà La Môn nào ra mặt cả, bèn xuống lệnh nếu trong hàng Bà La Môn không một ai chịu ra làm thầy cho nhà vua, thời nhà vua tất sẽ buộc các người Bà La Môn cùng ở chung, làm việc chung với người Chiên đà la.

Còn nếu ai chịu chủ lễ tôn vương thời nhà vua quyết chia đôi cõi nước để phong thưởng, cho đến thuốc cam lộ bất tử của cõi trời Đao Lợi do sức thần chú cầu được, nhà vua cũng sẽ chia đều cho người ấy.

Bấy giờ có một người Ba La Môn tuổi trẻ, đức hạnh thanh tịnh, giỏi về chú thuật ra lãnh làm chủ lễ tôn vương cho vua Chiên đà la. Nhà vua y lời hứa chia nước làm đôi, cùng Bà La Môn trẻ đồng cai trị. Hàng Bà La Môn đều giận trách người ấy : Người là dòng Bà La Môn sao lại đi làm thầy cho gã Chiên đà la ?

Ít lâu sau, Bà La Môn trẻ bảo vua rằng : "Tôi bỏ phép của dòng tôi đến làm thầy cho nhà vua, và dạy cho vua chú thuật vi mật. Nhưng đến ngày nay, nhà vua vẫn chưa thương tưởng đến tôi". Vua hỏi có. Bà La Môn trẻ đáp : "Nhà vua chưa cho tôi cùng được uống thuốc cam lộ bất tử của Tiên vương". Vua bảo : "Phải lắm quả hơn thiệt không biết, nếu Đại sư cần thời lấy mà dùng". Bà La Môn trẻ đem thuốc cam lộ về nhà mời các đại thần đến cùng chia nhau uống. Vua được tin ấy bèn nói với Bà La Môn trẻ rằng :

"Sao Đại sư cùng các đại thần uống thuốc cam lộ mà không chia phần cho quả nhơn". Bà La Môn trẻ dung thuốc độc cho vua. Nhà vua uống xong say mê như người chết. Bấy giờ Bà La Môn trẻ liền lập Thái tử con Tiên vương lên ngôi, mà xưng lên rằng : "Theo phép ngai vàng không bao giờ hạng người Chiên đà la được ngự. Từ xưa đến nay tôi chưa từng nghe thấy dòng Chiên đà la làm vua, phải tôn Thái tử lên ngôi để chặn dân trị nước". Sau khi sắp đặt việc triều chính xong, Bà La Môn trẻ giải độc cho Chiên đà la rồi đuổi ra khỏi nước. Bà La Môn trẻ dầu hành động các việc như trên nhưng vẫn không mất pháp Bà La Môn. Bấy giờ người trong nước, hàng cư sĩ và Bà La Môn đều khen ngợi việc làm ấy và đều kính trọng Bà La Môn trẻ.

Này Ca Diếp ! Sau khi Như Lai vào Niết Bàn, hàng Bồ Tát hộ trì chánh pháp, phương tiện giả đồng sự với các Tỳ Kheo phá giới. Nếu thấy có người dầu phạm giới nhiều, nhưng có thể trị các ác Tỳ Kheo, Bồ Tát liền đến cúng dường kính lễ người ấy, vì việc cúng dường nên phải cầu xin với nhà đàn việt và cất chứa vật bất tịnh.

Mặc dầu Bồ Tát cung kính lễ bái cúng dường người ấy và chứa vật bất tịnh, nhưng vẫn không có tội lỗi, vì là phương tiện để tấn trị các ác Tỳ Kheo, cho Tăng chúng thanh tịnh được an ổn và lưu bố kinh điển Đại thừa, làm lợi ích cho trời cho người.

Này Ca Diếp ! Vì duyên do ấy, nên Như Lai nói hai bài kệ trước kia để bảo các Bồ Tát khen ngợi người hộ pháp. Như hàng cư sĩ và Bà La Môn ngợi khen Bà La Môn trẻ. Nếu có ai thấy người vì hộ pháp mà cùng đồng sự với các Tỳ Kheo phá giới, rồi nói là có tội, thì phải biết kẻ ấy tự chuốc lấy họa hại. Người hộ pháp kia thiệt không có tội.

Này Ca Diếp ! Nếu có Tỳ Kheo phạm cấm giới rồi tự kiêu mạn không sám hối, phải biết đó chính là người thiệt phá giới. Bồ Tát vì hộ pháp nên mặc dầu có chỗ sai phạm, nhưng không kiêu mạn chịu sám hối, nên không gọi là phá giới. Vì có ấy nên Như Lai nói trong kinh :

Có ai biết chánh pháp
Không luận già hay trẻ
Đều nên phải cúng dường
Cung kính và lễ lạy
Như hàng Bà La Môn
Chí thành thờ thần lửa.
Và như các Thiên Thần
Cung kính trời Đế Thích.

Lời kệ trên đây là Như Lai vì các Bồ Tát học Đại thừa mà nói, chớ chẳng phải nói với hạng người học pháp Thanh Văn".

Ca Diếp Bồ Tát thưa : "Bạch Thế Tôn ! Các vị Bồ Tát như thế ở nơi giới rất là huyên đãi. Giới của các vị ấy đã thọ có còn đủ chăng ?".

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Nay ông không nên nói như vậy. Vì giới của các vị ấy đã thọ vẫn đủ không mất. Giả sử có sai phạm liền phải sám hối. Sám hối xong thời được thanh tịnh.

Này Ca Diếp ! Như bờ đê cũ có lỗ hở trống thời nước rịn chảy, vì không người sửa sang. Nếu được sửa sang thời nước không rịn chảy. Cũng thế, các vị Bồ Tát dầu cùng kẻ phá giới đồng sự, nhưng ở nơi giới đã thọ vẫn không hư mất. Vì nếu không có người thanh tịnh trì giới thời Tăng chúng sẽ tổn giảm, ngày càng lười trễ. Nếu có người trì giới thanh tịnh thời giới đã thọ được đầy đủ không mất.

Này Ca Diếp ! Đối với "Thừa", mà huyên đãi mới gọi là huyên đãi, còn huyên đãi nơi "Giới" không gọi là huyên đãi. Các vị Bồ Tát không trễ lười nơi Đại thừa, đây gọi là giới căn bản. Các vị ấy vì hộ trì chánh pháp nên dùng nước Đại thừa mà tự tắm gội. Vì thế nên Bồ Tát dầu hiện ra sự phá giới nhưng không gọi là huyên đãi".

Ca Diếp Bồ Tát thưa : "Trong chư Tăng có bốn hạng người, như trái Am la khó phân biệt trái sống trái chín. Làm thế nào biết được người trì giới cùng người phá giới ?".

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Như nơi kinh điển vi diệu Đại Niết Bàn thời dễ biết. Ví như nông phu gieo mạ cấy lúa, cày bừa hết cỏ, cứ mắt thịt xem thời gọi thửa ruộng sạch. Đến mùa bông trái thời lúa cùng cỏ khác nhau. Tắm việc như vậy hay làm như nhóp chúng Tăng, nếu trừ được thời dùng mắt thịt cũng biết là thanh tịnh. Hoặc khi trì giới hay phá giới mà không tác ác, dùng mắt thịt khó biện biệt được, lúc việc ác lộ bày thời dễ thấy biết. Như loại cỏ dễ nhận được. Cũng vậy, trong chúng Tăng nếu có thể xa lìa nơi tám pháp bất tịnh, thời gọi là Thánh chúng thanh tịnh, là phước điền, đáng được cõi trời cõi người cúng dường, quả báo thanh tịnh dùng mắt thịt không thể biện biệt.

Này Ca Diếp ! Như rừng Ca la ca rất rậm rạp nhiều cây. Trong rừng này chỉ có một cây Trán đầu ca. Trái của hai thứ cây này rất giống nhau khó biện biệt được. Đến mùa trái chín, một thiếu nữ lượm cả hai thứ, một phần trái Trán đầu ca, mười phần trái Ca la ca đem ra chợ bán. Các trẻ nít ngu dại mua lầm trái Ca la ca, ăn xong phải độc mà chết. Hàng thức giả nghe được việc ấy, liền hỏi thiếu nữ lượm những trái này ở nơi nào ? Thiếu nữ nói là lượm ở rừng Ca la ca. Thức giả bảo trong rừng ấy toàn là cây Ca la ca chỉ có một cây Trán đầu ca thôi. Mọi người biết rõ đều chê cười rồi bỏ đi.

Này Ca Diếp ! Tám pháp bất tịnh trong chư Tăng cũng vậy. Trong chư Tăng phần đông đều thọ dụng tám thứ bất tịnh ấy, chỉ có một người trì giới thanh tịnh không thọ tám thứ bất tịnh, và biết đại chúng thọ dụng phi pháp, nhưng vẫn đồng sự không xa tránh, như cây Trần đầu ca đứng giữa rừng Ca la ca. Có Ưu Bà Tắc thấy phần đông phi pháp và chẳng cung kính cúng dường vị thanh tịnh này. Nếu muốn cúng dường nên trước hỏi bạch Đại Đức, tám việc như vậy có nên nhận và chứa không ? Phật có cho phép không ? Nếu nói là Phật cho phép, thời người nhận chứa ấy đặng cùng chung bố tát, yết ma, tự tứ không ? Đại chúng đáp rằng : Tám việc ấy, đức Như Lai xót thương thảy đều cho phép chứa. - Ưu Bà Tắc nói : Trong Tịnh xá Kỳ Hoàn, hoặc có Tỳ Kheo nói Phật cho phép chứa vàng bạc, hoặc có Tỳ Kheo nói Phật không cho phép. Người nói là Phật cho phép, thời người nói Phật không cho phép chẳng chịu ở chung, chẳng đồng thuyết giới, tự tứ, nhĩ đến không chịu cùng uống nước một con sông, chẳng chịu chung hưởng vật lợi dưỡng. Sao các Ngài lại bảo là Phật cho phép ? Phật là đấng trời trong hàng trời, dầu cho Phật có nhận các thứ ấy, chư Tăng các Ngài cũng chẳng nên chứa cất. Nếu vị nào nhận chứa thời không nên đồng sự, chẳng nên cùng thuyết giới, tự tứ, yết ma. Nếu chung cùng, sau khi chết sẽ đọa vào địa ngục, như kẻ phải chết vì ăn lầm trái Ca la ca.

Này Ca Diếp ! Như nơi chợ có người bán thuốc, bán cả thuốc quý Tuyết Sơn cùng nhiều thứ thuốc độc khác, mùi vị đều giống nhau. Người mua không rành mặt thuốc hỏi mua thuốc Tuyết Sơn. Người bán dôi trá lấy các thứ thuốc độc đưa ra. Người mua nhận lầm là thiệt nên trả tiền mang thuốc đi và mừng thầm rằng đã mua được thuốc quý Tuyết Sơn.

Này Ca Diếp ! Trong chư Tăng Thanh Văn có giả danh Tăng, có chơn thiệt Tăng và hòa hiệp Tăng, hoặc trì giới, hoặc phá giới. Đối với trong đại chúng ấy, phải bình đẳng cúng dường cung kính lễ bái, vì với mắt thịt, hàng Ưu Bà Tắc chẳng phân biệt được vị nào trì giới, vị nào phá giới, ai là chơn thiệt Tăng, ai là giả danh Tăng, như người mua thuốc không phân biệt được thuốc quý Tuyết Sơn. Người có thiên nhãn mới có thể biết rõ.

Này Ca Diếp ! Nếu Ưu Bà Tắc biết rõ là Tỳ Kheo phá giới thì chẳng nên cung cấp lễ bái cúng dường. Nếu biết Tỳ Kheo nhận và chứa tám vật bất tịnh, cũng lại chẳng nên cung cấp lễ bái cúng dường. Nếu trong chư Tăng có người phá giới, chẳng nên vì đắp ca sa mà cung kính lễ bái".

Ca Diếp Bồ Tát thưa : "Bạch Thế Tôn ! Lành thay ! Lành thay ! Lời Phật dạy chơn thật không hư, con sẽ trân trọng tuân theo, xem như bảo vật kim cang.

Như lời Phật dạy : Các Tỳ Kheo phải y theo bốn điều : Y theo pháp không y theo người, y theo nghĩa không y theo lời, y theo trí không y theo thức, y theo kinh liễu nghĩa không y theo kinh chẳng liễu nghĩa. Bốn pháp như vậy, nên phải chứng biết không phải bốn hạng người".

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Y theo pháp đó chính là Như Lai Đại Bát Niết Bàn, tất cả Phật pháp tức là Pháp tánh. Pháp tánh ấy tức là Như Lai. Thế nên Như Lai thường trụ không biến đổi. Nếu ai bảo rằng Như Lai vô thường, người này không biết không thấy pháp tánh. Nếu là người không biết không thấy pháp tánh thì không nên nương tựa. Như trên đã nói bốn hạng người hiện ra nơi đời hộ trì chánh pháp nên phải chứng biết để mà y chỉ. Vì các vị này khéo hiểu biết pháp tạng thâm áo vi mật của Như Lai, biết rõ Như Lai thường trụ không biến đổi. Không bao giờ Như Lai vô thường biến đổi. Bốn hạng người này có thể gọi là Như Lai, vì hiểu được và nói được mật ngữ của Như Lai. Nếu có người biết được pháp tạng thâm mật, và biết Như Lai thường trụ không biến đổi, người này chẳng bao giờ vì lợi dưỡng mà nói Như Lai là vô thường. Còn nên y chỉ với người này huống là chẳng y chỉ với bốn bậc trên.

Y chỉ nơi pháp tức là Pháp tánh, không y chỉ với người tức là hàng Thanh Văn. Pháp tánh tức

là Như Lai, Thanh Văn tức là hữu vi. Như Lai tức là thường trụ, hữu vi tức là vô thường.

Này Ca Diếp ! Nếu là người phá giới vì lợi dưỡng mà nói Như Lai là vô thường biến đổi, thời không nên nương tựa với người ấy.

Trên đây là định nghĩa "Y theo pháp không y theo người".

Y theo nghĩa không y theo lời là thế nào ?

Này Ca Diếp ! Nghĩa là giác liễu, nghĩa giác liễu là nghĩa không thiếu sót tức là nghĩa đầy đủ. Nghĩa đầy đủ là Như Lai, Pháp cùng Tăng đều thường trụ chẳng biến đổi. Đó là y theo nghĩa. Còn những lời gì chẳng nên y theo ? Tức là các bộ luận trau chuốt lời văn. Như Phật từng bảo rằng có rất nhiều thứ kinh điển tham cầu không biết nhàm, gian dối đua bợ, bày nhiều cách để cầu lợi, làm việc cho kẻ bạch y, lại xưng rằng đức Phật cho phép thầy Tỳ Kheo nuôi tôi trai tố gái, các vật bất tịnh như vàng, bạc châu báu, lúa gạo kho đụn, trâu dê voi ngựa, cùng buôn bán lấy lời. Nơi đời cơ cấn Phật vì thương đệ tử nên cho phép Tỳ Kheo chứa đồ ăn cũ, để cách đêm, tự tay nấu nướng, không lãnh thọ mà ăn. Không nên y theo những lời như thế.

Y theo trí không y theo thức là thế nào ?

Này Ca Diếp ! Trí tức là Như Lai. Nếu có hàng Thanh Văn chẳng khéo rõ biết công đức của Như

Lai, đó là "Thức" không nên y theo. Nếu rõ biết Như Lai tức là Pháp thân, đó là chơn trí nên phải y theo. Nếu thấy thân phương tiện ứng hóa của Như Lai mà nói là thuộc về âm giới nhập, do ăn mà được sống được lớn, sự nhận xét này là "Thức" cũng chẳng nên y theo. Người cùng kinh điển nói những điều ấy đều chẳng nên y theo.

Thế nào là y theo kinh liễu nghĩa mà không y theo kinh chẳng liễu nghĩa ? Hàng Thanh Văn nghe đến chỗ tạng pháp thâm mật của Như Lai đều nghi ngờ, không hiểu pháp ấy từ nơi biển đại trí huệ mà có ra. Khác nào những đứa trẻ thơ không hiểu biết xa rộng. Đây gọi là chẳng liễu nghĩa. Còn bực Bồ Tát có trí huệ chơn thật, theo trí lớn vô ngại nơi tự tâm, như người tuổi tác hiểu biết xa rộng. Đây gọi là liễu nghĩa. Lại Thanh Văn thừa là không liễu nghĩa. Vô thượng Đại thừa mới gọi là liễu nghĩa. Nếu nói Như Lai vô thường biến đổi thời gọi là chẳng liễu nghĩa. Còn nói Như Lai thường trụ không biến đổi thời gọi là liễu nghĩa. Lời của Hàng Thanh Văn nên chứng biết, gọi là chẳng liễu nghĩa. Lời của Bồ Tát nên chứng biết, gọi là liễu nghĩa. Nếu nói Như Lai nhờ sự ăn mà sống còn, đó là lời không liễu nghĩa. Nếu nói Như Lai thường trụ không biến đổi, đây gọi là lời liễu nghĩa. Nếu nói Như Lai nhập Niết Bàn như củi hết lửa tắt, đó là lời không liễu nghĩa. Nếu nói Như Lai nhập pháp tánh, đây là lời liễu nghĩa.

Giáo pháp của Thanh Văn thừa, thời không nên nương tựa vì Như Lai muốn độ chúng sanh nên phương tiện nói ra pháp Thanh Văn thừa, như ông Trưởng giả đem bán tự dạy cho con.

Này Ca Diếp ! Thanh Văn thừa như mới cày bừa chưa có hạt trái, gọi là chẳng liễu nghĩa, vì thế chẳng nên nương theo Thanh Văn thừa. Phải nương theo pháp Đại thừa. Vì Như Lai muốn độ chúng sanh mà phương tiện nói pháp Đại thừa. Pháp Đại thừa là liễu nghĩa, là chỗ nên nương tựa.

Trên đây là bốn điều nên y theo, cần phải chứng biết.

Lại nữa, "Nghĩa" đáng y theo gọi là chất trực. Chất trực gọi là sáng suốt. Sáng suốt gọi là không kém thiếu. Không kém thiếu gọi là Như Lai. Sáng suốt lại gọi là Trí huệ. Chất trực gọi là thường trụ. Như Lai thường trụ, cũng gọi là y theo "Pháp", "Pháp" ấy gọi là thường trụ, cũng gọi là vô biên, bất tư nghị, chẳng có thể chấp trì, chẳng có thể trói buộc, mà cũng có thể chứng thấy. Nếu kẻ nào nói là "Không có thể chứng thấy được pháp", thời không nên y theo kẻ ấy. Vì thế nên theo "Pháp" mà không y theo người.

Nếu có người dùng lời vi diệu tuyên nói vô thường. Không nên y theo những lời này. Vì thế nên y theo "Nghĩa" mà không y theo "Lời".

Còn nhận biết chúng Tăng là thường trụ, là vô vi không biến đổi, chẳng chứa cát tám vật bất tịnh. Đây là y theo "Trí" không y theo "Thức".

Nếu có người nói : Thức làm, thức thọ, không chúng Tăng hòa hiệp. Tại vì sao ? Luận về hòa hiệp gọi là Vô sở hữu. Đã Vô sở hữu sao lại gọi là thường trụ. Đây là tình thức không nên y theo.

Còn liễu nghĩa gọi là tri túc, trọn không dôi hiện oai nghi thanh bạch, không kiêu mạn tự cao tham cầu lợi dưỡng, và đối với trong giáo pháp tùy nghi phương tiện của Như Lai không sanh lòng chấp trước. Nếu vị nào an trụ được trong những điều này, phải biết người ấy đã trụ được nơi đệ nhất nghĩa. Đây gọi là y theo kinh liễu nghĩa.

Như trong kinh nói : Tất cả phùng cháy, tất cả đều khổ, tất cả đều không, tất cả vô ngã. Đây gọi là không liễu nghĩa. Tại vì sao ? Vì không có thể hiểu rõ nghĩa như vậy, hay làm cho chúng sanh phải đọa A Tỳ địa ngục. Do vì chấp trước nên không hiểu thấu ý nghĩa. Với câu "Tất cả phùng cháy", cho rằng Như Lai nói Niết Bàn cũng cháy. Tất cả vô thường thời Niết Bàn cũng vô thường. Khổ, không, vô ngã cũng như vậy. Đây gọi là kinh không liễu nghĩa chẳng nên y theo.

Này Ca Diếp ! Nếu có người nói Như Lai thương xót chúng sanh khéo biết thời nghi. Vì biết thời nghi

nên có lúc Như Lai nói nhẹ là nặng, hoặc nói nặng là nhẹ. Như Lai xét biết hàng đệ tử có các nhà thí chủ cung cấp đồ cần dùng không thiếu, nên Phật không cho nhận và chứa tội tở, vàng bạc của báu, không cho buôn bán đổi chác những vật bất tịnh. Nếu hàng đệ tử không có thí chủ cung cấp, và thời kỳ mất mùa đói kém, vì muốn hộ trì chánh pháp, nên Phật cho nhận và chứa tội tở, vàng bạc, xe cộ, ruộng nhà, gạo thóc, đổi lấy đồ dùng. Dầu cho nhận chứa các thứ ấy, nhưng phải tịnh thí cho nhà đàn việt nhiệt thành tin chánh pháp.

Bốn pháp trên đây nên y theo. Nếu có các thứ kinh, luật cùng luận nào chẳng trái bốn pháp trên đây cũng nên y theo.

Nếu có người bảo : Phải thời nghi hay không phải thời nghi, có thể hộ pháp hay không thể hộ pháp, Như Lai đều cho tất cả Tỳ Kheo nhận và chứa những vật bất tịnh ấy. Đây là những lời không nên y theo. Nếu có những kinh, luật, luận nào mà đồng với những thuyết này cũng chẳng nên y theo.

Như Lai vì người nhục nhãn mà nói bốn điều nên y theo, không phải nói với các vị có huệ nhãn.

Thế nên nay Như Lai nói bốn điều y chỉ như vậy. "Pháp" chính là Pháp tánh. "Nghĩa" chính là Như Lai thường trụ chẳng biến đổi. "Trí" là rõ biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. "Liễu nghĩa" là thấu rõ tất cả kinh điển Đại thừa.

IX

PHẨM TÀ CHÁNH

Thứ chín

(*) Bấy giờ Ca Diếp Bồ Tát thưa : "Bạch Thế Tôn ! Có phải cần y chỉ theo bốn hạng người như trên đã nói chăng ?".

Phật dạy : "Chính thế ! Này Ca Diếp ! Nên phải y chỉ như Như Lai đã nói. Sao lại phải y chỉ với bốn bậc ấy ? Vì rằng có bốn thứ ma".

Ca Diếp Bồ Tát thưa : "Bạch Thế Tôn ! Như lời Phật dạy có bốn thứ ma. Nay con phải làm thế nào để phân biệt là lời của Phật, là lời của ma. Có những chúng sanh chạy theo hạnh ma, cũng có nhiều người thuận theo lời Phật dạy. Phải làm thế nào để biết rành hai hạng ấy ?".

(*) Hán bộ quyển thứ 7

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Sau khi Như Lai vào Niết Bàn bảy trăm năm, ma Ba Tuần sẽ ngăn trở và làm hư hại chánh pháp. Ví như thợ săn thân mặc pháp y, cũng vậy, ma vương Ba Tuần giả hình Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di. Nó cũng hóa làm thân Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán và hóa làm hình Phật. Ma Vương đem thân hữu lậu hóa làm thân vô lậu để làm hư hại chánh pháp. Thời kỳ Ma Vương Ba Tuần làm hư hại chánh pháp, nó sẽ nói rằng xưa kia Bồ Tát ở cung trời Đâu Suất chết, rồi sanh nơi cung vua Bạch Tịnh tại thành Ca Tỳ La Vệ, nương sự ái dục hòa hiệp của cha mẹ sanh dục mà có thân. Không bao giờ có người nào sanh trong loài người mà được đại chúng cõi Trời cõi người tôn kính. Và lại nói rằng xưa kia khổ hạnh bố thí những dầu, mắt, tủy, não, bố thí những vợ, con, quốc thành, nên nay đặng thành Phật, vì thế nên được chư Thiên, chư Thần cùng mọi người cung kính. Nếu có kinh luật nào nói như lời trên đây, phải biết đó là lời của ma.

Này Ca Diếp ! Nếu kinh luật nào nói đức Như Lai hánh giác đã thành Phật từ lâu, vì muốn cứu độ chúng sanh nên nay mới thị hiện thành Phật, và vì tùy thuận theo thế gian nên cũng thị hiện có cha mẹ, như nơi ái dục hòa hiệp mà sanh. Phải biết kinh luật này chính thật là của Như Lai nói.

Nếu ai tin theo lời ma, thời là quyền thuộc của ma. Bằng người nào có thể tùy thuận kinh luật của Phật, người đó là Bồ Tát.

Nếu có chỗ nào nói không nên tin rằng lúc mới sanh, cả bốn phương Như Lai đều đi bảy bước. Phải biết đây là lời của ma. Ai tùy thuận theo lời ma thời là quyền thuộc của ma.

Nếu nói lúc Như Lai mới ra đời cả bốn phương đều đi bảy bước, đó là Như Lai phương tiện thị hiện. Phải biết đây là kinh luật của Như Lai nói. Người nào tùy thuận lời Phật dạy, thời là bực Bồ Tát.

Nếu có chỗ nói khi Bồ Tát giáng sanh, Phụ Vương cho người đem đến miếu thờ trời, tất cả chư Thiên, Thần, như Đại Tự Tại Thiên, Đại Phạm Thiên Vương, Thiên Đế Thích v.v... thảy đều chấp tay lễ chơn Bồ Tát. Đây là lời của Phật. Người thuận theo lời này là bực Bồ Tát.

Nếu gạn rằng : Trời sanh trước, Phật sanh sau, có sao chư Thiên lại lễ kính Phật ? Phải biết lời gạn này là lời của ma Ba Tuần. Nếu ai thuận theo lời gạn này thời là quyền thuộc của ma.

Nếu chỗ nào nói : Lúc làm Thái Tử, vì lòng tham dục, nên Bồ Tát cưới vợ, hưởng thọ khoái lạc nơi chốn thâm cung. Nên biết trên đây là lời của Ma Vương. Người thuận theo đây thời là quyền thuộc của ma.

Nếu nói rằng : Từ lâu, Bồ Tát đã bỏ lìa tâm tham dục, vợ con, cho đến sự vui vi diệu của tam thập tam thiên, như bỏ đờm mũi, huống là sự vui ở cõi người. Bồ Tát cạo bỏ râu tóc, xuất gia hành đạo. Đây là lời Phật nói, là kinh luật của Phật. Người thuận theo đây thời là Bồ Tát.

Nếu có chỗ nói, tại Kỳ Hoàn tịnh xá ở nước Xá Vệ, vì lòng đại tứ thương xót chúng sanh, nên Phật cho các Tỳ Kheo nuôi tôi tớ, voi ngựa, gia súc, chứa vàng bạc châu báu, chợ buôn bán, gieo trồng v.v... Phải biết đây là lời của ma. Ai thuận theo đây thời là quyến thuộc của ma.

Nếu nói rằng, tại nước Xá Vệ nơi tịnh xá Kỳ Hoàn, trước vua Ba Tư Nặc và Cổ Chi Đức Bà La Môn, đức Phật cấm các Tỳ Kheo không được nuôi chứa và làm các điều trên. Người phạm các điều này thời không được ở trong hàng Tỳ Kheo, phải hườn tục, như đám cỏ trong ruộng lúa cần phải nhổ bỏ. Đây chính là kinh, luật của Phật. Người thuận theo đây thời là bực Bồ Tát.

Nếu nói rằng : Thái Tử Bồ Tát thị hiện vào miếu thờ Trời, ở trong pháp ngoại đạo xuất gia tu hành, thị hiện biết tất cả oai nghi lễ tiết, khéo hiểu biết tất cả văn tự kỹ nghệ, thị hiện làm bực tôn quý nhất trong các giai cấp của xã hội, dầu vậy, Bồ Tát chẳng có lòng luyến ái, như hoa sen không nhiễm bùn nhơ. Vì độ chúng sanh nên Bồ Tát phương tiện thị hiện thuận theo

thế pháp. Những lời trên đây là của Phật nói, người thuận theo đây là bực Bồ Tát. Nếu nói trái lại thời là lời của ma cùng quyến thuộc của ma.

Nếu có người cố chấp chín bộ kinh luật mà không chịu tin kinh điển Phương Đẳng Đại thừa, cho rằng không phải của Phật nói, vì trong kinh luật của họ không có nói đến. Phải biết người này có tội, không phải đệ tử của Phật.

Nếu có người tin kinh điển Phương Đẳng Đại thừa, cho rằng vì độ chúng sanh nên Như Lai nói kinh Đại thừa. Người này chính là thật là đệ tử của Phật.

Nếu có chỗ nói, Như Lai không phải là kết quả của vô lượng công đức, là vô thường biến đổi, do chứng pháp không nên tuyên nói lý vô ngã, chẳng thuận với thế gian. Đây là lời của ma, người tin lời này thời là quyến thuộc của ma.

Nếu nói rằng Như Lai là bực Đẳng Chánh Giác không thể nghĩ bàn, là kết quả của vô lượng công đức, là thường trụ không biến đổi. Đây là lời Phật nói, ai thuận theo lời này thời là bực Bồ Tát.

Nếu có Tỳ Kheo thiệt không chỗ được mà dôi hiện tướng đã được, cùng nói được các pháp hơn người, thời phạm tội Ba la di, mất pháp làm người, như viên đá bể hai không còn liền lại được.

Nếu có Tỳ Kheo giới đức trong sạch, ít muốn biết đủ, ở nơi vắng vẻ rảnh rang. Vua quan gặp Tỳ Kheo

cho là bực A La Hán, rồi cung kính khen ngợi rằng đại sư đây sau khi bỏ thân này sẽ chứng quả Vô Thượng Bồ Đề. Tỳ Kheo nghe được liền cải chính là mình chưa chứng quả Thánh và khuyên vua quan chớ nhận lầm. Nhà vua vẫn cố kính tin và loan truyền cho mọi người cùng tôn trọng cúng dường. Tỳ Kheo này thiệt là người giới đức trong sạch nên làm cho mọi người được phước đức lớn. Tỳ Kheo này không phạm tội Ba la di vì tự mọi người sanh lòng kính tin cúng dường. Nếu nói Tỳ Kheo này mắc tội, phải biết đó là lời của ma.

Lại có Tỳ Kheo giảng tuyên giáo điển Đại thừa rất sâu của chư Phật rằng "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, vì có Phật tánh sẽ dứt trừ vô lượng phiền não bèn thành bực Vô thượng Chánh giác, trừ hạng nhứt xiển đề". Nếu có người hỏi Tỳ Kheo : Nhà thầy có Phật tánh chăng ? Sẽ được làm Phật hay không ? Tỳ Kheo đáp : Chính tôi đây quyết định có Phật tánh, còn thành Phật hay không chưa có thể thẩm định. Người lại nói Đại Đức không phải hạng nhứt xiển đề, tất được thành Phật không còn nghi ngờ gì. Tỳ Kheo đáp rằng : "Vâng ! Đúng như lời người đã nói". Dầu Tỳ Kheo này nói quyết định có Phật tánh, mà vẫn không phạm tội.

Lại có Tỳ Kheo lúc xuất gia tự nghĩ rằng : Nay ta quyết định thành bực Vô thượng Chánh giác. Tỳ

Kheo này dầu chưa được thành Phật, nhưng đã được vô lượng vô biên phước đức. Vì xưa kia, trong tám mươi ức kiếp, ta giữ giới trong sạch, ít muốn biết đủ, thành tựu oai nghi, khéo tu vô lượng pháp tạng của chư Phật, thưở ấy ta cũng quyết định rằng mình có Phật tánh, nhờ đó nên nay ta được thành Phật, có đức đại từ bi.

Những điều trên đây là lời Phật nói, nếu ai thuận theo thời là bực Bồ Tát. Còn ai không chịu thuận theo thời là quyến thuộc của ma.

Ma lại sẽ bảo rằng : Không có bốn tội trọng, mười ba tội tăng tàng, hai tội bất định, ba mươi tội xá đọa, chín mươi tội đọa, bốn pháp phải sám hối, các pháp phải học, bảy điều diệt tránh, nhân đến không có tội thô, tội nghịch, nhứt xiển đề. Nếu có Tỳ Kheo phạm các tội đã kể trên đây mà phải đọa địa ngục thời hàng ngoại đạo lẽ ra đều được sanh lên cõi trời cả, vì ngoại đạo không thọ giới, tất không có giới gì mà phạm. Đó là Như Lai muốn khủng bố người nên nói các điều giới ấy. Dầu Như Lai có nói phạm tội Đột kiết la, phải bị đọa vào địa ngục mãi đến tám trăm muôn năm của cõi trời Đao Lợi mới mãn tội, đó cũng là việc thị hiện để khủng bố người. Rằng Ba la di cho đến Đột kiết la, tội nặng tội nhẹ không sai. Đây là các nhà luật sư vọng nói là lời của Phật chế, kỳ thiệt không phải Phật chế như vậy. Tất cả những lời trên đây là điển từ của ma cả.

Có chỗ nói rằng : Ở trong các điều giới, nếu phạm một giới nhỏ, sẽ bị khổ báo trong thời gian rất lâu. Nhận thức như vậy sẽ giữ gìn tự thân như rùa giấu kín sáu chi.

Nếu có luật sư nói rằng : "Phạm chỗ phạm giới đều không tội báo".

Không nên gán gũ luật sư này. Như Phật đã từng dạy :

Nếu nói quá một pháp
 Đây gọi là vọng ngữ,
 Chẳng nhận thấy đời sau
 Không ác nào chẳng tạo.

Do đây, chẳng được thân cận người phủ nhận nhơn quả. Trong chánh pháp của Phật trong sạch như vậy, huống lại có phạm tội Du lan giá hoặc phạm Tăng tàng và Ba la di mà chẳng phải là tội ư ! Thế nên rất phải tự giữ gìn những giới pháp như vậy. Nếu không giữ gìn, thời lấy pháp gì mà gọi là cấm giới ?

Trong các kinh, Như Lai cũng nói nếu có phạm bốn tội trọng Ba la di cho đến phạm tội nhỏ Đột kiết la, thời phải theo luật mà trị tội. Nếu chúng sanh chẳng hộ trì cấm giới, làm sao thấy được Phật tánh.

Dầu tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng phải do nơi trì giới rồi sau mới được thấy. Do thấy Phật tánh mà được thành Vô thượng Chánh giác.

Trong chín bộ kinh, không có kinh Đại thừa Phương Đẳng, cho nên không nói có Phật tánh. Dầu không nói, nhưng phải biết là thiết có Phật tánh.

Người nào nói những lời như đây, thời thiết là đệ tử của Như Lai".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Như trên đã nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Trong chín bộ kinh chưa từng nghe thấy điều này. Như nói là có thời sao lại không phạm tội Ba la di ?".

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Như lời ông nói đó, thiết chẳng phạm tội Ba la di. Như có người nói trong biển cả chỉ có bảy thứ báu, không có tám thứ. Người này không có lỗi. Cũng vậy, nếu nói trong chín bộ kinh, không có Phật tánh, vẫn là vô tội. Vì Như Lai ở trong biển lớn đại trí Đại thừa nói có Phật tánh. Hàng Nhị thừa chẳng thấy biết mà nói là không, nên chẳng mắc tội. Cảnh giới này là chỗ thấy biết của Phật, chẳng phải hàng Thanh Văn và Duyên Giác biết đến.

Này Ca Diếp ! Người không được nghe tạng pháp thậm thâm bí mật của Như Lai thời làm thế nào biết rằng có Phật tánh. Những gì gọi là tạng pháp thậm thâm bí mật của Như Lai ? Chính là kinh điển Đại thừa Phương Đẳng vậy.

Này Ca Diếp ! Có các nhà ngoại đạo, hoặc nói ngã là thường còn, hoặc nói ngã là đoạn diệt.

Như Lai không nói như vậy, mà cũng nói là có ngã và cũng nói là không ngã. Đây gọi là trung đạo.

Nếu có người nói : Đức Phật nói trung đạo : Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, vì phiền não che ngăn nên không thấy không biết. Vì thế nên phải siêng năng tu tập để dứt trừ phiền não.

Ai nói được những lời trên đây thời chẳng phạm bốn tội trọng. Nếu không nói được như đây thời gọi là phạm tội Ba la di.

Nếu có người nói : "Tôi đã thành Phật, vì tôi có Phật tánh." Người nói lời này phạm tội Ba la di. Vì dầu có Phật tánh, nhưng chưa tu tập các pháp lành nên chưa được thấy, vì chưa thấy Phật tánh nên chẳng được thành Phật.

Này Ca Diếp ! Do những nghĩa này nên Phật pháp rất sâu chẳng thể nghĩ bàn".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Có Quốc vương hỏi thế nào là Tỳ Kheo mắc phải tội đại vọng ngữ ?".

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Nếu có Tỳ Kheo vì cầu lợi, vì việc uống ăn, rồi làm những cách dua nịnh gian ngụy khi trá, thế nào cho người đời tưởng thật ta là bậc khất sĩ, để ta được danh to lợi lớn. Tỳ Kheo này nhiều ngu si, tự biết rằng chính mình

chưa chứng đặng bốn quả Thánh, trong lòng luôn suy nghĩ phải làm thế nào cho người đời, các Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di đều nói rằng ta đã chứng quả, là bực phước đức lớn, thiệt là Thánh nhơn, Tỳ Kheo suy nghĩ cầu lợi chẳng phải cầu pháp, ta phải đi đứng đoan nghiêm, chấp trì y bát, giữ đúng oai nghi, ở riêng nơi yên vắng như A La Hán. Làm cho người đời đều bảo rằng : Tỳ Kheo như thế là bực lành bực tốt nhất, Ngài tinh cần khổ hạnh tu pháp tịch diệt. Như thế ta sẽ có đệ tử đông, cũng sẽ được người cúng dường trọng hậu, khiến hàng phụ nữ cung kính mến tưởng.

Nếu có Tỳ Kheo hay Tỳ Kheo Ni nào làm những sự như vậy thì mắc phải tội đại vọng ngữ".

Lại như có Tỳ Kheo vì muốn kiến lập chánh pháp vô thượng nên ở nơi yên vắng, tự chẳng phải A La Hán mà muốn làm cho mọi người tin tưởng gọi là A La Hán, là Tỳ Kheo tốt, Tỳ Kheo lành, Tỳ Kheo tịch tịnh, được nhiều người xuất gia theo làm quyến thuộc. Nhơn đó khuyên dạy các Tỳ Kheo và Ưu Bà Tắc phá giới, đều khiến trì giới. Do đây mà chánh pháp được kiến lập, làm rạng rỡ pháp vô thượng của Như Lai, khai hiển Phương Đẳng Đại thừa, độ thoát vô lượng chúng sanh, khéo hiểu những nghĩa khinh trọng trong kinh luật mà Như Lai đã nói. Tỳ Kheo này lại nói : Nay ta cũng có Phật tánh. Có kinh điển gọi là tạng bí mật của Như

Lai. Nơi trong kinh này, ta sẽ quyết định đặng thành Phật đạo, có thể dứt sạch vô lượng ức phiến não kiết sử. Vì vô lượng Ưu Bà Tắc mà nói rằng : Các ông đều có Phật tánh, ta cùng các ông đều sẽ an trụ nơi cấp bậc của Như Lai mà thành Vô thượng Chánh giác, dứt sạch vô lượng phiến não kiết sử. Tỳ Kheo nói những lời trên đây không gọi là người phạm đại vọng ngữ mà gọi là bậc Bồ Tát.

Như nói : Người phạm tội Đột kiết la phải bị đọa trong địa ngục chịu tội đến tám trăm muôn năm tính theo năm tháng ở cõi trời Đao Lợi, huống là cố phạm tội Du lan giá.

Trong Đại thừa đây, nếu có Tỳ Kheo phạm tội Du lan giá thời không nên thân cận.

Những gì gọi là tội Du lan giá trong kinh Đại thừa ?

Nếu có đàn tín tạo lập chùa Phật, đem các tràng hoa dùng cúng dường Phật. Có Tỳ Kheo thấy chỉ trong râu hoa, không hỏi xin mà lấy thời phạm tội Du lan giá. Hoặc biết hay chẳng biết cũng đều phạm như vậy. Nếu vì tâm tham mà phá hoại tháp Phật thời phạm tội Du lan giá. Không nên thân cận những người như vậy.

Nếu đàn tín thấy tháp Phật hư, vì muốn tu bố cúng dường xá lợi, nơi trong tháp này hoặc được châu báu bèn đem gọi Tỳ Kheo. Tỳ Kheo lãnh rồi bèn tự ý thọ

dụng. Tỳ Kheo này gọi là hạng bất tịnh, sanh nhiều sự đấu tránh. Các Ưu Bà Tắc tốt không nên gần gũi cúng dường. Tỳ Kheo như vậy gọi là vô căn, gọi là hai căn, gọi là bất định căn.

Người bất định căn lúc tham muốn làm gái, thân liền biến làm gái, lúc tham muốn làm trai thân liền biến làm trai.

Tỳ Kheo như vậy gọi là ác căn, không gọi là nam, không gọi là nữ, không gọi là tại gia, không gọi là xuất gia. Với Tỳ Kheo này, không nên thân cận cung kính cúng dường.

Trong Phật pháp, về pháp tắc của hàng Sa Môn, phải sanh lòng từ bi lợi ích chúng sanh, cho đến loài trùn kiến cũng phải ban sự vô úy, đây là pháp của Sa Môn. Xa lìa uống rượu cho đến người mùi đây là pháp của Sa Môn. Chẳng được vọng ngữ cho đến trong giấc mộng cũng không nghĩ đến sự vọng ngữ, đây là pháp của Sa Môn. Chẳng sanh lòng dục cho đến trong giấc mộng cũng không nghĩ đến lòng dục, đây là pháp của Sa Môn".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Nếu Tỳ Kheo ngủ chiêm bao hành dâm dục, có phạm giới chăng ?".

Phật dạy : "Không phạm giới. Ở nơi sự dâm dục, phải sanh ý nghĩ là hôi nhơ, cho đến không có một niệm tưởng là sạch tốt. Tránh sự nghĩ tưởng ái nhiễm

hàng phụ nữ. Nếu chiêm bao hành dâm, lúc thức dậy phải hổ thẹn ăn năn. Nếu móng lòng dâm dục phải kíp trừ bỏ. Tỳ Kheo đi khát thực, lúc nhận cúng dường, phải có ý tưởng như ăn thịt con đê trong thời kỳ đói kém. Pháp môn trên đây là kinh luật của Phật nói. Người thuận theo đây thời là bực Bồ Tát.

Nếu có kẻ nào nói rằng đức Phật cho phép Tỳ Kheo luôn đứng co một chơn, luôn nín lặng không nói, hoặc nhảy vào lửa, nhảy xuống vực, từ trên gộp đá cao tự nhảy xuống chẳng tránh sự hiểm nạn, hoặc uống độc dược, hoặc tuyệt thực, nằm trên tro đất, tự trói tay chơn, hoặc giết hại chúng sanh, bằng môn chú thuật, con nhà hàng thịt, không căn, hai căn, bất định căn, giác quan không đủ. Như Lai đều cho những người trên đây xuất gia hành đạo. Phải biết lời này của ma nói.

Nếu có chỗ nào nói rằng cho mặc Ma ha lãng già, đều cho chứa cất tất cả hột giống, loài cỏ cây đều có thọ mạng, Như Lai nói lời này rồi bèn vào Niết Bàn. Phải biết trên đây là lời của ma nói.

Trước kia Như Lai cho ăn năm thứ sữa bò cùng với dầu, mật, cho mặc y kiêu xa gia, dép da v.v... trừ những vật của ngoại đạo.

Như Lai cũng không cho luôn đứng co một chơn, mà bảo theo đúng chánh pháp pháp tùy ý đi đứng nằm ngồi. Như Lai cũng chẳng cho tuyệt thực hay uống độc

được, hoặc năm thứ nóng đốt thân, trói cột tay chơn, giết hại chúng sanh, luyện bùa môn chú thuật, dùng ngà voi châu ngọc làm dép da. Chẳng cho mặc Ma ha lăng già, chứa cất các hột giống. Chẳng nói cỏ cây có thọ mạng. Nếu ai nói Như Lai cho phép và nói như trên đây, phải biết kẻ ấy là quyến thuộc của ngoại đạo, không phải là đệ tử của Phật.

Như Lai chỉ cho ăn năm thứ sữa bò và dầu, mật, cho mang dép da, mặc y kiêu xa gia. Như Lai nói tứ đại không có thọ mạng. Kinh luật nào nói như vậy chính là lời của Phật. Thuận theo lời Phật là đệ tử của Phật. Còn không thuận theo lời Phật thì là quyến thuộc của ma. Nếu có người nào tùy thuận kinh luật của Phật, phải biết đó là bực Bồ Tát.

Này Ca Diếp ! Thế nào là lời của ma nói, thế nào là lời của Phật nói. Nay Như Lai đã phân biệt nhiều cho ông rồi".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Nay con mới biết rõ chỗ sai biệt của lời Phật nói cùng lời ma nói, nhưn đây mà con được ngộ nhập nghĩa sâu của Phật pháp".

Phật khen Ca Diếp Bồ Tát : "Này Ca Diếp ! Ông có thể hiểu rành rẽ như vậy, đáng gọi là người thông sáng."



X

PHẨM TỨ ĐẾ

Thứ mười

Này Ca Diếp ! Nói là "khổ" đó, chẳng gọi là Thánh đế. Tại sao vậy ? Vì nếu nói "khổ" là khổ thánh đế, thì tất cả trâu, dê, lừa, ngựa cùng người địa ngục lẽ ra có Thánh đế.

Này Ca Diếp ! Nếu có người nào chẳng biết cảnh giới rất sâu của Như Lai với pháp thân vi mật thường trụ không biến đổi, cho là thực thân không phải pháp thân, chẳng biết đạo đức oai lực của Như Lai, đây gọi là "Khổ".

Do vì chẳng biết nên nơi "pháp" thấy là "phi pháp", nơi "phi pháp" thấy là "pháp". Phải biết người này ắt phải đọa vào ác thú mãi trôi lăn trong vòng sanh tử, thêm lớn nghiệp hoặc chịu nhiều khổ nẫu.

Nếu có người hay biết Như Lai thường trụ không có biến đổi, hoặc nghe tiếng nói hai chữ "thường

trụ" một lần phốt qua tai, bèn được sanh lên cõi trời. Về sau, lúc được giải thoát, mới được chúng biết Như Lai thường trụ không có biến đổi. Khi đã chúng biết bèn tự nói : "Ngày trước, tôi từng nghe nghĩa thường trụ này, nay được giải thoát mới được chúng biết. Đối với bốn tế, vì không rõ biết, nên tôi phải luân hồi sanh tử xoay lẫn vô cùng, ngày nay mới bắt đầu đặng chúng biết như thật".

Nếu người nào biết như vậy, thiệt là tu "khổ đế" được nhiều lợi ích lớn. Nếu người không biết, dầu là siêng tu nhưng không được lợi ích, đây gọi là "Khổ", gọi là "Khổ thánh đế".

Nếu người nào không tu tập được như vậy, thời gọi là "khổ", chẳng phải Khổ thánh đế".

"Khổ tập đế" là, nơi trong chơn pháp chẳng sanh chơn trí. Thọ lấy vật bất tịnh, tức là nô tỳ, hay nói phi pháp là chánh pháp, dứt diệt chánh pháp chẳng cho còn lâu. Vì nhơn duyên này mà không biết được pháp tánh, vì không biết mà luân hồi sanh tử chịu nhiều sự khổ não, chẳng được sanh cõi trời và chánh giải thoát. Nếu có thâm trí chẳng hoại chánh pháp, do nhơn duyên này được sanh cõi trời và chánh giải thoát.

Nếu có người không biết khổ tập đế, mà nói chánh pháp không có thường trụ. Đây đều là diệt pháp. Vì nhơn duyên này nên trong vô lượng kiếp lưu chuyển sanh tử chịu các sự khổ não.

Nếu có thể biết pháp thường trụ chẳng khác, đây gọi là biết "tập", gọi là "Tập thánh đế". Nếu người không thể tu tập được như vậy thì gọi là "Tập", chẳng phải "Tập thánh đế".

"Khổ diệt đế" là, nếu người tu học nhiều pháp không thì là chẳng tốt. Bởi vì sao ? Vì dứt tất cả pháp, vì hư hoại chơn pháp tạng Như Lai. Tu học như trên đây gọi là tu pháp không. Người tu khổ diệt đế thì nghịch lại tất cả pháp tu của ngoại đạo. Nếu nói rằng tu pháp không là diệt đế đó, thì tất cả ngoại đạo cũng tu pháp không, đáng lẽ họ có Diệt đế. Nếu có người tu tập Như Lai tạng : Vô ngã không tịch, người này nơi vô lượng đời lưu chuyển thọ khổ trong vòng sanh tử. Nếu có người chẳng tu tập như vậy, dầu có phiền não nhưng chóng có thể diệt trừ, vì người này biết tạng bí mật Như Lai.

Nếu có người nói rằng có tạng Như Lai, dầu chẳng thấy được nhưng nếu có thể diệt trừ tất cả phiền não đây thì đặng chứng nhập. Nếu phát tâm như trên đây, như duyên trong một niệm, có thể đặng tự tại đối với tất cả pháp.

Nếu người nào có thể tu tập Diệt đế như vậy chính là đệ tử của ta. Bằng không, thì gọi là tu pháp không chẳng phải diệt Thánh đế vậy.

Đạo Thánh đế tức là Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo và chánh giải thoát.

Có hạng chúng sanh điên đảo cho rằng không Phật, không Pháp, không Tăng và không chánh giải thoát, sanh tử lưu chuyển dường như huyễn hóa. Do kiến chấp này nên lưu chuyển ba cõi chịu nhiều khổ não.

Nếu người có thể phát tâm thấy rằng Như Lai thường trụ không biến đổi, Pháp, Tăng giải thoát cũng thường trụ như vậy. Nhờ một niệm này trong vô lượng đời tùy ý mà đặng quả báo tự tại.

Như ta thuở trước, vì bốn thứ điên đảo, chẳng phải pháp chấp là pháp, nên mắc lấy vô lượng nghiệp quả ác.

Ngày nay ta đã diệt hết những kiến chấp như vậy, nên đặng thành Phật Vô thượng Chánh giác. Đây gọi là đạo Thánh đế.

Nếu có người cho rằng Tam Bảo là vô thường, đây là lỗi tu hư vọng chẳng phải Đạo Thánh đế.

Nếu người tu tập Tam Bảo là thường trụ, người này là đệ tử của ta, chơn chánh tu tập thấy bốn pháp Thánh đế. Trên đây gọi là bốn Thánh đế.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật rằng : "Thế Tôn ! Nay tôi mới biết tu tập bốn pháp Thánh đế rất sâu".



XI

PHẨM TỨ ĐẢO

Thứ mười một

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Này Thiện nam tử ! Thế nào là Tứ Đảo (bốn điều điên đảo) ? "Nơi chẳng phải khổ tưởng cho là khổ", gọi là điên đảo. Chẳng phải khổ chỉ cho Như Lai.

Tưởng cho là khổ, tức là cho rằng Như Lai là vô thường biến đổi.

Nếu có người nói Như Lai là vô thường, đây gọi là tội khổ rất lớn.

Nếu nói Như Lai khi xả thân khổ này để nhập Niết Bàn như củi hết lửa tắt, đây gọi là chẳng phải khổ mà tưởng cho là khổ. Chính đó là điên đảo.

Nếu ta nói rằng Như Lai là thường thì là chấp ngã, vì chấp ngã nên có vô lượng tội, thế nên phải nói Như Lai là vô thường, nói như thế thì ta vui thích.

Như Lai là vô thường chính đó là khổ, nếu đã là khổ thế nào sanh vui. Bởi ở trong khổ tưởng cho là vui nên gọi là điên đảo.

Nơi vui tưởng cho là khổ, gọi là điên đảo. Vui tức là Như Lai. Khổ tức là Như Lai vô thường. Nếu nói Như Lai là vô thường đây gọi là nơi vui tưởng cho là khổ.

Như Lai thường trụ, đây gọi là vui.

Nếu ta nói rằng Như Lai là thường, sao lại nhập nơi Niết bàn. Nếu nói Như Lai chẳng phải là khổ, sao lại bỏ thân mà diệt độ. Bởi ở trong vui tưởng cho là khổ nên gọi đó là điên đảo. Các điều tưởng lầm như trên gọi là sự điên đảo thứ nhất.

"Vô thường tưởng là thường, thường tưởng là vô thường", đây gọi là điên đảo.

Vô thường chỉ chẳng tu pháp không. Vì chẳng tu pháp không nên thọ mạng ngắn ngủi.

Nếu có người cho rằng chẳng tu pháp không tịch thời đặng trường thọ. Quan niệm đó gọi là điên đảo. Đây là sự điên đảo thứ hai.

"Vô ngã tưởng là ngã, ngã tưởng là vô ngã" đây là điên đảo.

Người đời cũng nói có ngã, trong Phật pháp cũng nói có ngã.

Người đời đầu nói có ngã nhưng không có Phật tánh, đây thời gọi là nơi vô ngã mà tưởng là ngã gọi đó là điên đảo.

Phật pháp nói có ngã tức là Phật tánh. Người đời lại nói Phật pháp không ngã, đây gọi là nơi ngã tưởng là vô ngã. Nếu nói Phật pháp quyết định vô ngã nên đức Như Lai dạy hàng đệ tử tu tập pháp vô ngã. Lời trên đây là điên đảo. Đây là điều điên đảo thứ ba.

"Tịnh tướng là bất tịnh, bất tịnh tướng là tịnh", đây gọi là điên đảo.

Tịnh chính là Như Lai thường trụ, chẳng phải thân tạp thực, chẳng phải thân phiền não, chẳng phải thân thối, chẳng phải là thân gân xương rành rịt.

Nếu có người nói rằng Như Lai là vô thường, là thân tạp thực, là thân thối, là gân xương rành rịt, cũng cho rằng Pháp, Tăng, Giải thoát đều là diệt tận, đó gọi là những quan niệm điên đảo vì tịnh mà cho là bất tịnh.

Bất tịnh tướng cho là tịnh, gọi đó là điên đảo.

Nếu có người nói rằng trong thân của ta đây không có một pháp nào là bất tịnh cả, bởi không có bất tịnh nên quyết định sẽ đặng vào nơi chỗ thanh tịnh. Thuyết tu bất tịnh quán của Như Lai là thuyết hư vọng.

Trên đây là quan niệm điên đảo. Đó gọi là điều điên đảo thứ tư".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật rằng : "Thế Tôn ! Từ nay tôi mới đặng chánh kiến. Bạch Thế Tôn, trước đây chúng tôi đều là người tà kiến cả".

